Nghiên cứu

LỊCH SỬ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT
GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

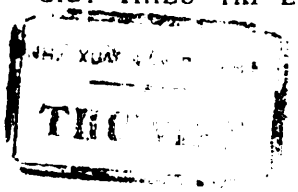

YẾU MỤC

★ *CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC CỦA CHÚNG TA ĐANG MỞ RA NHỮNG TRANG SỬ MỚI.*

★ *VỀ CUỐN « CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT-NAM — THỰC CHẤT VÀ HUYỀN THOẠI » CỦA ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG.*

★ *MỘT TÀI LIỆU VĂN SỬ : CHÍNH KHÍ CA VIỆT-NAM.*

VIỆN SỬ HỌC

73

4 — 1965

https://tieuluu.hopto.org

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

CHỦ NHIỆM : TRẦN-HUY-LIỆU
Thư ký tòa soạn : VĂN-TÂN

Số 73
THÁNG 4-1965

Mục lục

TRẦN-HUY-LIỆU — *Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất tổ quốc của chúng ta đương mở ra những trang sử mới.* 1

NGUYỄN-CÔNG-BÌNH — *Về cuốn « Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam — thực chất và huyền thoại » của ông Nguyễn-văn-Trung.* 4

LÊ-THƯỚC — *Một tài liệu văn sử : Chính khí ca Việt-nam.* 21

NGUYỄN-HỮU-THÙY — *Chính sách thực dân mới của Mỹ ở châu Phi (tiếp theo).* 30

HỒ-SONG — *Phan-chu-Trinh với thời đại của ông.* 38

TRƯỜNG-GIANG — *Những quan điểm triết học về lịch sử của Phan-chu-Trinh.* 44

★★★ — *Trích đăng một số bài bình luận về Phan-chu-Trinh.* 54

VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG — *Tìm thấy bài thơ của Lê-Lợi khắc trên mỏm đá.* 62

TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ 64

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 38, PHỐ HÀNG CHUỐI, HÀ-NỘI — DÂY NÓI : 3200

https://tieulun.hopto.org

CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC CỦA CHÚNG TA ĐƯƠNG MỞ RA NHỮNG TRANG SỬ MỚI

TRẦN-HUY-LIỆU

CUỘC đấu tranh giải phóng miền Nam, nếu kể từ ngày đồng bào miền Nam phối hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị vào khoảng cuối năm 1959 đầu năm 1960 tới nay đã hơn 5 năm. Một điều mà chúng ta cần nhận rõ là: trong cuộc chống đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai, đồng bào miền Nam đã làm một cuộc khởi nghĩa đúng hơn là một cuộc kháng chiến lần thứ hai. Thật thế, sau khi cuộc toàn quốc kháng chiến hạ màn bằng trận Điện-biên-phủ thắng lợi có tính chất lịch sử và hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết đem lại hòa bình ở Đông-dương thì từ vĩ tuyến 17 trở về Nam đến mũi Cà-mau, quân đội của ta đã tập kết ra ngoài Bắc cũng như bộ máy chính quyền của ta vốn có từ trước đã đình chỉ không hoạt động nữa. Nếu đế quốc Mỹ không nhảy vào phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, tổ chức ngụy quyền ngụy quân, âm mưu chia xé lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt-nam làm thuộc địa kiểu mới của chúng thì việc thống nhất Tổ quốc của ta chỉ là thực hiện một «chương trình nghị sự» đã được vạch ra. Nhưng thực tế lịch sử diễn ra không đơn giản như thế. Cuộc đấu tranh thực hiện hiệp nghị Giơ-ne-vơ chẳng phải chỉ bằng chính trị, dựa trên pháp lý quốc tế, mà còn phải bằng vũ trang, dựa vào lực lượng của dân tộc; chẳng phải chỉ tính đốt ngón tay hai năm chờ đợi, mà là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Như vậy, cuộc đấu tranh vũ trang của đồng bào miền Nam ta chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai vừa là chống xâm lược, vừa làm nội chiến cách mạng. Cuộc đấu tranh vũ trang chống xâm lược của đồng bào miền Nam từ cuối năm 1959, từ không đến có, càng có tính chất như một cuộc khởi nghĩa, khởi nghĩa từng phần đến khởi nghĩa toàn bộ. Tôi muốn nhấn mạnh vào tính chất của cuộc khởi nghĩa để phân biệt với cuộc kháng chiến; cuộc khởi nghĩa từ nhân dân dấy lên khác với cuộc kháng chiến của một quốc gia bị xâm lược có quân đội, có bộ máy nhà nước hoàn chỉnh, chống với bọn xâm lược từ ngoài vào.

Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam đương tiến trên một giai đoạn mới. Ở đây, tôi sẽ nói nhiều về những cuộc đảo chính liên tiếp về phía địch và phong trào đấu tranh đương dấy lên ở thành thị hiện nay.

Như mọi người đều biết, sau cuộc đảo chính Ngô-đình-Diệm do Mỹ gây nên ngày 1-11-1963 tới nay, những cuộc đảo chính kế tiếp bằng hình thức này hay hình thức khác đã diễn ra tới lần thứ 10 và còn có thể diễn ra nữa. Nếu cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam chúng ta hiện nay đã trở nên tiêu biểu của các dân tộc bị áp bức chống đế quốc nói chung, chống đế quốc Mỹ nói riêng, thì, những cuộc đảo chính do đế quốc Mỹ và bọn tay sai gây ra tại miền Nam Việt-nam hiện nay cũng đương chiếm kỷ lục trên thế giới về số liệu và nhịp độ của nó. Thậm chí, hai cuộc đảo chính đã diễn ra trong hai ngày, người ta có thể ví đế quốc Mỹ và bọn quân phiệt tay sai đã thay đổi chính quyền của chúng như thay chiếc quần lót. Nhân dân thành phố Sài-gòn sau một đêm ngủ không yên sáng bừng thức dậy không biết cái gọi là «chính phủ» của bọn tay sai ấy có còn hay không. Vấn đề đề ra là: những hiện tượng «vô chính phủ» của bọn tay sai đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta đã diễn ra theo qui luật gì? Chủ yếu vì đâu? Ai cũng biết, những mâu thuẫn trong nội bộ địch vốn sẵn có trong bản thân nó: mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc, cụ thể là giữa đế quốc Mỹ với đế quốc Pháp, giữa bọn tay sai đế quốc Mỹ với tay sai đế quốc Pháp ở miền Nam nước ta; mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với bọn tay sai và mâu thuẫn giữa bọn tay sai với nhau. Nhưng những mâu thuẫn trong nội bộ địch đều tùy thuộc vào mâu thuẫn chính là mâu thuẫn giữa chúng với nhân dân miền Nam Việt-nam. Và, nhân dân miền Nam Việt-nam càng đánh thắng thì mâu thuẫn giữa địch càng nhịp nhàng gay gắt. Nói cùng mà nghe, nếu đế quốc Mỹ và tên tay sai đắc lực là Ngô-đình-Diệm đè bẹp được sức chống trả của nhân dân miền Nam Việt-nam thì thày tớ chúng hẳn không từ chỗ lủng củng với nhau đi tới giết hại nhau. Hay nói cách khác, nếu chủ Mỹ với con ngựa Ngô-đình-Diệm không bị những làn nước lũ uy hiếp cuốn đi thì làm gì phải thay ngựa giữa dòng. Sau Ngô-đình-Diệm, những cuộc lật đổ cùng với những âm mưu lật đổ trở nên

https://tieulun.hopto.org

một nếp sống của bọn quân phiệt tay sai Mỹ và chủ Mỹ đối với tay sai. Đây cũng là một hình thức của chủ nghĩa thực dân mới mà đế quốc Mỹ đem ra ứng dụng ở miền Nam Việt-nam, vì như chúng ta đã biết, bọn thực dân kiểu cũ đối với bầy tôi tớ của chúng thì không cần dùng tới thủ đoạn này.

Thế rồi, nhân dân miền Nam càng đánh càng thắng thì nội bộ địch càng thêm khủng hoảng, chia rẽ, lật đổ lẫn nhau. Ngược lại, bọn địch càng cắn quần nhau thì lực lượng cách mạng càng được đà phát triển. Đó là một qui luật rất dễ hiểu. Tuy vậy, cũng theo qui luật, cuộc khủng hoảng chính trị của địch không phải cứ kéo dài mãi theo lối « chu kỳ » mà sẽ càng ngày càng gay gắt, hỗn loạn, cho tới ngày tổng khủng hoảng, không mong ổn định được nữa dù là một thời gian ngắn. Thật thế, sau khi Ngô-đình-Diệm bị thủ tiêu, đế quốc Mỹ tưởng rằng có thể chọn tên tay sai khác để ổn định tình thế và mỗi cuộc đảo chính, đối với chúng đều coi như một cuộc lật đổ cuối cùng. Thế nhưng, qui luật lịch sử không tiến triển theo ý muốn của chúng, mỗi cuộc đảo chính xuất hiện đã chứa đựng mầm mống của một cuộc đảo chính khác sắp tới. Đế quốc Mỹ không muốn luôn luôn diễn ra cuộc đảo chính nhưng tự tay Mỹ vẫn gây ra cuộc đảo chính và dù muốn hay không, những cuộc đảo chính cứ tiếp tục diễn ra. Chẳng những thế, thời gian giữa hai cuộc đảo chính ngày càng xích lại gần nhau hơn, cho tới khi tổng khủng hoảng chính trị thì đảo chính sẽ trở nên thường xuyên cho tới tan rã hoàn toàn. Do đó, phối hợp chủ quan với khách quan, mối mâu thuẫn sẵn có trong lòng địch, nhưng đẩy mạnh nó, khai thác nó, xuất phát điểm là sự đoàn kết chiến thắng của ta.

Trong quá trình chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, gần đây còn nổi lên một nét đặc biệt là phong trào đấu tranh dâng lên ở thành thị. Chúng ta ai cũng nhận rằng: cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam hiện nay, cũng như những ngày tiền khởi nghĩa của Cách mạng tháng Tám 1945 và cuộc toàn quốc trường kỳ kháng chiến, cơ sở lúc đầu là thôn quê rộng lớn mà chỗ dựa là đông đảo nông dân. Đã có lúc, người ta đánh dấu sự không đồng đều giữa phong trào thôn quê và thành thị, giữa nông dân và công nhân. Đành rằng ở một xứ nông nghiệp như nước ta và trong khi thế lực phản động tập trung ở thành thị thì những căn cứ địa và hoạt động du kích tất nhiên phải xuất phát từ nông thôn. Nhưng tới khi phong trào nông thôn (có nghĩa là phong trào nông dân) đã lên mạnh mà ở thành thị vẫn chưa phối hợp kịp thời, ví như người có hai chân mà một chân mạnh muốn rảo bước, còn một chân yếu không lê theo kịp thì bước đi vẫn chưa thật vững chắc và nhanh gọn. Trong khi lực lượng cách mạng đã làm chủ thôn quê, ta đã có thể đem thôn quê bao vây thành thị và triệt đường giao thông của chúng; nhưng sự đòi hỏi của cao trào cách mạng là phải đẩy lên ở thành thị, chẹn được yết hầu và hệ thống mạch máu của địch, làm tê liệt trung tâm chỉ huy của địch về chính trị, quân sự cũng như về kinh tế. Và, như mọi người đều biết, một cuộc tổng khởi nghĩa nổi lên, điểm định đoạt cuối cùng vẫn là thành thị.

Điểm lại, tại miền Nam, phong trào thành thị, trung tâm là Sài-gòn — Chợ-lớn, thì từ năm 1954, những cuộc đấu tranh bằng hình thức này hay hình thức khác đã kế tiếp diễn ra. Mở đầu là phong trào hòa bình bao gồm một số đông nhân sĩ trí thức yêu nước và tư sản. Kế đó là những cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động đòi cứu tế cho những nạn nhân do cuộc đánh nhau giữa Ngô-đình-Diệm và các giáo phái gây ra; những cuộc vận động đòi hiệp thương tổng tuyển cử; đòi tự do dân chủ; cấm nhập cảng hàng hóa, bảo vệ công thương nghiệp dân tộc; chống đuổi nhà; đòi giảm thuế môn bài v.v... Chủ yếu là phong trào công nhân, thì, từ năm 1955, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, bao gồm mấy ngành trọng yếu như xe lửa, thương khẩu, công ty hàng không, điện nước, vận tải, giao thông v.v... Cho đến cuối năm 1959, trong khi thôn quê đã nổ ra những cuộc biểu tình chính trị, những cuộc đấu tranh vũ trang tự vệ, thì ở thành thị, cuộc đấu tranh của công nhân vẫn dưới những khẩu hiệu kinh tế, nói chung. Một đôi khi có những khẩu hiệu chống khủng bố hay chống dự luật đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật ở các xí nghiệp, đồn điền thì cũng chưa phải đã thành một cuộc vận động lớn. Tuy vậy, sang năm 1960, bên những cuộc đấu tranh của công nhân, hàng ngũ thị dân tham gia phong trào đã xuất hiện trong những cuộc biểu tình của học sinh Sài-gòn đòi bỏ lệ phí thi cử, giảm học phí trường tư; cuộc phản đối của các giáo sư chống việc khủng bố các nhà giáo và đóng cửa các trường tư; các luật sư họp hội nghị chống dự luật 102, các giáo sư, sinh viên và phụ huynh học sinh họp hội nghị đòi dạy tiếng Việt ở bậc đại học v. v... Ngày 11-11-1960, trong lúc cuộc đảo chính Diệm đương diễn ra, nhân dân Sài-gòn đã biểu tình chống Mỹ Diệm, đòi đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam. Và, từ năm 1961, những cuộc biểu tình to lớn và liên tiếp của nông dân các địa phương kéo vào các thị xã, thị trấn đã kích động và được sự ủng hộ của thị dân, hình thành thế công nông liên minh ngày càng vững chắc. Hai mươi lăm vạn công

https://tiqulun.hopto.org

nhân và lao động trực tiếp tham gia đấu tranh. Sinh viên, học sinh Sài-gòn, Huế hội họp chống Mỹ Diệm bắt lính. Công nhân hãng dầu của Mỹ ở Sài-gòn đình công chiếm xưởng, làm cho máy bay phản lực của địch không hoạt động được bình thường. Học sinh nhiều trường trung học ở Bà-rịa bãi khóa, biểu tình chống việc bắt học sinh luyện tập quân sự. Học sinh thị xã Bến-tre biểu tình đòi bãi bỏ các tổ chức phản động ở nhà trường và chấm dứt chiến tranh ở miền Nam. Vụ xử án Lê-quang-Vịnh và những tiếng nói đanh thép của các chiến sĩ bị cáo trước tòa án của Mỹ Diệm đã dội một tiếng vang lớn, làm nổ ra những cuộc mít-tinh của các học sinh, sinh viên và phụ huynh học sinh ở Chợ-lớn, Tân-an... vào đầu tháng 6-1962. Nhưng phong trào thành thị phát triển và nổi bật lên là từ năm 1963. Một điểm đáng chú ý là những cuộc vận động của các tín đồ phật giáo, của sinh viên, học sinh, thanh niên và các tầng lớp thị dân chống chính quyền Ngô-đình-Diệm mặc dầu có những màu sắc khác nhau, nhưng không được mầu tôn giáo, mà là một cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn, kết hợp, từ Sài-gòn, Đà-lạt, Nha-trang, Qui-nhơn, Đà-nẵng đến Huế, với tính chất yêu nước, đòi tự do dân chủ, chống khủng bố, chĩa thẳng vào bọn tay sai đầu sỏ của đế quốc Mỹ. Phong trào mạnh mẽ đã bất chấp cả lệnh thiết quân luật của bọn thống trị và từ thành thị, động viên được cả đồng bào thôn quê, đến cả những người từ lâu vẫn đứng ngoài cuộc đấu tranh. Thế là, từ đây, căn cứ địa cuối cùng của đế quốc Mỹ và bọn tay sai là thành thị đã bị rung động. Và, nhịp rung động ngày càng dữ dội chuyển từ năm 1963 sang năm 1964. Mở đầu vẫn là phong trào công nhân: công nhân của hãng Vi-na-tếch-cô và Vi-na-tê-phin-cô, của ô-tô buýt, của hãng dầu Sen, của ngành điện nước, nổi bật lên là cuộc biểu tình của hàng vạn công nhân lái xe tắc-xi chống bọn xâm lược Mỹ giết người. Hưởng ứng với cuộc đấu tranh của công nhân Vi-mi-tếch, công nhân và lao động Sài-gòn — Chợ lớn đã biểu dương sức mạnh của mình bằng cuộc tổng bãi công để chống lệnh cấm bãi công, biểu tình để chống lệnh cấm biểu tình. Cuộc bãi công ở bến tầu Sài-gòn đã làm mọi hoạt động của địch, kể cả việc vận tải xe quân sự, phải đình đốn. Chiếc tầu Mỹ mang tên Tổng thống Mekinley phải rời bến cùng với số xe cộ trên tầu định đem vào chiến trường miền Nam Việt-nam. Tiếp theo phong trào công nhân, từ tháng 8-1964 trở đi là những cuộc đấu tranh mãnh liệt của các tầng lớp thị dân từ Sài-gòn, Phan-thiết, Phú-yên, Nha-trang, Đà-lạt, Qui-nhơn, Đà-nẵng, Huế đến Quảng-trị... gồm hàng chục vạn thanh niên, học sinh và tín đồ đạo Phật đã xuống đường biểu tình đòi thủ tiêu chính quyền tay sai của Mỹ: Nguyễn Khánh và Trần-văn-Hương. Bên những khẩu hiệu chống chính quyền độc tài, đồng bào Đà-nẵng đã thét vang «đả đảo bọn cõng rắn cắn gà nhà»; đồng bào Huế đòi Tay-lơ cút về nước, học sinh Bến-tre hô đế quốc Mỹ cút đi! Những hình thức đấu tranh trong lúc này, ngoài những cuộc biểu tình, bãi công, bãi thị, bãi khóa, đã xuất hiện nhiều sáng kiến mới và mang tính chất quyết liệt. Đồng bào Huế đã biểu tình ngồi chặn những ngã đường giao thông trọng yếu trong thành phố, đến cả chiếm sân bay làm trở ngại cuộc vận động quân sự của địch. Đồng bào Sóc-trăng xông vào sân bay níu không cho máy bay chở quân đi càn quét giết hại nhân dân. Những cuộc đấu tranh kể trên chẳng những phối hợp chặt chẽ với những cuộc đấu tranh ở thôn quê mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào lớn lao của đông đảo nông dân đương nổi lên như vũ bão. Đúng như nhận định của Hội nghị mở rộng của chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ngày 11-12-1964 là «*phong trào đô thị gần đây đã chứng minh một cách rõ rệt vai trò chiến lược của nó trong sự nghiệp cách mạng chung,... bão trước cơn bão táp sẽ nổi lên ngay trong lòng địch*».

Thực ra, những ngày gần đây, cơn bão táp đã *bắt đầu* nổi lên trong lòng địch rồi và như vậy mới đúng với qui luật tiến triển của cách mạng. Trở lên trên, chúng tôi mới nhắc đến quá trình đấu tranh ở thành thị, chưa kể đến những cuộc đấu tranh vũ trang bằng hình thức này hay hình thức khác đương diễn ra ngay ở thành thị hiện nay. Tất cả nói lên rằng căn cứ địa cuối cùng của địch ở thành thị cũng đương bị lực lượng cách mạng làm rung chuyển hàng giờ hàng ngày và trật tự thành thị của chúng đương bị rối loạn cho đến khi đảo lộn.

* * *

Rõ ràng là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ nhưng tất thắng của chúng ta đương tiến tới một giai đoạn quyết liệt. Trong khi tôi viết bài này thì cuộc đảo chính giữa phe địch đã đếm được đến lần thứ 11 và phong trào đòi hòa bình cũng đương nhóm lên ở Sài-gòn. Quá trình những cuộc đảo chính là một quá trình biện chứng. Chúng ta không chỉ nhìn thấy ở đó những động cơ riêng lẻ, mà phải thấy ở đó một qui luật chung là ta càng thắng, địch càng thua thì mâu thuẫn nội bộ địch càng gay gắt và cuối cùng đi tới tan vỡ. Đế quốc Mỹ

(Xem tiếp trang 20)

https://tieulun.hopto.org

Về cuốn

«CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT-NAM – THỰC CHẤT VÀ HUYỀN THOẠI» CỦA ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG

NGUYỄN-CÔNG-BÌNH

THÁNG 11-1963, ở miền Nam, ông Nguyễn-văn-Trung cho ra cuốn *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam — Thực chất và huyền thoại* (1). Đây là một chuyên đề lịch sử. Chúng tôi chú ý tới quyển sách này vì :

— Công trình nghiên cứu, sưu tầm về lịch sử ở miền Nam Việt-nam suốt 10 năm qua thật quá ít ỏi, nhất là những công trình sưu tầm, nghiên cứu có tính chất khoa học một phần nào thì lại càng hiếm hoi. Dĩ nhiên dưới sự thống trị của bọn cướp nước và bán nước, những người nghiên cứu lịch sử có lương tâm không thể công bố được những tác phẩm lịch sử có giá trị khoa học của mình. Vì bản thân khoa học lịch sử đã là một khoa học đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng. Lịch sử cận hiện đại Việt-nam lại càng là một lợi khí đấu tranh cách mạng chống ngoại xâm, chống áp bức và bóc lột. Ở miền Nam hiện nay, một bọn bồi bút cho đế quốc Mỹ và tay sai đã núp dưới danh nghĩa nghiên cứu lịch sử để mà xuyên tạc lịch sử, phục vụ cho bọn thống trị. Nhưng những tác phẩm của chúng thì lại chẳng có giá trị khoa học gì và cũng chẳng hơn gì hàng loạt tác phẩm lịch sử soạn ra la liệt trước kia phục vụ cho chế độ thực dân Pháp. Cho nên không lấy làm lạ rằng, dưới cái chính thể « cộng hòa Việt-nam » nhà trường vẫn dùng làm sách giáo khoa những cuốn sử biên soạn cách đây hàng chục năm và đã bị những nhà khoa học chân chính lên án quan điểm phản động của họ. *Việt-nam sử lược* của Trần-trọng-Kim là một tỉ dụ (2). Tác giả *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* cũng tỏ ý : « rất tiếc những cuốn trên vẫn được coi hoặc là giáo khoa chính thức, hoặc là một thứ giáo điều không thể đụng đến » (3). Với thái độ than phiền của tác giả, chúng tôi hy vọng *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* sẽ đưa ra được nhiều điều phù hợp với thực tế lịch sử.

— Là người đã biên soạn nhiều tác phẩm về triết học và nghiên cứu văn học, lần này trong một chuyên đề lịch sử, tác giả đã đề cập tới một đề tài khá hấp dẫn : thực chất và huyền thoại của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam. Nghiên cứu mối quan hệ giữa thực chất của chủ nghĩa thực dân với những hình thức đối trá lừa bịp mà nó tung ra ở thuộc địa để che đậy cái nội dung thực sự của nó, rõ ràng không phải chỉ là một vấn đề lịch sử mà là một vấn đề có ý nghĩa chính trị, ý nghĩa thời sự rất lớn đối với nước ta hiện tại. Chúng tôi muốn biết tác giả có thái độ như thế nào trong việc nghiên cứu mối quan hệ ấy.

— Khi viết tác phẩm này, tác giả đã tham khảo khá nhiều sách vở, đặc biệt là tác giả đã chú trọng đọc và trích dẫn nhiều ý kiến của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác — Lê-nin : Mác, Lê-nin, Sta-lin. Là người nghiên cứu lịch sử theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin, và đã từng biết tác giả quan niệm sai lầm chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong số tác phẩm viết trước đây (4), chúng tôi càng muốn biết lần này trong *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam*, tác giả đã hiểu và sử dụng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin như thế nào trong việc nghiên cứu lịch sử Việt-nam.

Với những lý do đầu tiên ấy, chúng tôi đã đọc kỹ trên ba trăm trang của cuốn sách. Nội dung của nó chia làm bốn chương : thực chất của chế độ thực dân ; những huyền thoại của chủ nghĩa thực dân ; chỗ yếu chỗ mạnh của

---

(1) Nguyễn-văn-Trung. *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam — Thực chất và huyền thoại*. Tập 1, Văn hóa và chính trị. Nam sơn xuất bản. Sài-gòn, tháng 11-1963.

(2) Ông Trần-huy-Liệu, trên *Tập san Văn Sử Địa* số 6 năm 1955 đã viết bài : « Bóc trần quan điểm thực dân và phong kiến trong quyển *Việt-nam sử lược* của Trần-trọng-Kim ».

(3) Nguyễn-văn-Trung, sách đã dẫn, tr. 204.

(4) Ông Trần-văn-Giàu đã phê phán quan điểm của Nguyễn-văn-Trung bằng cuốn *Nhận định về quyển « Nhận định » một tác phẩm duy linh nhân vị nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác xuất bản ở miền Nam*. Sự thật. 1962.

https://tieulun.hopto.org

những phong trào cách mạng Việt-nam; những mâu thuẫn giữa thực chất và huyền thoại. Tuy nhiên, mục đích chính, nội dung chính của tác phẩm đã được tập trung trong chương III, nơi mà tác giả trình bày sự tác động giữa thực chất, huyền thoại với các phong trào cách mạng Việt-nam, nơi mà tác giả đã sử dụng nhiều lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin để « nghiên cứu », « phê phán » các phong trào cách mạng Việt-nam, nơi mà tác giả đã gửi gắm cả lý tưởng chính trị của mình vào đó.

Trên ba trăm trang sách, tác giả đã nêu ra nhiều vấn đề, nhiều nhận định, nhiều tài liệu cần phải phê phán lại. Song ở đây chúng tôi chỉ đi vào một số vấn đề chính thuộc phạm vi nghiên cứu lịch sử.

PHẢI CHĂNG « CHẾ ĐỘ THỰC DÂN ĐÃ CÁO CHUNG Ở VIỆT-NAM » ? (1)

Trước hết, người đọc ai cũng có thể nhận thấy tác giả đã dành khá nhiều trang trong những phần đầu của cuốn sách để trình bày thực chất và huyền thoại của chủ nghĩa thực dân Pháp, do đó nói lên một số chính sách cai trị của thực dân Pháp ở thuộc địa Việt-nam. Tác giả đã sưu tầm được một số tài liệu của người Pháp viết trước đây về những hành động xâm lăng bằng vũ lực, những thủ đoạn bắt bớ, khủng bố, tra tấn, đầu độc, khinh miệt, lừa bịp đối với dân tộc Việt-nam.

Thái độ phê phán của tác giả đối với thực dân Pháp, nói đúng hơn là đối với *hình thức thống trị thực dân kiểu cũ* của thực dân Pháp trước đây cũng là một điều dễ hiểu. Vì trong phong trào giải phóng dân tộc, nhất là từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, cũng như trong kháng chiến trường kỳ, nhân dân Việt-nam từ Nam chí Bắc, trong lúc cầm súng chống Pháp xâm lăng thì đồng thời cũng viết nên biết bao nhiêu sách báo cách mạng lên án bọn thực dân cướp nước. Vì thế không có gì trơ trẽn và chướng tai hơn là lúc này mà còn công khai bênh vực hành động đàn áp, cướp đoạt trực tiếp của bọn thực dân trước mắt nhân dân đã giác ngộ về quyền lợi dân tộc của mình. « Dân ngày nay quả thật không còn như dân mười năm về trước. Họ đã được men cách mạng làm bừng dậy. Họ đã trưởng thành trong máu lửa... ». Đó chính là lời thừa nhận của một tay « chống cộng » nổi tiếng — Nguyễn Trân, tỉnh trưởng Mỹ-tho, báo cáo cho Ngô-đình-Diệm năm 1958. Cho nên tất cả bọn tay sai của chủ nghĩa đế quốc, bọn bồi bút của chủ nghĩa thực dân cũng như những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản hiện đại đã dùng mọi phương pháp quỉ quyệt để lừa bịp quần chúng, trong đó có cả phương pháp công khai phê phán hình thức thống trị thực dân kiểu cũ trước đây, để ngụy trang cho thực chất của chủ nghĩa thực dân kiểu mới ngày nay. Trước cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc, bọn đế quốc đã cố thay hình đổi dạng chủ nghĩa thực dân của chúng. Không những đế quốc Mỹ, kẻ sáng tạo chủ nghĩa thực dân kiểu mới, mà cả đế quốc Pháp, Anh v. v..., những kẻ đã từng ra sức bành trướng và thống trị thuộc địa bằng hình thức thực dân kiểu cũ, cũng đang cố gắng vận dụng hình thức thực dân kiểu mới, cũng đang lên tiếng « chống chủ nghĩa thực dân » và « ủng hộ nền độc lập của các dân tộc ». Điều dễ hiểu hơn nữa là ở miền Nam Việt-nam, từ khi đế quốc Mỹ hất cẳng đế quốc Pháp, dùng viện trợ Mỹ, hệ thống cố vấn quân sự Mỹ và chính phủ tay sai thống trị miền Nam Việt-nam dưới hình thức thực dân kiểu mới thì bọn tay sai của đế quốc Mỹ đã không tiếc lời công kích đế quốc Pháp. Thái độ ấy của chúng vừa phục vụ cho chủ Mỹ đánh bại ảnh hưởng của Pháp, vừa ngụy trang cho chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ, vừa che dấu bộ mặt phản dân hại nước của chúng. Ngô-đình-Diệm, tay sai trung thành của Mỹ, cũng trương lên khẩu hiệu « đả thực, bài phong », vì đả thực bài phong chỉ có nghĩa là đả thực dân Pháp và bài Bảo-đại, tay sai của Pháp mà thôi.

Trong hoàn cảnh trên, tác giả *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* đã đưa ra một số tài liệu phê phán thực dân Pháp trước đây. Song nếu tác giả dừng lại được ở đó thì tác phẩm vẫn có tác dụng tiến bộ: những tài liệu về hành động vũ lực xâm lăng, về thủ đoạn khủng bố, đầu độc, khinh miệt dân tộc thuộc địa, về hình thức lừa bịp « khai hóa », « Pháp — Việt đề huề » v.v... sẽ làm cho người đọc không phải chỉ hiểu thực chất và huyền thoại của chủ nghĩa thực dân Pháp trước đây mà còn hiểu thực chất xâm lược, nô dịch, cướp đoạt cùng với những hình thức lừa bịp hơn bao giờ hết về « độc lập », « viện trợ », « cải cách điền địa », « thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội » của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ngày nay. Nhưng tiếc rằng mục đích của tác phẩm không phải như vậy. Tác giả không có ý định nghiên cứu « thực chất và huyền thoại » của chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp để gián tiếp làm cho người ta hiểu « thực chất và huyền thoại » của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Tác giả càng không có ý định vạch ra thực chất và huyền thoại của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Trái hẳn lại, tác giả đã che dấu

(1) Nguyễn-văn-Trung, sách đã dẫn, tr. 1, lời tựa.

https://tieulun.hopto.org

cho chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt-nam. Ngay câu đầu tiên của lời tựa, tác giả tuyên bố dứt khoát: « Chế độ thực dân đã cáo chung ở Việt-nam ». Để làm cho người đọc yên trí rằng miền Nam Việt-nam từ sau khi ký kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã là một « quốc gia độc lập », không còn có những « huyền thoại », tức những hình thức lừa bịp của chủ nghĩa thực dân ở đó nữa, « tác giả nhận định rằng vai trò của những huyền thoại mà thực dân tạo ra để biện chính cho chế độ thuộc địa ở Việt-nam chấm dứt sau thời kỳ Mặt trận bình dân » (1). Đó là thời Pháp thuộc, còn trong thời kỳ kháng chiến thì, đến « 1954. Mọi sự sụp đổ. Chế độ thực dân cáo chung. Hết huyền thoại » (2). Tác giả cố biện hộ: « Ngày nay trên thế giới vấn đề thuộc địa đã hầu như trở thành một sự kiện lịch sử » (3). « Người Âu châu bây giờ đã hiểu, không ai còn nói tới hay dám bênh vực chế độ thực dân bằng huyền thoại nữa » (4). Như chúng tôi nhận định, mà tác giả cũng không dấu chủ đích nghiên cứu của mình là: *« Sự suy nghĩ về thực dân và những huyền thoại của nó ở đây không nằm trong một chủ đích tranh đấu nhằm chấm dứt chế độ thực dân và tiêu diệt những « huyền thoại » của nó, vì bây giờ nhiệm vụ tranh đấu đã hoàn thành và chế độ thực dân không còn nữa »* (5). Liệu chúng tôi có cần dẫn ra ở đây biết bao nhiêu tài liệu hiển nhiên cả thế giới đều đã rõ, rằng miền Nam Việt-nam sau khi ký kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã trở thành một thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ? Ông Nguyễn-văn-Trung hẳn không thể không biết rằng ngay trên báo chí Âu — Mỹ người ta cũng công khai nhận định rằng từ khi đó đế quốc Mỹ đã là người chủ thật sự về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế ở miền Nam Việt-nam. Tốt-xich (Taussig) viết trên báo *Thế giới phương Đông*: độc lập của Diệm « thực ra chỉ là một việc thay thầy đổi chủ, đuổi Pháp cửa trước, rước Mỹ cửa sau, chung qui cũng một chính sách thực dân xâm lược ». Hô-thăm (David Hotham) viết trên báo Mỹ *Nước cộng hòa mới* (25-11-1957): « Người ta khoe nhiều rằng Nam Việt-nam đã độc lập... Nhưng thật ra không có độc lập gì cả... Chẳng những không độc lập, Nam Việt-nam ngày nay lại còn là nước lệ thuộc hơn hết trên thế giới ». Những nhận định tương tự nhiều không thể kể hết. Cho đến cuối năm 1963, lúc quyển *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* của ông Nguyễn-văn-Trung phát hành, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã thống trị miền Nam ngót 10 năm, đã hơn hai năm công nhiên tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược và đã bị nhân dân Nam Việt-nam vùng dậy liên tiếp quật cho những đòn chí tử. Thế mà ông Nguyễn-văn-Trung còn cố phủ nhận thực tế hiển nhiên đó. Người ta không thể có cách hiểu nào khác rằng quyển *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* xuất bản là nhằm ngăn cản nhân dân miền Nam tiến lên tiêu diệt cả thực chất lẫn huyền thoại của chủ nghĩa thực dân xâm lược Mỹ.

Thế mà tác giả còn nêu lên như là một khẩu hiệu ngay trên trang đầu cuốn sách: « Ôn cố nhi tri tân »! Phải chăng là để « bao hàm một ý tưởng nhân bản » (6) hoàn toàn xa lạ với tình hình chính trị đang sục sôi ở miền Nam Việt-nam hiện tại? Không. Thông qua nghiên cứu lịch sử Việt-nam thời Pháp thuộc, thông qua việc trích dẫn những lời nói của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác — Lê-nin, ông Nguyễn-văn-Trung đã chứng minh một cách có hệ thống cho quan điểm của mình về một vấn đề then chốt trong cách mạng, một nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam: vấn đề giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Chúng ta hãy đi sâu vào nội dung nghiên cứu của cuốn sách.

CÓ THẬT ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG « KHÔNG CÓ Ý PHỦ NHẬN THỰC TẠI GIAI CẤP ĐẤU TRANH »?

Lý luận đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác là một sợi dây dẫn đường, giúp ta tìm ra những qui luật xã hội trong tình trạng rối ren và lộn xộn bề ngoài của cuộc đấu tranh xã hội. Trong tác phẩm vĩ đại *Tuyên ngôn của đảng cộng sản*, Mác Ăng-ghen đã chứng minh một chân lý phổ biến: toàn bộ lịch sử của xã hội loài người, từ sau khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, đều là lịch sử đấu tranh giai cấp. Các phương thức sản xuất biến đổi, các kết cấu giai cấp của xã hội cũng biến đổi theo, nhưng qua tất cả những biến đổi đó, trước sau xã hội vẫn chia thành những kẻ thống trị và những người bị trị, những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột, những giai cấp đối địch nhau về quyền lợi. Chỉ khi nào chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi, sự phân chia xã hội

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. III, lời tựa.

(2) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. 18.

(3) Như trên, tr. 15.

(4) Như trên, tr. 16.

(5) Như trên, tr. 16. Những chữ viết nghiêng do chúng tôi nhấn mạnh (N.C.B.).

(6) Như trên, tr. 16.

https://tieulun.hopto.org

thành những giai cấp đối địch nhau mới chấm dứt. Đấu tranh giai cấp là một qui luật lịch sử, phát sinh tác dụng trong mọi xã hội có giai cấp và là động lực thúc đẩy xã hội có giai cấp phát triển. Đấu tranh giai cấp là nguồn gốc biến đổi của các chế độ xã hội, là động cơ của những biến cố lịch sử. Học thuyết đấu tranh giai cấp là vũ khí cách mạng của những người mác-xít nói chung và những người nghiên cứu lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin nói riêng, để giải thích và cải tạo xã hội theo đúng qui luật phát triển của lịch sử.

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt-nam thực chất cũng là cuộc đấu tranh giai cấp: cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược, chống giai cấp tư sản lũng đoạn ngoại quốc bao trùm lên cuộc đấu tranh giai cấp ở trong nước. Quyền lợi chung của dân tộc không xóa nhòa quyền lợi riêng của các giai cấp trong nội bộ dân tộc. Trong các giai cấp đó, ai là người lãnh đạo dân tộc đấu tranh, ai là những động lực chính của cuộc đấu tranh và đấu tranh để rồi đi tới đâu; đó chính là vấn đề đấu tranh giai cấp trong công cuộc giải phóng dân tộc. Vận dụng đấu tranh giai cấp làm một tiêu chuẩn phân kỳ lịch sử, từ lâu những người công tác sử học ở miền Bắc đã nghiên cứu thấy lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc Việt-nam thời thuộc Pháp chuyển biến theo ba thời kỳ rõ rệt. Thời kỳ thứ nhất, trong nửa cuối thế kỷ XIX, đấu tranh của nhân dân ta còn chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến, do những sĩ phu phong kiến yêu nước lãnh đạo. Thời kỳ thứ hai, từ đầu thế kỷ XX, phong trào cách mạng Việt-nam chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản, do những sĩ phu yêu nước, tiến bộ lãnh đạo. Thời kỳ thứ ba, từ năm 1930, phong trào cách mạng Việt-nam dưới sự chi phối của hệ tư tưởng vô sản, do giai cấp công nhân Việt-nam nắm độc quyền lãnh đạo.

Ngày nay, những nhà lý luận của giai cấp tư sản hiện đại thường ra sức tuyên truyền tư tưởng «hợp tác giai cấp» nhằm che đậy cho sự bóc lột, cướp đoạt của bọn đế quốc. Nhưng trong quyển *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam*, ông Nguyễn-văn-Trung lại tuyên bố «không có ý phủ nhận thực tại giai cấp đấu tranh». Mới nhìn qua, «hình như» tác giả cũng thấy được một cái gì khác nhau thuộc về phương diện hệ tư tưởng trong những giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc. «Lịch sử cách mạng Việt-nam chống Pháp bắt đầu ngay từ sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ cho đến cuộc chiến tranh Việt — Pháp 1946 – 1954 vừa qua. Xét về phương diện hệ tư tưởng có thể chia những phong trào cách mạng thành ba giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên gồm những cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam Việt, thường gọi là khởi nghĩa Nam Trung sĩ đến phong trào Văn thân ở Trung và Bắc Việt, sau cùng là những cuộc nổi dậy của các thổ hào và đồng bào địa phương. Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ Duy tân hội, phong trào Đông-du, Đông kinh nghĩa thục, Việt-nam quang phục hội đến Việt-nam quốc dân đảng. Giai đoạn thứ ba gồm những phong trào bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin» (1). Sở dĩ chúng tôi nói «hình như», vì ngay sau đó Nguyễn-văn-Trung đã lẫn trốn vấn đề giai cấp trong đấu tranh cách mạng. Ông ta gọi giai đoạn thứ nhất là giai đoạn thuộc «hệ tư tưởng quân chủ phong kiến», giai đoạn thứ hai thuộc «hệ tư tưởng phản đế, bài phong có tính cách hình thức», giai đoạn thứ ba là «giai đoạn phản đế phản phong có nội dung thực sự». Nguyễn-văn-Trung đem hệ tư tưởng thoát ly với giai cấp, thay thế «hệ tư tưởng tư sản», «hệ tư tưởng vô sản» bằng hệ tư tưởng «phản đế, bài phong có tính cách hình thức» và «phản đế phản phong có nội dung thực sự» là nhằm xóa mờ ranh giới giai cấp trong đấu tranh cách mạng, do đó đi tới phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam.

Hệ tư tưởng là tổng hợp những tư tưởng và quan điểm có tính chất giai cấp. Không thể có thứ hệ tư tưởng bay bổng trên các giai cấp. Hệ tư tưởng là hệ thống những quan điểm, tư tưởng nhất định của một giai cấp, một chính đảng của giai cấp nào đó. Chẳng hạn nói đến hệ tư tưởng tư sản hay hệ tư tưởng vô sản, nhấn mạnh đến sự đối lập căn bản của hai hệ tư tưởng ấy, như vậy là đã xác định hệ tư tưởng là một hệ thống bao gồm những quan điểm của một giai cấp nào đó. Chính ý kiến sau đây của Lê-nin trong *Làm gì?* tác phẩm mà Nguyễn-văn-Trung đã tham khảo, cũng nói lên đầy đủ ý nghĩa ấy: «Vấn đề đặt ra *chỉ là như thế này*: hệ tư tưởng tư sản hay hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Không có cái gì trung dung cả. (Vì nhân loại không có tạo ra một hệ tư tưởng «thứ ba» nào cả, vả chăng, trong một xã hội bị những sự đối kháng giai cấp chia xẻ, thì không bao giờ có hệ tư tưởng ở ngoài hoặc ở trên các giai cấp)» (2). Nguyễn-văn-Trung phân biệt hệ tư tưởng phản đế bài phong «có tính cách hình thức» và «có nội dung thật sự» không phải là ở chỗ có quan điểm giai cấp khác nhau trong đường lối đấu tranh cách mạng, mà là ở chỗ có hay không có những «lý thuyết gia», có nêu ra hay không nêu

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. 191 — 192.

(2) Lê-nin. *Toàn tập*, Tập V, tr. 454. Sự thật, Hà-nội, 1962.

https://tieulun.hopto.org

ra một « chủ nghĩa hẳn hoi ». Duy tân hội, Việt-nam Quang phục hội, Việt-nam Quốc dân đảng thuộc hệ tư tưởng phản đế bài phong « có tính cách hình thức » vì : « Sự thiếu sót căn bản của các đảng cách mạng Việt-nam trong thời kỳ này là *không có những lý thuyết gia lãnh đạo chính trị mà chỉ có những người hoạt động*... Không có đảng nào có người ngồi phân tích Pháp là gì, thực dân đế quốc là gì và tình hình trong nước ngoài nước thế nào để hiểu biết địch và ta » (1). « Nếu vấn đề chủ nghĩa có được nêu lên thì cũng chỉ có tính cách hình thức mà thôi » (2). Còn đảng Cộng sản Đông-dương thuộc hệ tư tưởng phản đế bài phong « có nội dung thực sự » chỉ là vì : « Đảng Cộng sản đi xa hơn các đảng quốc gia ở chỗ *đã đề ra một chủ nghĩa hẳn hoi*, một đường lối đấu tranh rõ rệt » (3). Nhưng : « *Vấn đề ở đây chỉ là nhận xét về có hay không có chủ nghĩa hẳn hoi, chứ không phải là phê phán chủ nghĩa đó đúng hay sai* » (3). Đấy, sự phân biệt về hệ tư tưởng, sự phân biệt giữa « có nội dung thực sự » với « có tính cách hình thức », theo Nguyễn-văn-Trung chỉ là ở chỗ có những lý thuyết gia, không cần biết những lý thuyết gia ấy đại biểu tư tưởng cho giai cấp nào, chỉ là ở chỗ có nêu ra chủ nghĩa « hẳn hoi », không cần biết nội dung chủ nghĩa ấy là quan điểm chính trị của giai cấp nào.

Kỳ thực thì bất kỳ một nhà lý luận, một nhà tư tưởng nào, bất kỳ một đảng phái chính trị nào đều không thoát ly khỏi lập trường của một giai cấp nhất định. Hệ tư tưởng là một hệ thống những quan điểm, tư tưởng của một giai cấp nào đó, là phản ánh những lợi ích căn bản, quyết định của giai cấp ấy. Dĩ nhiên, không phải toàn bộ thành viên trong giai cấp nghiên cứu thành hệ thống tư tưởng và quan điểm của giai cấp mình mà chỉ có một số nhà lý luận, nhà tư tưởng có tri thức, học thức nghiên cứu ra và nhận thức lý luận được những lợi ích chủ yếu, những mục đích cuối cùng của giai cấp ấy. Nhưng cái kết quả phân tích lý luận thành hệ thống quan điểm và tư tưởng của các nhà lý luận ấy thì cũng chính là quan điểm chung, vận mệnh chung, quyền lợi căn bản chung, mục đích và nhiệm vụ chung của mọi thành viên trong giai cấp ấy. Nói khác đi, không có một hệ thống lý luận nào, một « chủ nghĩa » nào không có giai cấp tính, không có đảng tính. Không có một « lý thuyết gia » nào không đại biểu tư tưởng cho một giai cấp nhất định. Đối với các đảng phái chính trị, đường lối chính trị của họ theo đuổi càng không thể là phi giai cấp. Chính trị là quan hệ giữa các giai cấp ; đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh tập trung nhất, bao quát nhất trong các hình thức đấu tranh giai cấp nhằm thay đổi chế độ chính trị, thay đổi chính quyền.

Nhìn vào lịch sử giải phóng dân tộc Việt-nam thời thuộc Pháp, liệu có một tập đoàn chính trị nào mà chủ trương kháng Pháp của họ không phản ánh hệ tư tưởng của một giai cấp này hay giai cấp khác ? Cuối thế kỷ XIX, hịch Cần vương của Hàm-nghi và Tôn-thất Thuyết phát ra hồi tháng 7-1885, mở đầu phong trào Văn thân kháng Pháp, đã hô hào : « Kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm, như thế là phải... Ấy cái cơ hội này phúc của tôn xã tức là phúc của thần dân, cùng lo với nhau thì cùng nghĩ với nhau, há chẳng tốt lắm ư ? » (4). Đường lối chính trị ấy đã nói lên đầy đủ hệ tư tưởng phong kiến và chủ nghĩa quân chủ chuyên chế của các sĩ phu yêu nước trong công cuộc vũ trang kháng Pháp. Đầu thế kỷ XX, tuy mới là bước đầu, song hệ tư tưởng tư sản đã ảnh hưởng khá rõ rệt đối với những sĩ phu yêu nước và tiến bộ lãnh đạo các phong trào Duy tân, Đông-du, Đông-kinh nghĩa thục, Phan-bội-Châu, Lương-văn-Can, Nguyễn Quyền, Phan-chu-Trinh..., tuy chủ trương giải quyết vấn đề độc lập dân tộc có khác nhau, nhưng ít nhiều đều thấy rằng việc giành lại độc lập phải đi đôi với việc duy tân về công thương nghiệp dân tộc cũng như về chính trị. Trong công cuộc vận động cho độc lập dân tộc, họ đã đả phá những phong tục tập quán và quan niệm phong kiến lạc hậu, tuyên truyền tư tưởng dân trí, dân quyền, hô hào cải cách xã hội. Tóm lại, mục đích cứu nước của họ là để rồi đi tới xây dựng một xã hội « văn minh » như các nước tư bản chủ nghĩa Âu châu hay Nhật-bản. Cho tới khi thành lập Việt-nam Quang-phục-hội (1912), ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản càng rõ nét hơn trong số người lãnh đạo : « Tôn chỉ duy nhất của Hội là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt-nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt-nam » (5). Việt-nam Quốc dân đảng ra đời sau này (1927) là một tổ chức tiêu biểu cho xu hướng cách mạng quốc gia của những người tiểu tư sản yêu nước đứng trên lập trường tư sản, mang hệ tư tưởng tư sản. Chương trình điều lệ của đảng nhiều lần thay đổi, nhưng trước sau tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ của đảng ngày càng rõ rệt. Mục đích

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. Tr. 212. Chỗ viết nghiêng do tôi nhấn mạnh (N.C.B).

(2) Như trên. Tr. 216.

(3) Như trên. Tr. 219. Những chữ viết nghiêng do tôi nhấn mạnh (N.C.B.).

(4) Hoàng-ngọc-Phách, Lê-tri-Viễn — *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng*. Tập I. tr. 151—152. Giáo dục. Hà-nội. 1959.

(5) Phan-bội-Châu — *Phan-bội-Châu niên biểu*. Tr.141. Văn Sử Địa. Hà-nội. 1957.

http://tieulopto.org

cách mạng của đảng là : « cách mạng dân tộc », tức đánh đổ đế quốc Pháp thống trị, « cách mạng chính trị », tức đánh đổ ngôi vua, thiết lập chính phủ cộng hòa, « cách mạng xã hội », tức thực hiện chính sách cải cách thuộc tự do dân chủ tư sản. Cơ sở lý luận mà Việt-nam Quốc dân đảng dựa vào để tiến hành cứu nước là chủ nghĩa tam dân trong cách mạng tư sản kiểu cũ của Trung-quốc, tư tưởng Cách mạng tư sản Pháp 1789.

Điểm lại hoạt động của mọi tổ chức yêu nước và cách mạng ở nước ta từ nửa cuối thế kỷ XIX trở đi phải khẳng định rằng không có một tổ chức, một đảng phái chính trị nào không bị chi phối bởi một hệ tư tưởng nhất định và không có một hệ tư tưởng nào không mang tính chất giai cấp. Như vậy sự khác nhau cơ bản giữa những sĩ phu phong kiến yêu nước lãnh đạo phong trào văn thân, những sĩ phu yêu nước và tiến bộ lãnh đạo các phong trào đầu thế kỷ XX, những người lãnh đạo Việt-nam Quốc dân đảng với đảng Cộng sản Đông-dương sau này không phải là vấn đề « có lý thuyết gia », có nêu ra một chủ nghĩa « hẳn hoi » về hình thức, mà là vấn đề giai cấp, quan điểm giai cấp, hệ tư tưởng của giai cấp thể hiện trong đường lối, chủ trương và hoạt động chính trị của họ. Nhưng cũng không phải vì thế mà lại phủ định một cách phi lịch sử sự tồn tại của những hệ tư tưởng khác trong các phong trào yêu nước trước khi đảng Cộng sản Đông-dương ra đời. Cuối thế kỷ XIX, giai cấp công nhân Việt-nam cũng như giai cấp tư sản Việt-nam chưa ra đời, các sĩ phu yêu nước lãnh đạo phong trào văn thân với ý thức hệ phong kiến là một điều không thể khác được. Đầu thế kỷ XX, tuy giai cấp tư sản Việt-nam chưa ra đời, nhưng mầm mống tư bản chủ nghĩa Việt-nam đã nảy sinh và ảnh hưởng của tư tưởng tư sản ở ngoài nước dội vào, các sĩ phu yêu nước và tiến bộ bước đầu chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản cũng là điều dễ hiểu. Sau đại chiến thứ nhất, cùng với sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt-nam và sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nghĩa là cùng với sự phát triển của khuynh hướng xã hội chủ nghĩa trong phong trào yêu nước thì sự tồn tại của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ cũng là một tất nhiên do sự phân hóa về chính trị trong số những người tiểu tư sản yêu nước. Việt-nam Quốc dân đảng là tiêu biểu cho khuynh hướng tư sản ấy. Lịch sử sẽ mãi mãi ghi lại tinh thần yêu nước, chí khí bất khuất của tất cả các sĩ phu phong kiến yêu nước cũng như các chiến sĩ Việt-nam Quốc dân đảng đã vì nước hy sinh hồi khởi nghĩa Yên-bái. Tuy nhiên, thực tế lịch sử cũng đã xác nhận rằng nếu đứng trên quan điểm của giai cấp phong kiến hay quan điểm của giai cấp tư sản thì không thể tập hợp được toàn thể dân tộc, trước hết là đại khối nông dân, không giải quyết được hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt-nam : mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc Pháp xâm lược, mâu thuẫn giữa quảng đại quần chúng nhân dân với giai cấp địa chủ phong kiến ; tóm lại không thể đưa phong trào giải phóng dân tộc đi tới thắng lợi.

Sau khi đã tách ý thức hệ ra ngoài giai cấp, tách những người lãnh đạo, những « lý thuyết gia » ra ngoài giai cấp, ông Nguyễn-văn-Trung đi tới mục đích : tách những người cộng sản ra ngoài giai cấp công nhân để phủ nhận vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân Việt-nam từ năm 1930. Nguyễn-văn-Trung lập luận : « *Cộng sản đặt vấn đề giai cấp lãnh đạo. Cuộc cách mạng cộng sản là cuộc cách mạng giai cấp, do tầng lớp bị áp bức hơn cả, tầng lớp nông dân và công nhân lãnh đạo.* Nhưng bởi vì tầng lớp này cũng là thành phần đông đảo hơn hết trong nước, nên có thể trở thành một lực lượng đáng kể khi họ được giác ngộ tham gia cách mạng. *Nói cho đúng, ở thời kỳ tranh đấu cách mạng, không phải hẳn là nông dân, công nhân lãnh đạo, vì lãnh đạo thường vẫn do những người thuộc tầng lớp khác đảm nhiệm...* Nhưng khi nói giai cấp lãnh đạo, có lẽ phải hiểu là từng lớp nòng cốt của cách mạng » (1).

Phải chăng chỉ có « cộng sản đặt vấn đề giai cấp lãnh đạo » chứ khách quan là không có giai cấp lãnh đạo cách mạng? Ta đã biết thủ đoạn của ông Nguyễn-văn-Trung xóa mờ vấn đề giai cấp trong đấu tranh cách mạng bằng cách đem hệ tư tưởng thoát ly khỏi giai cấp, đem những người lãnh đạo phong trào tách khỏi giai cấp. Vậy ta sẽ không dừng lại ở đây nữa để phê phán ông lại đem khái niệm « từng lớp », « những người thuộc từng lớp khác » để lẩn tránh và thay thế cho khái niệm « giai cấp » công nhân.

Có bao giờ Đảng cộng sản tuyên bố : giai cấp lãnh đạo là « từng lớp nông dân và công nhân lãnh đạo » ? Đảng bao giờ cũng khẳng định chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất lãnh đạo cách mạng từ sau năm 1930. Ngay trong bản *Luận cương chính trị* đầu tiên của Đảng cộng sản Đông-dương do đồng chí Trần Phú, tổng bí thư của đảng khởi thảo năm 1930 đã khẳng định rằng : « Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chánh, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được ». Hoặc : « Vì vậy cho nên vô sản giai cấp

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. tr. 231. Những chữ viết nghiêng do tôi nhấn mạnh (N.C.B.)

https://tieulun.hopto.org

thành một động lực chính và rất mạnh của cách mạng ở Đông-dương và lại là giai cấp lãnh đạo dân cày và quần chúng lao khổ làm cách mạng». Về điểm này, ta cũng không cần phải dừng lại để phê phán cái lối lập luận lắt léo và xuyên tạc của ông Trung nữa. Duy có điều cần nói rõ: Vì sao giai cấp công nhân Việt-nam lại là giai cấp lãnh đạo cách mạng?

Không phải chỉ những người cộng sản, mà bất cứ ai muốn nhìn nhận thực tế lịch sử Việt-nam cũng thấy rõ vai trò của giai cấp công nhân trong cách mạng Việt-nam. Ông Na-vin (Pierre Naville), với một loạt bài nghiên cứu hồi 1947 về Việt-nam trong cuốn *Cuộc chiến tranh ở Việt-nam* đã nhận định xác đáng rằng: «Mặc dầu số lượng tương đối ít, nhưng giai cấp công nhân — những người lao động công nghiệp, từ 20 năm nay đã đóng vai trò chủ yếu trong sự phát triển chính trị ở Việt-nam» (1). «Qua 20 năm, giai cấp công nhân trẻ tuổi Việt-nam đã trở thành một nhân tố chính trị quyết định tương lai, một giai cấp duy nhất có khả năng giải quyết tới cùng những vấn đề tiến bộ xã hội theo hướng một nền dân chủ thực sự, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa» (2). Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam trong cách mạng không phải tự đâu đưa tới mà chính là từ hoàn cảnh lịch sử của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt-nam. Tuy số lượng không thật đông đảo do công nghiệp thuộc địa kém phát triển, nhưng cũng như giai cấp công nhân các nước tư bản, sự xã hội hóa lao động và tập trung của công nghiệp đế quốc chủ nghĩa ở một số vùng hầm mỏ, đồn điền, nhà máy và thành thị đã làm cho công nhân Việt-nam sớm liên kết thành giai cấp, có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đế quốc Pháp là kẻ thù của giai cấp công nhân Việt-nam: đối với chúng, giai cấp công nhân Việt-nam mang mối căm hờn sâu sắc nhất vì hận thù mất nước và hận thù giai cấp. Giai cấp công nhân không những triệt để chống đế quốc, còn triệt để chống phong kiến. Vì đế quốc Pháp đã dùng phương pháp cướp đoạt tàn nhẫn của chủ nghĩa tư bản hiện đại kết hợp chặt chẽ với phương pháp nô dịch dã man của chủ nghĩa phong kiến trung cổ mà bóc lột tới cùng cực sức lao động rẻ mạt của công nhân Việt-nam. Chúng duy trì chế độ bóc lột phong kiến ở nông thôn, bần cùng hóa nông dân để tạo nên một nguồn nhân công giá rẻ. Chúng sử dụng triệt để bộ máy quan lại, địa chủ, kỳ hào ở nông thôn để tuyển mộ công nhân. Chúng lợi dụng những tàn tích phong kiến trong việc quản lý công nhân (chế độ cai thầu trung gian, chế độ «kỳ hào» trong những «làng» công nhân sống tập trung...). Chúng áp dụng những hình thức bóc lột phong kiến ngay trong việc bóc lột trực tiếp của chúng (chế độ thuế thân, nạn cho vay nợ lãi, phương pháp cưỡng bức, đánh đập dã man v.v...). Vậy giai cấp công nhân không thể giành tự do cho mình nếu không thủ tiêu mọi di tích phong kiến đồng thời với việc đánh đổ bọn đế quốc thống trị. Giai cấp công nhân triệt để chống đế quốc và phong kiến, không những đại biểu quyền lợi cho giai cấp mình, còn đại biểu cho quyền lợi chung của tất cả các giai cấp, các tầng lớp trong nhân dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến. Vậy sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt-nam là trên con đường giải phóng hoàn toàn giai cấp mình, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam thì trước hết nó giải phóng dân tộc Việt-nam, giải phóng nhân dân Việt-nam bao gồm các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và các tầng lớp yêu nước khác khỏi chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Giai cấp công nhân lại có người bạn đồng minh gần gũi nhất, mạnh mẽ nhất là giai cấp nông dân. Chính trên cơ sở của khối liên minh công nông ấy mà giai cấp công nhân có thể tranh thủ về phía mình tất cả mọi lực lượng có tinh thần dân tộc và dân chủ, kể cả giai cấp tư sản dân tộc, đấu tranh giải phóng đất nước. Sau đại chiến lần thứ nhất, ảnh hưởng của Cách mạng tháng 10 Nga và tư tưởng Mác — Lê-nin thâm nhập mạnh mẽ vào nước Việt-nam đang khát khao giải phóng và đã có một giai cấp công nhân đang trưởng thành. Từ đó phong trào dân tộc có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng chiếm ưu thế, lôi cuốn cả dân tộc vào cuộc cách mạng giải phóng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Tuy nhiên, giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình là khi nào thành lập được đảng tiền phong của giai cấp mình. Vì thế năm 1930, năm Đảng cộng sản Đông-dương ra đời đã trở thành bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam.

ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG «ĐỨNG NGAY Ở QUAN ĐIỂM MÁC-XÍT — LÊ-NIN MÀ PHÊ PHÁN PHONG TRÀO CỘNG SẢN» (3) NHƯ THẾ NÀO?

Phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân chỉ là bước dọn đường trong lập luận của Nguyễn-văn-Trung nhằm đi tới chống lại vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản Đông-dương — chính đảng của giai cấp công nhân. Ở đây, Nguyễn-văn-Trung đã ngụy trang tư tưởng của mình bằng những lời lẽ mác-xít giả dối, tự nhận «đứng ngay ở quan điểm

(1) (2) Pierre Naville — *La guerre du Vietnam*. tr. 117. Editions de la revue Internationale. Paris. 1949.

(3) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. Tr. 223.

https://tieulun.hopto.org

mác-xít lê-nin mà phê phán phong trào cộng sản» ở Việt-nam. Nguyễn-văn-Trung cố tìm một cơ sở lý luận bằng cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Để bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông-dương, trước hết, Nguyễn-văn-Trung dành khá nhiều trang bác bỏ tính chất giai cấp của giai cấp công nhân, tách rời hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa với giai cấp công nhân, tách rời đảng cộng sản với giai cấp công nhân. Ông trích dẫn nhiều đoạn trong tác phẩm *Làm gì?* của Lê-nin nhận định về tính tự phát của quần chúng và tính tự giác của đảng xã hội dân chủ, rằng: «công nhân trước đây *không thể* có ý thức xã hội dân chủ được. Ý thức này chỉ có thể từ bên ngoài mà đưa đến cho họ» (1), rằng: «Ý thức chính trị về giai cấp *chỉ* có thể đem *từ bên ngoài* vào cho người công nhân, nghĩa là từ bên ngoài cuộc đấu tranh kinh tế, từ bên ngoài phạm vi quan hệ giữa thợ và chủ. Người ta chỉ có thể tìm được nhận thức ấy trong lãnh vực duy nhất là lãnh vực những mối quan hệ giữa *tất cả* các giai cấp, các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và chính phủ, lãnh vực những mối quan hệ giữa *tất cả* các giai cấp với nhau» (2). Từ đó ông rút ra những nhận định: «Vậy ai đem ý thức chính trị về giai cấp đến cho người thợ, người vô sản? — Người trí thức ở các tầng lớp khác» (3). «Vậy muốn có ý thức chính trị về giai cấp không phải là chỉ việc đi đến với thợ, *vì thợ có ý thức giai cấp đâu*» (4). «*Nếu vô sản không đẻ ra ý thức vô sản, nghĩa là không thể tự nhiên có ý thức giai cấp thì phải dạy cho họ, tuyên truyền cho họ*. Đó là ý nghĩa tầm quan trọng mà Lê-nin muốn gán cho việc hoạt động quần chúng và cũng là ý nghĩa sự cần thiết có đảng» (5). Và «*bởi vì quần chúng không phải là tự nhiên mà có được ý thức cách mạng* nên công việc vận động không phải là dễ dàng...» (6). Tóm lại, từ chỗ Lê-nin nhận định: bản thân phong trào công nhân không thể tự nhiên sinh ra ý thức xã hội — dân chủ, ý thức cộng sản chủ nghĩa, nghĩa là ý thức đấu tranh để thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ tất cả các giai cấp, kể cả giai cấp mình, xây dựng một xã hội không người bóc lột người thì Nguyễn-văn-Trung lại «hiểu» Lê-nin rằng: Vô sản không hợp thành một giai cấp, không thể có ý thức giai cấp, không có ý thức cách mạng; những người trí thức ở các tầng lớp khác phải dạy cho họ, tuyên truyền cho họ ý thức giai cấp, ý thức cách mạng và ý thức cộng sản chủ nghĩa.

Lịch sử đã bác bỏ quan điểm của Nguyễn-văn-Trung coi giai cấp vô sản chỉ là một đám quần chúng hỗn độn không có ý thức giai cấp, cũng như coi sự hình thành ý thức cộng sản chủ nghĩa, sự thành lập Đảng cộng sản không có quan hệ gì tới sự trưởng thành của giai cấp công nhân. Làm sao mà người ta lại có thể quan niệm rằng: phong trào công nhân khi đã phát triển tới chỗ nhận thức được những lợi ích riêng của tập đoàn mình, đấu tranh cho những lợi ích riêng của tập đoàn mình dưới những hình thức độc đáo đình công, bãi công đòi tăng lương, bớt giờ làm v.v... là không có ý thức giai cấp? Trên thế giới, từ đầu những năm 40 thế kỷ XIX, giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập, cuộc đấu tranh của họ đã có ý thức giai cấp rõ rệt và có tổ chức chặt chẽ. Sau phong trào Hiến chương ở Anh từ 1830 đến 1840, sau những cuộc nổi dậy của công nhân dệt ở Ly-ông (Pháp) năm 1831 và 1834 là đến cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt ở Xi-lê-di (Đức) năm 1844. Ăng-ghen đã nhận định về cuộc khởi nghĩa Xi-lê-di rằng: «... lần đầu tiên, nó đã thức tỉnh được ý thức đoàn kết và thống nhất giai cấp của giai cấp công nhân Phổ trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là giai cấp tư sản». Ăng-ghen lại nhận định về mối quan hệ giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở Đức khoảng 1848: «Giai cấp vô sản càng phát triển, càng cảm thấy giai cấp tính của mình, càng hành động với ý thức giai cấp thì giai cấp tư sản càng trở nên hèn nhát» (7). Ở Nga, trong khoảng những năm 90 thế kỷ XIX, phong trào bãi công của công nhân mới phát triển, ý thức giai cấp của giai cấp công nhân Nga cũng bắt đầu thể hiện. Lê-nin nhận định: «Các cuộc bãi công trong những năm 90 đã biểu hiện nhiều tia sáng giác ngộ hơn nữa: người ta đưa ra những yêu sách chính xác, người ta cố gắng đoán trước thời cơ thuận lợi, người ta thảo luận một số trường hợp và thí dụ của các địa phương khác v.v... Nếu những cuộc bạo động chỉ là cuộc nổi dậy của những người bị áp bức thì các cuộc bãi công có hệ thống lúc bấy giờ, phải coi là hình thức phôi thai, và chỉ là phôi thai, của cuộc đấu tranh giai cấp» (8). Ở Việt-nam cũng vậy. Khoảng sau 1924—1925, đình công, bãi công đòi tăng lương,

---

(1) Lê-nin. *Toàn tập*, tập V. Tr. 442. Sự thật. Hà-nội 1962.

(2) Như trên. Tr. 501.

(3) (4) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. Tr.224.

(5) (6) Như trên. Tr. 225. Những chữ viết nghiêng do tôi nhấn mạnh (N.C.B.).

(7) Ăng ghen. Lời tựa lần xuất bản thứ 2 cuốn «Chiến tranh nông dân ở Đức». *Cách mạng dân chủ tư sản ở Đức*, tr. 18. Khoa học, Hà-nội. 1963.

(8) Lê-nin. *Toàn tập*, tập 5, Tr. 442. Sự thật, Hà-nội. 1962.

https://tieulun.hopto.org

bớt giờ làm, chống ngược đãi dần dần trở thành hình thức đấu tranh độc đáo và phổ biến của giai cấp công nhân. Đến những năm 1928—1929, giai cấp công nhân Việt-nam đã trưởng thành; qua hàng loạt cuộc đình công ở khắp các ngành công nghiệp trong khắp các địa phương tập trung công nghiệp, ý thức giai cấp của giai cấp công nhân Việt-nam thể hiện rất rõ rệt.

Lê-nin nhiều lần viết rằng bản thân công nhân không thể tự phát đưa tới hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, mà chỉ có khả năng tìm ra hệ tư tưởng công liên chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội khoa học được các nhà tư tưởng thuộc lớp trí thức tiến tiến đưa vào cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Điều đó chỉ có nghĩa như Lê-nin viết trong *Thư gửi Liên đoàn miền Bắc*: « Chủ nghĩa xã hội là hệ tư tưởng của cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản, cho nên nó lệ thuộc vào những điều kiện chung của sự phát sinh, phát triển và củng cố hệ tư tưởng, nghĩa là chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở toàn bộ tài liệu của trí thức loài người, đòi hỏi sự phát triển cao của khoa học, đòi hỏi phải làm công tác khoa học v.v... và v.v... Các nhà tư tưởng *đưa* chủ nghĩa xã hội vào cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đang phát triển một cách tự phát trên cơ sở những quan hệ tư bản chủ nghĩa » (1). Điều đó hoàn toàn không có nghĩa như Nguyễn-văn-Trung và bọn xuyên tạc chủ nghĩa Mác—Lê-nin cho rằng: hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa không phải là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, rằng việc đưa hệ tư tưởng đó vào cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chỉ như là sáng kiến của một số trí thức ở các tầng lớp khác đưa vào một đám quần chúng công nhân hỗn độn, rằng sự hình thành hệ tư tưởng đó cũng như sự thành lập đảng cộng sản không quan hệ gì với sự trưởng thành của giai cấp công nhân. Mác, Ăng-ghen là những nhà sáng tạo vĩ đại ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử do tổng kết được tất cả những thành tựu khoa học của loài người phát triển đến những năm giữa thế kỷ XIX. Như Lê-nin nói: « Học thuyết Mác ra đời là sự *kế tục* trực tiếp học thuyết của những đại biểu vĩ đại nhất của triết học, chính trị kinh tế học và của chủ nghĩa xã hội » (2). Nhưng học thuyết vĩ đại đó cũng không phải là một phát kiến ngẫu nhiên của những khối óc thiên tài mà là sản phẩm tất nhiên của cuộc đấu tranh sâu sắc giữa hai giai cấp: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Sự phát triển mãnh liệt của phong trào công nhân những năm 40 đã đòi hỏi, đồng thời cũng tạo ra điều kiện hiện thực để xây dựng nên một thứ lý luận mới — chủ nghĩa xã hội khoa học — soi đường cho giai cấp vô sản. Mác, Ăng-ghen cũng viết trong *Hệ tư tưởng Đức*: « Sự tồn tại của những tư tưởng cách mạng trong một thời đại nhất định giả định là đã phải có một giai cấp cách mạng » (3). Chủ nghĩa xã hội khoa học và đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân xuất hiện song song nhau, tuy không phải cái nọ sinh ra cái kia, nhưng chỉ từ khi xuất hiện một phong trào độc lập của giai cấp vô sản thì mới xuất hiện điều kiện cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Lúc đó mới có điều kiện đứng trên lập trường giai cấp công nhân, xuất phát từ sự đòi hỏi hiện thực của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân mà đặt vấn đề giải phóng giai cấp ấy, tức là thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ nạn người bóc lột người. Dĩ nhiên, chỉ xuất phát từ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thì cũng chưa đủ để tìm ra chủ nghĩa xã hội khoa học, còn phải tổng kết mọi tri thức mà loài người đã đạt được. Mác, Ăng-ghen đã đứng hẳn trên lập trường giai cấp công nhân, hoạt động thực tiễn trong phong trào công nhân, tổng kết những tri thức vĩ đại của loài người mà sáng lập ra triết học Mác, chủ nghĩa xã hội khoa học, vũ khí cách mạng của giai cấp vô sản. Đối với giai cấp vô sản, triết học mới đó, chủ nghĩa xã hội khoa học đó, như lời Mác nói: « Vũ khí *vật chất* của triết học là giai cấp vô sản, cũng giống như vũ khí *tinh thần* của giai cấp vô sản là triết học » (4). Và trong sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng loài người khỏi chế độ người bóc lột người thì « Đầu não của sự giải phóng đó là *triết học*, trái tim của nó là *giai cấp vô sản* » (5). Mối quan hệ khăng khít giữa đảng cộng sản và giai cấp vô sản cũng vậy. Mác, Ăng-ghen đã viết trong *Tuyên ngôn của đảng cộng sản*: người cộng sản « không có lợi ích nào tách họ khỏi toàn thể giai cấp vô sản » (6). Đảng cộng sản là đội tiền phong của giai cấp vô sản, được vũ trang bằng lý luận Mác—Lê-nin: « Về lý luận, họ có hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản một nhận thức sáng suốt về điều kiện, bước tiến và kết quả chung của phong trào vô sản » (7). Nếu giai cấp công nhân không có

---

(1) Lê-nin. *Toàn tập*, tập 6. Tr. 167—168. Sự thật. Hà-nội. 1963.

(2) Lê-nin. *Toàn tập*. Tập 19. Tr. 3. Sự thật. Hà-nội.

(3) Mác Ăng-ghen. *Hệ tư tưởng Đức*. Tr. 48. Sự thật. Hà-nội 1962.

(4) (5) Mác—Lời nói đầu của *Phê phán triết học pháp luật của Hê-ghen*. Tr. 27—28. Sự thật. Hà-nội. 1962.

(6) (7) Mác Ăng-ghen—*Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Tr. 40. Sự thật. Hà-nội. 1962.

https://tieulopho.org

lý luận Mác — Lê-nin soi đường thì phong trào công nhân chỉ luẩn quẩn trong hệ tư tưởng công liên chủ nghĩa, nhưng nếu lý luận Mác — Lê-nin chưa kết hợp với phong trào công nhân thì cũng chưa thành lập được Đảng cộng sản — chính đảng của giai cấp công nhân. Nguyễn-văn-Trung đã trích dẫn nhiều của Lê-nin trong *Làm gì ?*, nhưng đã cố ý bỏ qua nhận định của Lê-nin về những tiền đề thành lập Đảng xã hội—dân chủ Nga: «Như vậy, khi có sự thức tỉnh tự phát của quần chúng công nhân, thức tỉnh về đời sống có ý thức và về cuộc đấu tranh tự giác, thì đồng thời cũng có một lớp thanh niên cách mạng được vũ trang bằng lý luận xã hội dân chủ khát khao gần gũi công nhân. Về vấn đề này, cần đặc biệt nêu rõ cái sự kiện thường bị bỏ qua (và tương đối ít được biết đến) là những người xã hội dân chủ *đầu tiên* trong thời kỳ ấy đã tham gia hoạt động rất hăng hái về mặt kinh tế, họ không hề coi hoạt động đó là nhiệm vụ duy nhất của mình, và *ngay từ ban đầu*, họ đã định ra cho Đảng xã hội — dân chủ Nga những nhiệm vụ lịch sử vĩ đại nhất, nói chung, và nhiệm vụ đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế, nói riêng» (1). Ở Việt-nam cũng vậy. Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương đầu năm 1930 chính là kết quả của quá trình kết hợp giữa chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt-nam đã trưởng thành. Bức thư của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản gửi cho các tổ chức cộng sản ở Việt-nam, ngày 27-10-1929, nhận định rằng: «Sự trưởng thành của phong trào cách mạng ở Đông-dương, lòng căm thù của quần chúng nhân dân đông đảo đối với chủ nghĩa đế quốc Pháp và đặc biệt là sự phát triển một cách độc lập của phong trào công nhân và sự tồn tại của các tổ chức cộng sản trong nước, đang tạo ra những điều kiện cần thiết và sự tất yếu phải thành lập gấp một đảng cộng sản ở Đông-dương» (2). Tên Bi-ê, chánh mật thám ở Vinh, trong cuốn *Nguồn gốc và tổ chức của Đảng Cộng sản Đông-dương* nhận thấy: «Cùng một lúc với sự thành lập Đông-dương cộng sản đảng, nảy ra một phong trào đối lập của công nhân và cu-li đồn điền đấu tranh chống giai cấp chủ, phong trào này lan rộng từ Bắc chí Nam» (3). Đảng cộng sản Đông-dương là chính đảng của giai cấp công nhân. Như trên đã nói, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt-nam là trên con đường giải phóng hoàn toàn giai cấp mình, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam thì trước hết nó phải giải phóng dân tộc Việt-nam khỏi chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Nhưng nếu chưa có đảng tiền phong của giai cấp thì công nhân chưa thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử ấy và cũng không thể tự phát có ý thức xã hội chủ nghĩa được. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào của giai cấp công nhân Việt-nam đã đưa tới sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương. Và trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, sứ mệnh lịch sử ấy của giai cấp công nhân Việt-nam đã được đề ra một cách vô cùng sáng suốt. Bản *Luận cương chính trị* năm 1930 đề ra hai nhiệm vụ cơ bản chống đế quốc, chống phong kiến của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Giữa hai nhiệm vụ cách mạng ấy có mối quan hệ chặt chẽ: việc giải quyết hai nhiệm vụ cách mạng ấy không thể tách rời nhau được. Bản *Luận cương chính trị* đã vạch ra con đường tiến lên của cách mạng Việt-nam: hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản. Bản *Luận cương chính trị* đã khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân Việt-nam và động lực chính của cách mạng là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

Thực tiễn lịch sử Việt-nam ba mươi lăm năm qua đã xác nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và đường lối cách mạng của đảng của giai cấp công nhân là hoàn toàn đúng đắn: dân tộc Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và hiện nay đang đấu tranh để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Sau khi xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin để nhận định đảng cộng sản, ý thức cộng sản chỉ là sản phẩm của tầng lớp khác đưa vào đám quần chúng công nhân hỗn độn và tự phát hoàn toàn, Nguyễn-văn-Trung mới tung ra hàng tràng nhận định để bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương. Về cao trào cách mạng thời kỳ 1930—1931, ông ta viết: «Vậy theo Lê-nin, có thể nói những người cộng sản cũng như quần chúng nông dân, công nhân đi biểu tình chống thuế, đình công hồi 1930 chưa phải là theo chủ nghĩa cộng sản gì cả, *hoặc là vì đói quá hay bị áp bức và vùng dậy khi được xúi giục, thúc đẩy*

(1) Lê-nin. *Toàn tập*, tập V. Trang 443. Sự thật. Hà-nội 1962.

(2) *Bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam*, trang 69.

(3) Trần-văn-Giàu dẫn trong *Giai cấp công nhân Việt-nam*. Trang 468. Sự thật. Hà-nội 1958.

https://tieulun.hopto.org

mà thôi. Đó là một phong trào bột phát chứ chưa phải là phong trào cộng sản» (1). « Nguyên nhân chính là bệnh ấu trĩ của đảng viên » (1), « lãnh đạo cách mạng thiếu ý thức và sáng kiến » (1), « chưa nhận thức được chiến thuật giai đoạn của đảng cộng sản là làm cách mạng dân tộc trước rồi mới làm cách mạng xã hội » (1), « thiếu chuẩn bị giác ngộ ý thức chính trị cho cả đảng viên lẫn quần chúng tham gia » (1), « đảng viên cộng sản cũng vẫn còn bị lôi cuốn vào hoạt động như các đảng viên ở thời kỳ trên : sốt ruột, thiếu nhẫn nại » (1), (như Việt-nam Quang phục hội, Việt-nam Quốc dân đảng) v.v... Tóm lại, theo Nguyễn-văn-Trung, phong trào hồi 1930 là phong trào tự phát hoàn toàn của quần chúng « được xúi giục, thúc đẩy mà thôi », là phong trào « *bạo động một cách « mất chính trị » không phù hợp với đường lối tranh đấu theo những phương châm Lê-nin đã đề ra* » (1). Dĩ nhiên, ngay lúc đầu thành lập Đảng, những người cộng sản chưa thể có đầy đủ kinh nghiệm trong lãnh đạo đấu tranh cách mạng, hoặc còn có những « ấu trĩ » nào đó, đó là điều tất nhiên. Nhưng phong trào hồi 1930—1931 là một cao trào cách mạng dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Đông-dương ; đó là một thực tế lịch sử không thể chối cãi được. Chính bọn thực dân trực tiếp chỉ huy đàn áp cộng sản lúc bấy giờ cũng không thể không thừa nhận. Tên trùm mật thám Đông-dương Mác-ti (Louis Marty) — người mà Nguyễn-văn-Trung đặt cả lòng tin vào tài liệu của y — đã viết trong *Đóng góp vào lịch sử những phong trào chính trị ở Đông Pháp* : « Từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1931 là thời kỳ mà Đảng Cộng sản Đông-dương, sau khi thực hiện hợp nhất các nhóm cộng sản và thống nhất lãnh đạo, đã tiến hành đấu tranh và trước khi bị đàn áp, đã vận động được một số vùng ở Đông-dương nổi dậy công khai chống lại chính quyền » (2). Bi-ê (V.Billet), chánh mật thám ở Vinh viết trong *Nguồn gốc và tổ chức của Đảng Cộng sản Đông-dương* rằng : « Cuối tháng 5—1930, Đảng Cộng sản Việt-nam có kế hoạch tổ chức một loạt biểu tình thứ hai trên tất cả xứ Đông-dương », rằng « Khắp Trung-kỳ, cuộc đấu tranh của quần chúng hướng về một mục đích chung và theo một phương hướng chung », rằng « ở Nghệ-an, Hà-tĩnh tất cả đều do Đảng Cộng sản chuẩn bị và chỉ huy », rằng « Đồng thời, nông dân các tỉnh Nam-kỳ nổi lên và Đảng Cộng sản tổ chức nhiều cuộc mít-tinh, nói chuyện, rải truyền đơn » v.v... Những tên thực dân ấy có lẽ cũng không ngờ rằng sau đó hơn 30 năm lại có một « ông bạn » người Việt-nam tự nhận là « đứng trên quan điểm mác-xít » mà còn hăng hơn, phủ nhận cả tính chất cách mạng của phong trào lẫn vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương.

Năm 1902, Lê-nin viết trong *Làm gì ?*, lúc đấu tranh thành lập Đảng xã hội — dân chủ Nga : « Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, chúng tôi sẽ đảo lộn cả nước Nga » (3). Năm 1930, giai cấp công nhân Việt-nam đã có được cho mình một đảng tiền phong của giai cấp. Điều kiện quyết định làm bùng nổ cao trào cách mạng 1930 — 1931, với đỉnh cao nhất là Xô-viết Nghệ Tĩnh, chính là sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông-dương. Tất nhiên không phải cao trào cách mạng nổ ra tùy theo ý muốn đơn thuần của những người lãnh đạo, càng không phải từ « bên ngoài » du nhập vào và « xúi giục » nên. Đó là kết quả sự nhận thức sáng suốt của Đảng về những mâu thuẫn sâu sắc và khách quan trong đời sống kinh tế, chính trị trong lòng xã hội Việt-nam lúc đó và kiên quyết lãnh đạo quần chúng nhân dân đứng dậy giải quyết những mâu thuẫn đó. Hiện nay những người nghiên cứu lịch sử ở miền Bắc đã thu thập được rất nhiều tài liệu chính xác và phong phú về cao trào Cách mạng 1930 — 1931, từ những tài liệu lưu trữ của bọn cầm quyền Pháp để lại và những tài liệu trong nhân dân. Những tài liệu phong phú ấy lại càng xác minh rõ ràng sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương là nhân tố quyết định của cao trào cách mạng 1930—1931. Lúc đó, hàng triệu quần chúng lao động được đảng của giai cấp công nhân phát động đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa cải lương tư sản, đã có ý thức về cuộc đấu tranh cách mạng chống đế quốc kết hợp với chống phong kiến, đòi những quyền lợi thiết thân của mình gắn liền với quyền lợi chung của dân tộc.

Lẽ ra chúng tôi trình bày luôn ở đây ý đồ của Nguyễn-văn-Trung phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương trong Cách mạng tháng Tám. Nhưng về điểm này ông ta lại gắn vào một vấn đề lý luận « mới » còn phi lý hơn nữa, cho nên chúng tôi kết hợp trình bày cả ở trong đoạn tới.

---

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, trang 220—225.

(2) Louis Marty. *Contributions à l'histoire des mouvements politiques de l'Indochine française*. Vol. IV. « Le Đông-dương cộng sản đảng ou Parti communiste indochinois (1925—1933)».

(3) Lê-nin. Toàn tập. Tập 5 trang 559. Sự thật Hà-nội 1962.

https://tieulun.hopto.org

PHẢI CHĂNG SỨ MỆNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT-NAM LÀ THUỘC VỀ NHỮNG NGƯỜI « CÁCH MẠNG QUỐC GIA »?

Phủ nhận vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, của đảng của giai cấp công nhân, phải chăng ông Nguyễn-văn-Trung không xác định vai trò lãnh đạo của một ai cả đối với dân tộc? — Có. Ông Nguyễn-văn-Trung thừa nhận và đề cao vai trò của những người « cách mạng quốc gia ». Nhưng người ta tự hỏi những người « cách mạng quốc gia » mà Nguyễn-văn-Trung đề cao là của giai cấp tư sản dân tộc hay là những người tiểu tư sản yêu nước đứng trên lập trường tư sản hồi trước 1930? — Không. Nguyễn-văn-Trung muốn thừa nhận những đại biểu của bọn đại địa chủ và tư sản mại bản phản động, làm tay sai cho đế quốc thống trị từ trước đến nay, vẫn tự vỗ ngực là « cách mạng quốc gia ».

Trước hết, để xây dựng chỗ đứng cho mình, Nguyễn-văn-Trung tiếp tục bác bỏ vai trò lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân đối với dân tộc bằng cách đưa ra một lý luận « mới »: Sứ mệnh của cộng sản là ở chỗ thực hiện cuộc cách mạng « có tính cách quốc tế » còn sứ mệnh của những người « cách mạng quốc gia » là giải phóng dân tộc. Nhận định của Nguyễn-văn-Trung: « Sứ mệnh của Cộng sản là ở tính cách *Quốc tế* của nó » (1), nhưng « trên thực tế, các đảng Cộng sản đều muốn chủ trương một chính sách Quốc gia » (2). « Căn cứ vào đường lối thực tiễn của Cộng sản, người ta thấy Cộng sản cũng phải làm cách mạng dân tộc để làm cách mạng giai cấp và sử dụng tình tự quốc gia như một động lực chủ yếu trong việc thực hiện những cuộc cách mạng trên. Điều đó có nghĩa là sức mạnh của phong trào Cộng sản không hoàn toàn do thực chất của mình là cộng sản, mà chính là còn ở tại phong trào cộng sản xuất hiện như một phong trào quốc gia » (3), « đó là chỗ yếu của phong trào cộng sản » (3). Còn « Chỗ mạnh của các phong trào Quốc gia, là dựa vào tình tự dân tộc để giành lại độc lập quốc gia » (3). Ông ta vận dụng « lý luận » ấy vào Cách mạng tháng Tám: « Ở trên, tôi đã đưa ra giải thích sở dĩ thực dân sợ Cộng sản là vì tính cách quốc tế của nó, nhưng trong thực tế thì lại không phải Quốc tế cộng sản đã giúp Cộng sản Việt-nam lật đổ chế độ thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa của Mặt trận Việt minh do Đảng Cộng sản Đông-dương lãnh đạo hồi 1945 là hoàn toàn tự phát từ trong nước, không có một nước cộng sản nào trực tiếp giúp đỡ hay công nhận ngoại giao Việt-nam dân chủ cộng hòa, mà chính Đồng minh, nghĩa là Mỹ đã ủng hộ và nâng đỡ Mặt trận Việt minh trước và sau khởi nghĩa như Sainteny đã nhiều lần nhắc tới điểm đó trong cuốn hồi ký của ông ta (4). Nhưng điểm đặc biệt hơn nữa là động lực thúc đẩy cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp thành công, chủ yếu là tình tự dân tộc, lòng ái quốc, đoàn kết Quốc gia, chứ không phải tinh thần quốc tế vô sản » (5).

Ta cần dừng lại ở điểm này trước khi nói về những người « cách mạng quốc gia » của ông Nguyễn-văn-Trung. Phải chăng có sự khác nhau, sự đối lập giữa cuộc cách mạng « có tính cách quốc tế », « có tính cách giai cấp » của giai cấp vô sản với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam, nói khác đi có sự đối lập giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội? Hoàn toàn ngược lại. Thời đại ngày nay là thời đại chủ nghĩa yêu nước đã gặp gỡ chủ nghĩa xã hội và ở nước ta, chủ nghĩa yêu nước đã kết hợp khăng khít với chủ nghĩa xã hội từ khi có chính đảng của giai cấp công nhân nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng.

Ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc theo kiểu dân chủ tư sản cũ do giai cấp tư sản lãnh đạo không thể giải quyết được những mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc đặt ra trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa. Mâu thuẫn giai cấp — đặc biệt là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn dân tộc — đặc biệt là mâu thuẫn giữa tất cả các dân tộc thuộc địa và chủ nghĩa đế quốc thống trị, vốn là những mâu thuẫn cơ bản nhất trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản rẫy chết, thời kỳ đế quốc chủ nghĩa. Giai cấp tư sản dân tộc ở thuộc địa mang tính chất hai mặt. Như Lê-nin đã nhận xét: « Đã có một sự gắn gũi nào đó giữa giai cấp tư sản các nước bóc lột và giai cấp tư sản các thuộc địa, thành thử thường thường — có lẽ trong đại đa số các trường hợp — giai cấp tư sản ở các nước bị áp bức, vừa ủng hộ phong trào dân tộc, lại vừa đồng tình với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, tức là cùng với giai cấp này đấu tranh chống lại những phong

---

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. Tr. 230.

(2) — nt — Tr. 249.

(3) — nt — Tr. 251.

(4) J. Sainteny — *Histoire d'une paix manquée*, Amiot-Dumont. Paris. 1954.

(5) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. Tr. 247.

https://tieulun.hopto.org

trào cách mạng và các giai cấp cách mạng» (1). Giai cấp tư sản dân tộc không thể đưa cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ đi tới thắng lợi hoàn toàn. Chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng triệt để nhất, sâu sắc nhất, xóa bỏ ách bóc lột, áp bức giai cấp mới xóa bỏ được ách áp bức, nô dịch dân tộc. Từ lâu, Mác, Ăng-ghen đã viết trong *Tuyên ngôn của đảng Cộng sản*: «Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ» (2). Năm 1917, dưới sự lãnh đạo của đảng Bôn-sê-vich Nga, cuộc Cách mạng tháng 10 Nga thành công đã trở thành kiểu mẫu đầu tiên của sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội; ở đó các giai cấp trong nhân dân Nga và các dân tộc ở Liên-xô đã đứng dậy lật đổ ách thống trị tư sản và giai cấp phong kiến, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, giải phóng hoàn toàn các dân tộc bị chế độ sa hoàng nô dịch. Cách mạng tháng 10 Nga đã chỉ ra điều kiện thắng lợi hoàn toàn của cách mạng giải phóng dân tộc là vai trò lãnh đạo độc quyền của giai cấp công nhân. Cách mạng tháng 10 Nga đã mở đầu thời đại mới, thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thời đại cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên như vũ bão, thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc hòa thành một dòng thác cách mạng thủ tiêu chủ nghĩa đế quốc. Nói về mối quan hệ giữa cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới, Sta-lin đã viết rõ trong *Tính chất quốc tế của Cách mạng tháng 10 Nga* như sau:

«Cách mạng tháng 10 đã lay chuyển chủ nghĩa đế quốc chẳng những trong các trung tâm thống trị của nó, chẳng những ở các «chính quốc». Cách mạng tháng 10 còn đánh vào hậu phương của chủ nghĩa đế quốc, vào ngoại vi của nó, đồng thời đập tan sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

«Trong khi lật đổ bọn đại địa chủ và bọn tư bản, Cách mạng tháng 10 đã bẻ gẫy xiềng xích áp bức dân tộc và thuộc địa, đã giải thoát khỏi xiềng xích đó tất cả các dân tộc bị áp bức thuộc một nước rộng lớn, không trừ một dân tộc nào. Giai cấp công nhân không thể nào tự giải phóng được, nếu nó không giải phóng các dân tộc bị áp bức. Cách mạng tháng 10 có đặc điểm là nó đã thực hiện, tại Liên-xô, các cuộc cách mạng dân tộc và thuộc địa ấy..., không phải dưới danh nghĩa *chủ nghĩa dân tộc*, mà dưới danh nghĩa *chủ nghĩa quốc tế*.

«Chính vì ở nước ta, các cuộc cách mạng dân tộc và thuộc địa đã được thực hiện, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế, chính vì lẽ đó mà các dân tộc bị miệt thị, các dân tộc bị nô dịch, *lần đầu tiên* trong lịch sử loài người, đã vươn lên địa vị của các dân tộc *thật sự* tự do và *thật sự* bình đẳng, và với tấm gương của mình, đã cổ vũ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

«Như thế có nghĩa là Cách mạng tháng 10 đã mở đầu một thời đại mới, thời đại những cuộc cách mạng *thuộc địa trong các nước bị áp bức* trên thế giới, *liên minh* với giai cấp vô sản, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản» (3). Chúng tôi trích dẫn kỹ đoạn trên, vì ông Nguyễn-văn-Trung đã tham khảo tác phẩm về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Sta-lin, nhưng ông đã cố ý bỏ qua những ý kiến ấy.

Sta-lin khẳng định: «Kỷ nguyên những cuộc cách mạng giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, kỷ nguyên thức tỉnh của *giai cấp vô sản* các nước ấy, kỷ nguyên *quyền lãnh đạo tối cao* của giai cấp đó trong cách mạng, kỷ nguyên đó đã tới rồi» (3). Kỷ nguyên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, kỷ nguyên của thời kỳ gặp gỡ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu từ sau Cách mạng tháng 10; nhưng ở từng nước thuộc địa và phụ thuộc đã có thể thực hiện được sự gặp gỡ ấy chưa để cho phù hợp với tiến trình của lịch sử loài người thì còn tùy thuộc vào tương quan lực lượng giai cấp ở đó trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Riêng ở nước ta, vai trò độc quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cách mạng giải phóng dân tộc bắt đầu từ năm 1930; cũng từ đó bắt đầu sự gặp gỡ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam. Trước đó, hồi cuối thế kỷ XIX, các sĩ phu phong kiến yêu nước đã lãnh đạo một phong trào vũ trang kháng Pháp. Nhưng thực tế lịch sử đã chứng minh, đứng trên quan điểm phong kiến để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc đem chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa phong kiến, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể đi tới thắng lợi. Từ đầu thế kỷ XX, phong trào dân tộc chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản. Nhưng những phong trào yêu nước hồi đầu thế kỷ XX và sau cùng

---

(1) Lê-nin — *Những bài nói trước đại hội của Quốc tế cộng sản*. tr. 83. Sự thật. Hà-nội 1962.

(2) Mác, Ăng-ghen — *Tuyên ngôn của đảng Cộng sản*. tr. 50. Sự thật, Hà-nội 1956.

(3) Sta-lin — *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*. tr. 259 — 261. Sự thật, Hà-nội 1950.

https://tieuluan.hopto.org

là cuộc khởi nghĩa Yên-bái của Việt-nam Quốc dân đảng cũng bị thất bại. Lại một lần nữa thực tế lịch sử chứng minh, đứng trên quan điểm tư sản để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc, đem chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa dân tộc tư sản, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng không thể đi tới thắng lợi. Cuộc khởi nghĩa Yên-bái của Việt-nam Quốc dân đảng chấm dứt, chấm dứt luôn tính chất độc lập của mọi phong trào yêu nước của những người tiểu tư sản mang khuynh hướng tư sản. Nguyễn-văn-Trung cũng đã thừa nhận: « Việt-nam Quốc dân đảng thực sự chấm dứt lịch sử của mình với cái chết của 13 liệt sĩ ở Yên-bái » (1). Còn bản thân giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam, nó chưa từng là giai cấp lãnh đạo dân tộc trong cuộc cách mạng chống đế quốc và phong kiến. Đó là một giai cấp nhỏ yếu, có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến nhưng lại có liên hệ kinh tế với đế quốc và phong kiến. Do đó xu hướng chính trị của nó là chủ nghĩa cải lương. Vì không kiên quyết chống đế quốc, phong kiến, nó không có một ảnh hưởng rộng rãi trong quần chúng nhân dân, nhất là nông dân. Cho nên sự xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam trong cách mạng giải phóng dân tộc để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử. Như chúng tôi đã nói rõ, tính tất yếu đó không phải từ bên ngoài đưa vào, mà chính là bắt nguồn từ những điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt-nam. Vậy lợi ích của giai cấp công nhân hoàn toàn phù hợp với lợi ích dân tộc, chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân hoàn toàn hòa hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội là hai mặt khăng khít trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân Việt-nam: càng hăng hái đấu tranh chống đế quốc phong kiến, giải phóng dân tộc mình, đưa nước mình tiến lên chủ nghĩa xã hội thì càng đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước khác trong sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc, hoàn toàn giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba mươi lăm năm qua, dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân, tính tất yếu về sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thể hiện trong *thực tiễn* bằng những thắng lợi rực rỡ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam: thành công của Cách mạng tháng Tám, thắng lợi của kháng chiến trường kỳ, cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Thực tiễn lịch sử đanh thép ấy bác bỏ ý đồ của ông Nguyễn-văn-Trung cũng như bất cứ kẻ nào định phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam nói chung, trong Cách mạng tháng Tám nói riêng.

Còn lập luận của Nguyễn-văn-Trung rằng Mỹ đã giúp Cách mạng tháng Tám Việt-nam thành công, điều đó không có gì mới. Bọn thực dân và sử gia tư sản lập luận từ lâu rằng bọn đế quốc đã giúp cách mạng Việt-nam, hòng làm mất ý nghĩa to lớn của cuộc cách mạng vĩ đại ấy, một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo thành công đầu tiên từ một nước thuộc địa ở vùng Đông Nam châu Á. Xanh-tơ-ni (J. Sainteny), ủy viên Cộng hòa Pháp ở Bắc-kỳ từ hồi cuối 1945, đã viết trong cuốn *Một câu chuyện hòa bình hụt* (2) như vậy. Đơ-vi-le (Phillippe Devillers), tùy viên báo chí bên cạnh bộ tham mưu của tướng Lơ-cơ-lec (Leclerc), phóng viên báo *Thế giới* (Pháp) ở Đông-dương hồi cuối 1945, tác giả cuốn *Lịch sử Việt-nam từ 1940 đến 1952* lại viết: Sau khi đầu hàng, Nhật đã tích cực giúp đỡ người Việt-nam để thực hiện sứ mệnh lịch sử của chúng « giải phóng châu Á khỏi chủ nghĩa đế quốc da trắng » (3) và « bỏ mặc chính quyền cho cuộc khởi nghĩa » (3), hoặc « nhất là nhờ vào sự trung lập của Nhật » (4) mà Việt minh giành được chính quyền trong toàn quốc. Nguyễn-văn-Trung cùng quan điểm với Xanh-tơ-ni, Đơ-vi-le nhưng còn đi xa hơn nữa: cả « người Pháp đã giúp cho đảng Cộng sản Việt-nam có may mắn được lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc » (5). Thế là cả bầy xâm lược bấy giờ: đế quốc Mỹ, thực dân Pháp, phát-xít Nhật đều giúp Cách mạng tháng Tám thành công! Ông Nguyễn-văn-Trung cố nhắm mắt trước những sự thật lịch sử. Những sự thật lịch sử đó là: từ năm 1939, Đảng Cộng sản Đông-dương đã lãnh đạo nhân dân Việt-nam chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền; tháng Tám 1945, toàn dân Việt-nam đã đoàn kết trong Mặt trận Việt-minh do Đảng Cộng sản Đông-dương lãnh đạo vùng dậy làm Tổng khởi nghĩa giành lại chính quyền từ tay phát-xít Nhật và bọn bù nhìn tay sai; sau Tổng khởi nghĩa, toàn dân Việt-nam lại đoàn kết xung quanh Đảng Cộng sản Đông-dương, tập trung sức lực chống lại thực dân Pháp vũ trang xâm lược

---

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. 212.

(2) Jean Sainteny — *Histoire d'une paix manquée.*

(3) Phillippe Devillers — *Histoire du Việt-nam de 1940 à 1952.* tr. 136. Seuil. 1952.

(4) Như trên, tr. 142.

(5) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. 253.

https://tieulun.hopto.org

và phá tan âm mưu nô dịch bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và bọn tay sai Mỹ — Tưởng. Nói riêng đế quốc Mỹ, dã tâm xâm lược của chúng lúc bấy giờ thật quá rõ ràng. Một mặt Mỹ dựa vào quân Tưởng định lật đổ chính quyền cách mạng Việt-nam, đưa bọn tay sai Mỹ — Tưởng (Việt-nam Quốc dân đảng, Việt-nam cách mạng đồng minh hội) lên thay thế; một mặt, tướng Ga-la-gơ (Gallagher), trưởng đoàn phái bộ Mỹ, đề nghị với Hồ Chủ tịch để Mỹ được bỏ tư bản, thiết bị và kỹ thuật viên «giúp» Việt-nam khôi phục đường sắt, hải cảng, tổ chức lại nền kinh tế quốc gia (1). Đó không phải là cái gì khác mà chính là những thủ đoạn thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ. Nhưng nước Việt-nam đã từ chối sự giúp đỡ của cái «chủ nghĩa tư bản xâm lược này» (1). Không nuốt được Việt-nam bằng chủ nghĩa thực dân mới, Mỹ tích cực giúp Pháp xâm lược Việt-nam. Sau lời khuyên của tướng Mỹ Mác Ác-tuya (Mac Arthur) với tướng Pháp Lơ-cơ-léc hồi đầu tháng 9-1945: «Tôi có điều này khuyên ông, ông hãy đưa quân đội, đưa nhiều hơn nữa, càng nhiều càng hay» (2) vào Việt-nam, tháng 12-1945, Mỹ đã thực tế giúp Pháp 8 tầu chiến chở 2.000 quân Pháp cùng với khí giới Mỹ sang chiến trường Đông-dương.

Nguyễn-văn-Trung còn viện cớ: Cách mạng tháng Tám Việt-nam «không có sự giúp đỡ trực tiếp của Quốc tế cộng sản hay một nước cộng sản nào» để phủ nhận «tính cách quốc tế» của cách mạng Việt-nam. Nhưng như trên đã nói rõ, ở Việt-nam từ năm 1930, chủ nghĩa yêu nước đã kết hợp khăng khít với chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản Đông-dương, chính đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, đã vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào điều kiện thực tế của xã hội Việt-nam, nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó trở đi, mãi mãi cách mạng Việt-nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, được kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười Nga soi rọi, được phong trào công nhân quốc tế giúp đỡ, và ngược lại, cách mạng Việt-nam cũng góp phần tích cực vào phong trào quốc tế của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cách mạng tháng Tám là một giai đoạn, là một thành quả vĩ đại của quá trình cách mạng Việt-nam đã bắt đầu từ năm 1930. Còn trong lúc Tổng khởi nghĩa, đúng rằng Việt-nam không có sự chi viện trực tiếp của quân đội Xô-viết như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Nhưng ngay từ khi Hồng quân Liên-xô phản công quân Đức trên mặt trận châu Âu, quân Nhật bị sa lầy ở Trung-quốc, khi đó nhân dân Việt-nam đã được cổ vũ, phấn khởi tiến lên phát triển phong trào cách mạng của mình khắp toàn quốc. Tháng 8-1945, cuộc tấn công của Hồng quân Liên-xô đánh tan đội quân Quan-đông của Nhật, buộc chúng phải đầu hàng Đồng minh không điều kiện đã tạo một thời cơ khách quan vô cùng thuận lợi; cách mạng Việt-nam đã chuẩn bị sẵn trong cao trào tiền khởi nghĩa, mau lẹ nắm lấy thời cơ, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh cao độ, đưa cuộc khởi nghĩa từng phần nhảy vọt lên tổng khởi nghĩa toàn quốc. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, trở thành một thành viên của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Những sự kiện lịch sử đó càng chứng minh rõ ràng hơn, cách mạng Việt-nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới.

Nói tiếp tới những người «cách mạng quốc gia» của ông Nguyễn-văn-Trung. Hãy nghe Nguyễn-văn-Trung nói lên lý tưởng của những người «cách mạng quốc gia» ấy, hay là lý tưởng của chính mình: «Dân tộc Việt-nam là một dân tộc bước vào công cuộc giải phóng quốc gia sớm nhất và cũng là dân tộc hy sinh nhiều nhất cho công cuộc đó, để rút cục vẫn còn nằm trong những tình cảnh khó khăn, éo le, gian khổ. Phải chăng, một phần cũng tại chính sách thiển cận cố chấp của người Pháp trước đây với phong trào cách mạng quốc gia Việt-nam» (3). «Giả sử người Pháp đã sáng suốt, nhìn nhận những nhà cách mạng Quốc gia, điều đình với họ và hơn nữa nâng đỡ họ một cách thiết tình, nhất là hồi 1945 — 1946 thì chắc gì dân tộc Việt-nam đã phải chịu những thảm trạng của một nước có chiến tranh liên tiếp» (4). «Nếu người Pháp hồi 1946 và nhất là khi còn giữ chủ quyền ở Đông-dương, đã sáng suốt nhìn thấy vấn đề giải thực thế nào cũng phải được giải quyết như một tất yếu lịch sử, ... do đó đi tới một chủ trương điều đình và hơn nữa nâng đỡ các phong trào Quốc gia thì chắc gì đảng Cộng sản Đông-dương đã được cái may mắn độc quyền lãnh đạo công cuộc giải phóng đất nước» (5) v.v... Nguyễn-văn-Trung có cử ra những mẫu người «cách mạng quốc gia» hồi 1945—1946: «Thực ra người Pháp cũng có tiếp xúc với các đảng Quốc gia. Sainteny nhắc tới người đầu tiên

(1) Phillippe Devillers — Sách đã dẫn. tr. 202.
(2) Phillippe Devillers — Sách đã dẫn. tr. 150.
(3) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn. tr. 258.
(4) Như trên, tr. 246.
(5) Như trên, tr. 251.

https://tieulun.hopto.org

ông tiếp xúc ở Côn-minh là Nguyễn-tường-Tam, một lãnh tụ Việt-nam Quốc dân đảng. Về sau ở Hà-nội ông cũng tiếp xúc với Nguyễn-hải-Thần... Tuy nhiên, đến lúc đó mới tiếp xúc với các nhà cách mạng quốc gia thì cũng đã muộn» (1).

Thế là đủ rõ! Thì ra những mẫu «cách mạng quốc gia» của Nguyễn-văn-Trung chính là những kẻ đã được bọn quân phiệt Trung-quốc nuôi dưỡng từ lâu và sau đó được bọn quân Tưởng đem về nước dùng làm công cụ phá hoại nền độc lập dân tộc vừa mới giành được. Đó chính là bọn chủ mưu của những vụ bắt cóc, tống tiền trong nhân dân, bọn vu cáo chính quyền cách mạng, chia rẽ dân tộc trong lúc đang cần đại đoàn kết toàn dân tiến hành kháng chiến ở Nam-bộ, bọn chủ mưu của vụ án ghê tởm Ôn-như-hầu hồi giữa năm 1946. Đó chính là bọn đã bị toàn dân lên án lúc bấy giờ và sau đó, tháng 2-1947, lại đưa Bảo-đại đứng ra hợp tác với thực dân Pháp xâm lược (2).

Sau Nguyễn-hải-Thần, Nguyễn-tường-Tam, Vũ-hồng-Khanh... phải kể đến một loạt tên khác đã thực hiện được lý tưởng «cách mạng quốc gia», tức được thực dân Pháp «nâng đỡ một cách thiết tình». Như người ta đã biết, chính phủ bù nhìn đầu tiên của cái gọi là «Nước cộng hòa tự trị Nam-kỳ» do thực dân Pháp nặn ra hồi giữa 1946 là chính phủ Nguyễn-văn-Thinh. Nguyễn-văn-Thinh là một đại địa chủ có mấy ngàn mẫu tây ruộng cấy lúa và đồn điền cao-su, và là người rất được «trọng vọng» trong suốt thời gian đô đốc Decoux làm toàn quyền Đông-dương. Chính phủ này do một hội đồng tư vấn bầu ra gồm 4 ủy viên người Pháp và 8 ủy viên người Việt, trong đó 7 người đã vào làng tây (3). Tiếp sau chính phủ bù nhìn Nguyễn-văn-Thinh là những chính phủ bù nhìn Lê-văn-Hoạch, Nguyễn-văn-Xuân, Nguyễn-phan-Long, Trần-văn-Hữu, Nguyễn-văn-Tâm v.v..., tất cả đều là kết quả của sự «nâng đỡ một cách thiết tình» của Pháp đối với Bảo-đại và chúng. Nhưng kể ra thành tích phản bội dân tộc của bọn tay sai Pháp này còn thua xa bọn tay sai Mỹ, cầm quyền thống trị ở miền Nam từ sau năm 1954 đến nay: anh em Ngô-đình-Diệm, Nguyễn Khánh và bọn đang tranh nhau làm tay sai đắc lực cho đế quốc Mỹ hiện tại. Có lẽ ở đây không cần bình luận nhiều về bọn tự vỗ ngực là «cách mạng quốc gia» ấy nữa. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và bọn tay sai trước đây (1946 — 1954), cuộc nổi dậy của nhân dân miền Nam đánh đuổi đế quốc Mỹ và bọn tay sai ở miền Nam ngày nay đã nói lên đầy đủ chúng là bọn Việt gian bán nước, đại biểu cho bọn đại địa chủ và tư sản mại bản phản động, làm tay sai cho đế quốc xâm lược.

Có điều cần nhấn mạnh thêm về lập luận sai lầm của Nguyễn-văn-Trung: ông ta cố xóa mờ ranh giới giữa những kẻ bán nước và những người yêu nước đang đứng trong hàng ngũ đoàn kết toàn dân chống đế quốc Mỹ do giai cấp công nhân lãnh đạo; ông ta cố san bằng con đường chịu cúi đầu làm nô lệ cho chủ nghĩa thực dân, đặc biệt là chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ với con đường cách mạng mà nhân dân ta đã kiên quyết đứng dậy đập tan ách thống trị của đế quốc Mỹ xâm lược. Nhưng thực tế lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc ta một thế kỷ qua, nhất là ba mươi lăm năm qua, đã chứng minh rằng: đế quốc Mỹ ngày nay cũng như đế quốc Pháp trước kia, bản chất của chúng là xâm lược, bạo lực; con đường giải phóng dân tộc duy nhất đúng là đại đoàn kết toàn dân, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng đập tan bạo lực phản cách mạng, đạp đổ ách thống trị bạo tàn của chúng. Con đường trông chờ ở sự «sáng suốt» của chúng, cầu xin chúng ban ơn cho độc lập, cầu xin chúng «nâng đỡ một cách thiết tình» chỉ là con đường đầu hàng, phản bội lại quyền lợi dân tộc.

KẾT LUẬN

Quyển *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* là một thứ thuốc độc đối với đồng bào miền Nam hiện tại. Tác giả của nó đã che dấu cho chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, đã cố chứng minh để bác bỏ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam trong công cuộc giải phóng dân tộc, đồng thời lại tán dương vai trò của những kẻ phản bội dân tộc.

Tác giả cuốn sách xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin, xuyên tạc lịch sử cách mạng Việt-nam, trong lúc toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đã đánh bại đế quốc Pháp xâm lược, giải phóng hoàn toàn

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. 257.

(2) Ngày 17-2-1947, Nguyễn-hải-Thần, Nguyễn-tường-Tam cùng một số tên bán nước khác đã tụ tập nhau ở Hương-cảng, lập ra «Mặt trận quốc gia» ủng hộ Bảo-đại hợp tác với Pháp.

(3) Pierre Naville — *La guerre du Việt-nam*. tr. 62.

https://tieulun.hopto.org

miền Bắc, và hiện nay đang tiến lên đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai. Vấp phải những thực tế đanh thép ấy của lịch sử cách mạng Việt-nam, lập luận của tác giả cuốn sách tỏ ra lúng túng, mâu thuẫn và không che dấu được những quan điểm phản lịch sử, phản dân tộc. Bắt buộc phải nói tới giai cấp đấu tranh, nhưng lại cố chứng minh không có đấu tranh giai cấp, không có vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Bắt buộc phải nói tới vai trò của Đảng Cộng sản Đông-dương nhưng lại cố chứng minh không phải là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam lãnh đạo cách mạng. Bắt buộc phải nói tới đấu tranh giải phóng dân tộc nhưng lại cố chứng minh con đường «giải thực» là trông vào sự «sáng suốt» và «nâng đỡ thiệt tình» của bọn thực dân xâm lược. Không trung thực với thực tế lịch sử thì làm sao công trình nghiên cứu lịch sử có tính chất khoa học được. Sự không trung thực của tác giả cuốn sách trước hết bắt nguồn từ quan điểm sai lầm của tác giả đối với lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam.

Nhưng lịch sử cách mạng Việt-nam vẫn phát triển theo những qui luật tất yếu của xã hội. Sự phát triển tất yếu của xã hội miền Nam hiện nay là: đế quốc Mỹ và bọn tay sai nhất định bị quật đổ, miền Nam Việt-nam nhất định được giải phóng, Tổ quốc Việt-nam nhất định sẽ thống nhất. Đối với qui luật tất yếu, con người chỉ có thể tự do khi nhận thức được và hành động hợp với sự phát triển tất yếu đó.

Chúng tôi hy vọng rằng tác giả *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam* sẽ thực hiện lời nói của mình: «Không mong bảo vệ tư tưởng nhất là những tư tưởng của mình» (1) và hãy rút ra từ thực tế lịch sử dân tộc những bài học đúng đắn cho hành động.

Tháng 12-1964

Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam

(*Tiếp theo trang 3*)

thêm muốn một chính quyền tay sai ổn định để được rảnh tay đàn áp cách mạng, nhưng chúng vẫn không thoát ra được «cái vòng luẩn quẩn» đảo chính và đảo chính. Đế quốc Mỹ chỉ còn đặt cái hi vọng tối thiểu là có một tên tay sai bù nhìn không bị lật đổ, nhưng thời kỳ Mỹ Diệm trước đây cũng đã đi vào lịch sử rồi.

Thực ra, cuộc khủng hoảng chính trị ở miền Nam nước ta hiện nay có khác với những cuộc khủng hoảng chính trị ở một số nước khác nên qui luật của nó diễn ra cũng khác. Cuộc khủng hoảng chính trị ở Nam Triều-tiên sau khi Lý Thừa-Vãn bị đổ, đế quốc Mỹ vẫn tạm thời duy trì được bộ máy bù nhìn của bọn Pắc Sung-Hy chính vì cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Triều-tiên chưa tiến tới một cao trào, phối hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, ở thành thị cũng như ở nông thôn. Trong khi đế quốc Mỹ và bọn tay sai ở miền Nam nước ta cấu xé lẫn nhau trong đường hầm không lối thoát thì vòng vây trùng trùng điệp điệp của đông đảo nhân dân ngày càng khép chặt, phong trào thành thị và phong trào nông thôn phối hợp với nhau một cách tuyệt diệu. Những cuộc đấu tranh ở thành thị, doanh lũy cuối cùng của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, hiện nay, dưới khẩu hiệu chính trị hay kinh tế, đều có một hiệu lực làm yếu tiềm lực chiến tranh của địch, phá rối guồng máy thống trị của địch. Cố nhiên phong trào thành thị là một phong trào phức tạp với những màu sắc khác nhau, nhưng tất cả đều đẩy mạnh thêm việc đảo lộn trật tự an ninh của địch. Rồi đây, chúng ta sẽ còn thấy những diễn biến trong mâu thuẫn nội bộ địch ngày càng gay gắt và tiến triển của phong trào thành thị ngày một dâng cao, góp phần vào việc xô ngã địch trong trận cuối cùng.

Đế quốc Mỹ và bọn tay sai đương chực tìm lối thoát bằng việc mở rộng chiến tranh ở Đông-dương, xâm phạm nước Việt-nam dân chủ cộng hòa; nhưng con đường ấy càng dẫn chúng đến chỗ mau bị tiêu diệt.

1-3-1965.

---

(1) Nguyễn-văn-Trung. Sách đã dẫn, tr. III lời tựa.

https://tieulun.hopto.org

CHÍNH KHÍ CA VIỆT-NAM

Chúng tôi nhận được bài sau đây do cụ Lê Thước sưu tầm gửi cho. Bài làm bằng chữ Hán theo thể trên sáu dưới tám (lục bát), ca ngợi khí tiết trung nghĩa của những người đã khẳng khái hi sinh vì nước, giống như bài « Chính khí ca » của Văn Thiên-Tường tại Trung-quốc ngày trước nên cũng gọi là Chính khí ca. Tác giả không để tên, cũng không ghi rõ năm tháng. Nhưng căn cứ vào nội dung của nó, chúng ta có thể khẳng định là : bài làm sau khi phong trào cần vương chống Pháp đã bị tan vỡ và trước những phong trào Đông du và Đông-kinh nghĩa thục đầu thế kỷ thứ hai mươi.

Đọc bài này, chúng ta càng thấy rõ dư luận chính nghĩa của các sĩ phu và nhân dân đương thời. Chúng ta không đòi hỏi ở nó những quan điểm ngày nay, nhưng thấy ở nó tinh thần yêu nước, hăng hái chống ngoại xâm và lấy tinh thần ấy làm tiêu chuẩn đánh giá các nhân vật lịch sử. Đặc biệt là tác giả đã dùng hình thức văn lục bát của Việt-nam mà nội dung là chữ Hán. Để cho việc phổ biến được rộng rãi, chúng tôi đã đề nghị cụ Lê Thước — người sưu tầm và dịch thuật, dịch ra tiếng Việt cũng bằng thể thượng lục hạ bát và đúng theo số câu, số chữ để cống hiến cho các bạn đọc.

Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

越南正氣歌

南國山河南帝居
乾坤定分天書猶傳
鴻龐甌貉何年
丁黎陳李以傳至今
國朝皇阮一臨
江山一統大南兩圻
王師到處平夷
春京定鼎邊陲晏寧
嘉隆紀號聖明
文臣武將天生人材
蠻夷大小綏懷
高蠻南掌咸來稱臣
太平十八年春
再傳明命聖君紹承
日之升月之恒
二十一載咸稱治朝
三傳紹治承祧
七年踐祚順調雨風
謂何拡廢東宮
腋庭兆亂自從此生
四傳國寶翼英
兩班文武朝廷肅蹌
無端漢浪翻揚
沱江忽報西洋來船
溯從嗣德二年
南圻六省幾番戰場
非無士厲兵强
奸臣注措乖方若何
潘林何處人耶
甘心賣國求和欺君
傷心義士義民
張安張定隻身撐扶
空勞慷慨吞胡
阮勳罵賊亦徒殺身
吁嗟我國岐邠
天心何忍沈淪莫挽

https://tieulun.hopto.org

莫非時事相催
一和誤宋巳胚胎成
坐看舵進河城
北圻四省縱橫犬羊
可憐老將知方
背城一戰當場捐軀
人生自古誰無
英雄心事千秋碑傳
回頭纔十餘年
守臣黃耀聖前刎身
從容庭樹歸神
九原下見阮君無慚
西人風順征帆
砲聲雷振山南郡城
武臣提店進征
守城按察胡琼堆翁
一心誓許孤忠
浩然正氣嵬峯長垂
嗚呼一木難支
二公死後又誰戰爭
風聲鶴唳皆兵
北軍永福廷庚莫何
始終空守一和
忍將半幅山河棄之
會逢翼聖仙歸
朝中廢立權歸相臣
踐誠一愚老人
不知育德嗣君咎何
奸謀反立協和
府中扇起干戈是誰
立之還復廢之
朝綱一說扶持亦難
改元建福未安
咸宜繼襲祥奸已形
陰謀潛引洋兵
老愚一說無情不知
洋兵踏破城池
孤軍難保勢危十分
咸宜御駕奔塵
數班文武孤身護從
金龍一陣交鋒
說從御駕祥從洋官
滿朝胆落魄寒
隨他鞭策一團隸奴
儘年黎固皇圖
樓臺社稷天胡使然
內欽使外全權
假名保護實專制其
殿庭宗廟依依
不分涇渭華夷會同
內承慈裕正宮
翊扶同廢九重登尊
文祥還竄崑崙
天堂無路奸魂難超
咸宜披草立朝
北南山寨風飄義旗
征西羽檄交馳
紳豪士庶刻期起兵
海陽河內北寧
山西南定寧平愛驩
結成社會民團
靜防御駕欽班陣前
廣平廣治承天
廣南廣義富安順城
阮碧先倡義兵
如清乞援廷庚子材
潛謀宣署收回
功雖不就壯懷烈忠
阮高到底英雄
一刀爲白舌紅心丹
一義膽一忠肝
藤江嵬島之間兩賢
從容就義自然
再生枋得文天南朝
其人武利廷僚
同窓同郡同朝死生
述贊理權提兵
身經百戰有名將臣
壯烈哉宋維新
誓心天地將軍嚴頭
一家萬古冤讐
陲亭過下誰無淚垂
敦節公誠可悲
一身牢堡蕉衣奴囚
阮春温據演州
雄心恢復鴻儔大豪

https://tieulun.hopto.org

時不利柰若何
一朝不戒爲他人擒
不降將校同心
州中豪傑山林堡屯
誰哀弔戰士魂
青山綠樹黃昏昏黃
丁公勁骨剛腸
130 失機一旦無常事休
法人何事深仇
酷刑忍使無頭含冤
傲公阮扇公潘
二公節操霜冰九泉
廷献鉄石心堅
患肝義氣名傳海壖
范瓚公平定人
生來鉄骨銅筋將才
公之忠烈可哀
140 三年戰死骨骸掘燒
横山關外一條
世家子弟歷朝將卿
義旗先倡黎寧
短衣匹馬抗衡一方
轟轟烈烈一場
盡忠報國一堂弟兄
胸中數萬甲兵
文章節義潘廷相公
蒼然歲晚孤松
150 千擒萬撼雨風如常
惟知頭上君王
破家掘塚何常動心
分屯列寨山林
廿年河靜相尋干戈
部從善戰人多
法闌落魄洋爺驚魂
地維立天柱尊
公如不死猶存南天
天胡不假之年
160 將星忽已營前無光
忠魂一去仙鄉
遺骸空付外洋灰塵
嗟乎南國之人
從今誰解西人倒懸
成泰乙未之年
卽將軍費銀元責賠
驚惶官法如雷
村村社社砲催火傳
責開民簿丁田
170 倍加稅例納錢代租
年年歲歲增收
加增物料茶芙百端
潭何隊錦何官
密魔惡鬼團團害人
環城儒寓遺民
稅門稅戶稅身稅行
稅妓舍稅歌坊
稅猪稅狗稅羊宰屠
取之旣盡錙銖
180 再開商政酒爐鹽場
迫民賣脅民商
誣民隱漏千方虎蛇
百班政虐法苛
人人愁苦家家叫啼
人窮賣子賣妻
賣夫更甚無稽事奇
談來事不勝悲
問天天且默而柰何
我南人何到耶
190 旣爲西困又加旱蝗
十年至九年荒
暴風逆雨又常爲災
鳩形鵠面誰哀
河沙餓死骨骸誰收
朝朝暮暮抬夫
弟還兄去道途摩肩
多方索擾銀錢
賠賠罰罰捐捐肆行
甚而無影無形
200 風聲卽刻派兵捕懲
以威脅以法繩
苦中加苦不勝其窮
西人倡南人從
司暫衙吏扶同上官
吾民何處鳴冤
呼天呼地漫漫夜長

https://tieulun.hopto.org

物於同類則傷
同吾氣血吾當扶持
問吾吾胡不知
本來面目鬚眉骸形
南越長南越生
黃皮黑類弟兄同胞
云胡雜雜嘈嘈
逢迎白種如熬獵前
云胡車蓋馬鞭
恭恭敬敬如天上神
非吾族類何親
吾奔吾走吾身奴婢
堂堂一个男兒
頂天履地人誰非吾

吾齊梁吾擒胡
鹹章關渡亦吾人前
破明賊走元船
吾名赫赫猶傳至今
天行自西而南
時來火旺則金休囚
不共戴天之讐
願存勾踐沼吳壯懷
兵皆兵財皆財
合源成海合材成林
願吾千萬一心

(東醫院幹部傅德誠家藏抄本)

Phiên âm

VIỆT-NAM CHÍNH KHÍ CA

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Càn khôn định phận thiên thư do truyền,
Hồng-bàng, Âu-lạc hà niên,
Đinh Lê Trần Lý dĩ truyền chí kim (câm)
Quốc triều Hoàng Nguyễn nhất lâm,
Giang sơn nhất thống Đại-nam lưỡng kỳ,
Vương sư đáo xứ bình di,
Xuân kinh định đỉnh biên thùy án ninh.
Gia-long kỷ hiệu thánh minh.
Văn thần võ tướng thiên sinh nhân tài.
Man di đại tiểu tuy hoài,
Cao-miên, Nam-chưởng hàm lai xưng thần.
Thái bình thập bát niên xuân,
Tái truyền Minh-mạng thánh quân thiệu thừng.
Nhật chi thăng, nguyệt chi hằng,
Nhị thập nhất tải hàm xưng trị triều.
Tam truyền Thiệu-trị thừa diêu.
Thất niên tiễn tộ thuận điều vũ phong.
Vị hà thiện phế đông cung,
Dịch đình triều loạn tự tòng thử sinh.
Tứ truyền quốc bảo Dực anh,
Lưỡng ban văn võ triều đình túc thương.
Vô đoan Hán lãng phiên dương,
Đà-giang hốt báo Tây dương lai thuyền.
Tố tòng Tự-đức nhị niên,
Nam-kỳ Lục tỉnh kỷ phiên chiến trường.
Phi vô sĩ lệ bình cường,
Gian thần chủ thác quai phương nhược hà.

Dịch nghĩa

CHÍNH KHÍ CA VIỆT-NAM

Vua Nam ở đất nước Nam,
Bản đồ trời định đã truyền từ lâu.
Hồng-bàng Âu-lạc mở đầu,
Đinh Lê Trần Lý nối nhau trị vì.
Đến triều Hoàng Nguyễn ta nay,
Giang sơn gồm cả hai kỳ Bắc Nam.
Vương sư khắp chốn dẹp yên,
Quốc đô mới đóng tại miền Phú-xuân.
Gia-long niên hiệu kỷ nguyên,
Văn thần võ tướng trời ban nhân tài.
Vỗ về dân tộc mọi nơi,
Cao-miên, Nam-chưởng tới lui xưng thần.
Thái bình mười tám năm xuân,
Hai truyền Minh-mạng thánh quân kế thừa.
Đảm đương mọi việc sớm trưa,
Hăm mốt năm chẵn nước nhà trị yên.
Ba truyền Thiệu-trị dấy lên,
Bảy năm gió thuận mưa êm trong ngoài.
Bỏ chính lập thứ bởi ai.
Trong triều gây mối bất hài từ đây.
Bốn truyền Tự-đức lên thay,
Hai ban văn võ hàng bày nghiêm trang.
Bỗng đâu sóng gió một phương,
Cửa Hàn tin báo Tây dương chiến thuyền.
Kể từ Tự-đức nhị niên,
Nam-kỳ lục tỉnh mấy phen chiến trường.
Hà không tướng mạnh binh cường,
Nào ngờ phó thác phải phường tôi gian.

https://tieulun.hopto.org

Phan Lâm hà xứ nhân da,
— Cam tâm mại quốc cầu hòa khi quân.
Thương tâm nghĩa sĩ nghĩa dân,
Trương An, Trương Định chích thân xanh phù.

Không lao khảng khái thôn Hồ,
Nguyễn Huân mạ tặc diệc đồ sát thân.
Hu ta ngã quốc Kỳ Mân (1),
Thiên tâm hà nhẫn trầm luân mạc hồi.
Mạc phi thời sự tương thôi,
Nhất hòa ngô Tống dĩ phôi thai thành.

Tọa khan đà tiến Hà-thành,
— Bắc-kỳ tứ tỉnh tung hoành khuyển dương.
Khả liên lão tướng Tri-Phương,
Bối thành nhất chiến đương trường quyên khu.

Nhân sinh tự cổ thùy vô,
Anh hùng tâm sự thiên thu bi truyền.
Hồi đầu tài thập dư niên,
Thủ thần Hoàng Diệu thánh tiền vẫn thân.

Thung dung đình thụ qui thần,
Cửu nguyên hạ kiến Nguyễn quân vô tàm.

Tây nhân phong thuận chinh phàm,
— Pháo thanh lôi chấn Sơn-nam quận thành
Võ thần Đề Điếm tiến chinh,
Thủ thành án sát Hồ Quỳnh-đôi ông
Nhất tâm thệ hứa cô trung,
Hạo nhiên chính khí Gôi phong trường thùy.

Ô hô! nhất mộc nan chi,
Nhị công tử hậu hựu thùy chiến tranh!
Phong thanh hạc lệ giai binh,
Bắc quân Vĩnh-Phúc, Đình-Canh mạc hà.
Thủy chung không thủ nhất hòa,
— Nhẫn tương bán bức sơn hà khí chi.
Hội phùng Dực thánh tiên qui,
Triều trung phế lập quyền qui tướng thần.
Tiền-Thành nhất ngu lão nhân,
Bất tri Dục-đức tự quân cựu hà.
Gian mưu phản lập Hiệp-hòa,
Phủ trung phiến khởi can qua thị thùy.

Người xứ nào, bọn Lâm Phan (2)?
— Cam tâm bán nước mưu toan cầu hòa.
Nghĩa dân nghĩa sĩ xót xa,
Trương An, Trương Định quyết ra hộ phù.

Uổng công khảng khái diệt thù,
Nguyễn Huân mắng giặc chẳng lo mất đầu.
Than ôi sáu tỉnh cơ đồ,
Lòng trời sao nỡ giày vò không thôi!
Bởi thời nhưng cũng bởi người,
Chữ hòa lừa Tống đành ngồi chủ trương (3).

Hà-thành tàu giặc thuận đường,
— Bắc-kỳ bốn tỉnh khuyển dương tung hoành.
Tri-Phương lão tướng liều mình,
Cầm quân quyết giữ vững thành không nao.

Người ta không kể thời nào,
Anh hùng tâm sự nghìn thu bia truyền.
Ngoảnh xem vừa chẵn mười niên,
Thủ thần Hoàng Diệu lại liền bỏ thân.

Gốc cây khi đã về thần,
Suối vàng không thẹn mắt nhìn Nguyễn quân.

Thuyền Tây thuận gió tiến dần,
— Sơn-nam súng nổ sấm ran tỉnh thành.
Võ thần Đề Điếm tiến chinh,
Thủ thành án sát Hồ Quỳnh-đôi ông (4).
Một lòng giữ vững cô trung,
Bừng bừng chính khí Gôi (5) phong lâu dài.

Một cây khó chống than ôi!
Hai ông đã chết, ai người chiến tranh?
Hạc kêu gió thổi đều kinh, (6)
Bắc quân Vĩnh-Phúc, Đình-Canh ích gì(7).
Chữ hòa trót đã chủ trì,
— Nỡ đem nửa nước bỏ đi mặc người!
Gặp khi Tự-đức qua đời,
Quyền thần liền tính đến bài đổi thay.
Tiễn-Thành già cả ngu si, (8)
Chẳng hay Dục-đức tội gì gạt ra.
Mưu gian lại lập Hiệp-hòa,
Trong triều gây việc can qua tức thì.

---

(1) *Kỳ Mân* : hai tên đất : cơ nghiệp nhà Chu thời xưa khởi đầu từ hai đất này ; ý nói Nam-kỳ là nơi dấy nghiệp của nhà Nguyễn.

(2) Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp.

(3) Nhà Tống đã mắc lừa cầu hòa với Kim nên bị mất nước.

(4) Đề Điếm người Thanh-hóa ; Hồ Quỳnh-đôi ông, tức Hồ-bá-Ôn người Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, Nghệ-an.

(5) Núi Gôi thuộc huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

(6) Ý nói khiếp sợ rất mực, nghe chim kêu gió thổi, ngỡ là giặc đến.

(7) Tên những tướng của quân Cờ đen có giúp ta đánh Pháp.

(8) Tức Trần-tiễn-Thành, đứng đầu phe chủ hòa, bị Tôn-thất-Thuyết sai lính đến nhà giết chết.

https://tieulun.hopto.org

Lập chi hoàn phục phế chi,
Triều cương nhất Thuyết phù trì diệc nan.
Cải nguyên Kiến-phúc vị an,
Hàm-nghi kế tập Tường gian dĩ hình.
Âm mưu tiềm dẫn dương binh.
Lão ngu nhất Thuyết vô tình bất tri.
Dương binh đạp phá thành trì.
Cô quân nan bảo thế nguy thập phần.
Hàm-nghi ngự giá bôn trần,
Sổ ban văn võ cô thân hộ tòng.
Kim-long nhất trận giao phong,
Thuyết tòng ngự giá, Tường tòng dương quan.
Mãn triều đởm lạc phách hàn,
Tùy tha tiên sách nhất đoàn lệ nô!
Ức niên củng cố hoàng đồ,
Lâu đài xã tắc thiên hồ sử nhiên.
Nội khâm sứ, ngoại toàn quyền,
Giả danh bảo hộ, thực chuyên chế kỳ.
Điện đình tông miếu y y,
Bất phân Kinh Vị, hoa di hội đồng.
Nội thừa Từ-Dụ chính cung,
Dực phù Đồng-khánh cửu trùng đăng tôn.
Văn-Tường hoàn thoán Côn-lôn,
Thiên đường vô lộ gian hồn nan siêu.
Hàm-nghi phi thảo lập triều,
Bắc Nam sơn trại phong phiêu nghĩa kỳ.
Chinh Tây vũ hịch giao trì,
Thân hào sĩ thứ khắc kỳ khởi binh.
Hải-dương, Hà-nội, Bắc-ninh,
Sơn - tây, Nam - định, Ninh - bình, Ái Hoan.
Kết thành xã hội dân đoàn,
Tĩnh phòng ngự giá khâm ban trận tiền.
Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên,
Quảng - nam, Quảng - ngãi, Phú - yên, Thuận-thành.
Nguyễn Bích tiên xướng nghĩa binh
Như Thanh khất viện Đình-Canh, Tử-Tài,
Tiềm mưu tuyên lược thu hồi,
Công tuy bất tựu, tráng hoài liệt trung.
Nguyễn Cao đáo để anh hùng,
Nhất đao vị bạch thiệt hồng tâm đan.
Nhất nghĩa đởm, nhất trung can,
Đẳng - giang Gôi - đảo chi gian lưỡng hiền.
Thung dung tựu nghĩa tự nhiên,
Tái sinh Phỏng Đắc, Văn Thiên Nam triều

Lập lên rồi lại bỏ đi,
Một mình ông Thuyết duy trì khó yên (1).
Kiến-phúc vừa mới cải nguyên.
Hàm-nghi kế tiếp, Tường gian lộ hình.
Âm mưu lén gọi Tây binh.
Mà Tôn-thất Thuyết vô tình nào hay.
Tây binh phá vỡ thành trì,
Quân ta lâm phải thế nguy mười phần.
Hàm-nghi ngự giá Bắc bôn,
Mấy quan văn võ mình trần chạy theo.
Kim-luông một trận đánh nhau (2),
Thuyết phò vua chạy, Tường đầu quan Tây.
Cả triều phách rụng hồn bay,
Mặc người sai khiến như bầy lệ nô.
Nghìn năm gây dựng cơ đồ,
Lâu đài để giặc giày vò sao yên!
Trong khâm sứ, ngoài toàn quyền,
Danh tuy bảo hộ, thực chuyên chế mà!
Điện đình tông miếu của ta,
Đục trong lẫn lộn, dĩ hoa hội đồng.
Vâng lời Từ-Dụ chính cung,
Phò vua Đồng-khánh cửu trùng lên ngôi.
Văn-Tường đày chốn đảo khơi,
Hồn gian nào được chúa trời độ siêu!
Hàm-nghi rẽ cỏ lập triều,
Bắc Nam sơn trại cao treo nghĩa kỳ.
Hịch đánh Tây, kíp truyền đi,
Thân hào sĩ thứ tức thì khởi binh.
Hải-dương, Hà-nội (3), Bắc-ninh,
Sơn-tây, Nam-định, Ninh-bình, Nghệ, Thanh.
Dân đoàn xã hội kết thành,
Sơn phòng Hà-tĩnh triều đình tôn nghiêm.
Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên,
Quảng-nam, Quảng-ngãi, Phú-yên, Thuận-thành.
Nguyễn Bích (4) trước khởi nghĩa binh,
Sang Thanh cầu viện Đình-Canh, Tử-Tài.
Lấy lại nước, diệt giặc ngoài,
Công tuy chẳng đạt, lòng thời tận trung.
Nguyễn Cao rất mực anh hùng,
Lưỡi dao trắng nhuộm máu hồng lòng son.
Người nghĩa khí, kẻ trung can,
Đẳng - giang, Gôi - đảo hai hiền sánh nhau (5).
Trọng vì nghĩa, thân quyết liều,
Thiên-Tường, Phỏng-Đắc (6) Nam triều ngày nay.

---

(1) Tức Tôn-thất-Thuyết, đứng đầu phe chủ chiến.

(2) Một địa điểm ở sát phía tây thành Huế.

(3) Tỉnh Hà-nội hồi đó gồm cả tỉnh Hà-đông và nửa tỉnh Hà-nam hiện nay.

(4) Tức Nguyễn-quang-Bích quê ở Nam-định (nay Thái-bình) làm Hiệp thống quân vụ, chống Pháp ở vùng Hưng-hóa.

(5) Nguyễn Cao quê ở huyện Quế-dương, Bắc-ninh, gần sông Bạch-đằng; Nguyễn-quang-Bích quê ở Nam-định có núi Gôi. Sông và núi ấy tượng trưng khí tiết thanh cao của hai ông.

(6) Tức Tạ Phỏng-Đắc và Văn Thiên-Tường, hai vị tôi trung nhà Tống, bị quân Nguyên bắt, không chịu khuất mà chết.

https://tieulun.hopto.org

Kỳ nhân Vũ Lợi, Đinh Liêu,
Đồng song, đồng quận, đồng triều tử sinh.

Thuật Tán lý, Quyền Đề binh,
Thân kinh bách chiến hữu danh tướng thần.

Tráng liệt tai Tống-duy-Tân,
Thệ tâm thiên địa Tướng quân Nghiêm đầu (1)

Nhất gia vạn cổ oan thù,
Thùy đình quá hạ, thùy vô lệ thùy.
Đôn-Tiết công, thành khả bi,
120 — Nhất thân Lao-bảo giả y nô tù.
Nguyễn-xuân-Ôn cứ Diễn-chu,
Hùng tâm khôi phục hồng đồ đại gia.
Thời bất lợi nại nhược hà,
Nhất triêu bất giới vi tha nhân cầm.
Bất hàng tướng hiệu đồng tâm,
Chu trung hào kiệt sơn lâm bảo đồn.
Thùy ai điếu chiến sĩ hồn,
Thanh sơn lục thụ, hoàng hôn hôn hoàng!
Đinh công kinh cốt cương trường,
130 — Thất cơ nhất đán vô thường sự hưu.
Pháp nhân hà sự thâm cừu,
Khốc hình nhẫn sử vô đầu hàm oan!
Hiệu công Nguyễn, Phiến công Phan,
Nhị công tiết tháo sương băng cửu tuyền.

Đình Hiến thiết thạch tâm kiên,
Trung can nghĩa khí danh truyền Hải-vân.

Phạm Toản công, Bình-định nhân,
Sinh lai thiết cốt đồng cân tướng tài.

Công chi trung liệt khả ai,
140 — Tam niên chiến tử cốt hài quật thiêu.
Hoành-sơn quan ngoại nhất điều,
Thế gia tử đệ lịch triều tướng khanh.
Nghĩa kỳ tiên xướng Lê Ninh,
Đoản y thất mã kháng hành nhất phương.
Oanh oanh liệt liệt nhất trường,
Tận trung bảo quốc nhất đường đệ huynh.

Đình Liêu, Vũ Lợi (2) hai người,
Đồng song, đồng quận, đồng thời tử sinh.

Thuật Tán lý, Quyền Đề binh,
Đánh từng trăm trận nổi danh tướng tài.

Tống-duy-Tân tráng liệt thay,
Mất đầu vẫn giữ trọn lời thề xưa.

Một nhà muôn thuở oan thù,
Ai qua trước miếu giọt châu khôn cầm.
Chuyện Đôn-Tiết (3) càng thương tâm,
120 — *Ngục tù Lao-bảo giam cầm bấy lâu.*
Nguyễn-xuân-Ôn giữ Diễn-chu,
Quyết lòng khôi phục cơ đồ nước ta.
Chẳng may thời thế xui ra,
Một mai sơ ý thân sa tay người.
Không hàng, tướng sĩ một lời,
Lập đồn quyết giữ những nơi núi rừng.
Hồn chiến sĩ, ai đoái thương,
Cây xanh núi biếc ngày thường đổi thay.
Đình-công dạ sắt khôn lay (4),
130 — *Thất cơ một sáng vào tay quân thù.*
Người Pháp căm giận rất sâu,
Cực hình kết án chém đầu thật oan!
Duy-Hiệu Nguyễn, Thanh-Phiến Phan (5),
Băng sương tiết tháo cửu tuyền gặp nhau.

Đình Hiến dạ sắt bền sao,
Trung can nghĩa khí sánh đèo Hải-vân.

Phạm Toản có tài tướng quân, (6)
Vốn người Bình-định sức gân khác thường.
Lòng trung liệt thật đáng thương,
140 — *Ba năm tử chiến núi rừng quật thiêu.*
Ngoài Hoành-sơn một dải cao,
Thế gia tử đệ cũng đều nổi lên:
Lê Ninh xướng nghĩa đầu tiên (7),
Thanh gươm yên ngựa dẹp yên một vùng.
Trước sau oanh liệt hào hùng,
Anh em vì nước tận trung liều mình.

---

(1) Tức Nghiêm Nhan, tướng của Lưu Phương đời Tam quốc bị Trương Phi bắt, không chịu hàng nói: « chỉ có tướng quân mất đầu, không có tướng quân chịu hàng ».

(2) Tức Vũ-hữu-Lợi, tục gọi ông nghè Dao-cù (Nam-định). Đình Liêu có lẽ là đình nguyên Đỗ-huy-Liêu cũng người Nam-định.

(3) Tức Nguyễn-đôn-Tiết người làng Thọ-vực, huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, đậu phó bảng, định khởi nghĩa chống Pháp, bị bắt, đày Lao-bảo.

(4) Đinh-công-Tráng, thủ lĩnh quân sự Ba-đình.

(5) Tức Nguyễn-duy-Hiệu và Phan-thanh-Phiến, người Quảng-nam khởi binh chống Pháp, bị thua, ông Phiến tự sát, ông Hiệu kiên quyết không khai nên bị tử hình.

(6) Bản cũ chép Phạm Toàn 鑽 nhưng nhiều sách chép Phạm Toản 瓚 hay 纘, người tỉnh Bình-định, giỏi nghề võ, chống nhau với Pháp 3 năm, sau vào rừng rồi mất, Pháp tìm được mộ, đào lấy thi hài đem đốt.

(7) Tức Ấm Ninh, người làng Trung-lễ, nay xã Đức-trung, huyện Đức-thọ, Hà-tĩnh. Năm 1885, ông mộ quân chống Pháp. Có ba em là Lê Diên, Lê Phác, Lê Trực, đều hy sinh.

https://tieulun.hopto.org

Hung trung sổ vạn giáp binh,
Văn chương tiết nghĩa Phan-đình tướng công.

Thương nhiên tuế vãn cô tùng,
Thiên chàng vạn hám vũ phong như thường.
Duy tri đầu thượng quân vương,
Phá gia quật trủng hà thường động tâm.
Phân đồn liệt trại sơn lâm,
Trấp niên (1) Hà-tĩnh tương tầm can qua.

Bộ tòng thiện chiến nhân đa,
Pháp-lan lạc phách, Dương da kinh hồn.
Địa duy lập, thiên trụ tôn,
Công như bất tử do tồn Nam thiên.

Thiên hồ bất giả chi niên,
Tướng tinh hốt dĩ doanh tiền vô quang.
Trung hồn nhất khứ tiên hương,
Di hài không phó ngoại dương hồi trần!
Ta hồ Nam quốc chi nhân,
Tòng kim thủy giải Tây nhân đảo huyền.
Thành-thái ất vị chi niên,
Tức tương quân phí ngân nguyên trách bồi.

Kinh hoàng quan pháp như lôi,
Thôn thôn xã xã pháo thôi hỏa truyền.
Trách khai dân bộ đinh điền,
Bội gia thuế lệ nạp tiền đại tô.
Niên niên tuế tuế tăng thu,
Gia tăng vật liệu trà phù bách đoan.
Đầm hà, đội cầm hà quan,
Mật ma ác quỉ đoàn đoàn hại nhân.
Hoàn thành kiều ngụ di dân,
Thuế môn, thuế hộ, thuế thân, thuế hàng.
Thuế kỹ xá, thuế ca phường,
Thuế trư, thuế cẩu, thuế dương tể đồ.
Thủ chi ký tận tri thù,
Tái khai thương chính tửu lô diêm trường.
Bức dân mại, hiếp dân thương,
Vu dân ẩn lậu thiên phương hồ xà.
Bách ban chính ngược pháp hà,
Nhân nhân sầu khổ, gia gia khiếu đề.
Nhân cùng mại tử, mại thê,
Mại phu cánh thậm vô kê sự kỳ!
Đàm lai sự bất thăng bi,
Vấn thiên thiên thả mặc nhi nại hà.
Ngã Nam nhân hà tội da,
Kỳ vi Tây khốn hựu gia hạn hoàng!
Thập niên chi cửu niên hoang.
Bạo phong nghịch vũ hựu thường vi tai.
Cưu hình hộc diện thùy ai,
Hà sa ngã tử cốt hài thùy thu!
Triêu triêu mộ mộ đài phu,
Đệ hoàn huynh khứ đạo đồ ma kiên.

Trong lòng mấy vạn giáp binh,
Văn chương tiết nghĩa Phan-đình tướng công.

Xanh tươi mãi gốc cô tùng,
Bao phen gió giật mưa lồng chẳng nao.

Quân vương nghĩa cả trên đầu,
Mặc cho nhà phá mả đào cũng cam.
Lập đồn trại chốn sơn lâm,
Giữ vùng Hà-tĩnh mười năm đương đầu.

Trong quân tướng giỏi có nhiều,
Pháp-lan mấy độ hồn xiêu phách rời.
Nêu cao đạo nghĩa đất trời,
Tướng công chưa chết nước thời còn nguyên.

Trời chẳng để ông sống thêm,
Tướng tinh trước trại bỗng nhiên tối sầm.

Hồn trung thoắt về cõi âm,
Di hài giặc đã nỡ đem đốt tàn.
Than ôi cả nước nhân dân,
Từ nay ai cởi Tây nhân gông xiềng!
Thành-thái ất vị thất niên (1895),
Số tiền binh phí bắt đền bồi ngay.

Lệnh quan sét đánh ngang trời,
Hỏa truyền xã dưới, súng đòi thôn trên.
Bắt khai dân hộ đinh điền,
Thuế tăng gấp bội nạp tiền thay tô.
Hàng năm mãi mãi tăng thu,
Từ các vật liệu đến trầu chè cau.
Sen đầm đội cầm quan nào,
Ma tà mật thám đua nhau hại người.
Ngụ cư thành thị các nơi,
Thuế thân, thuế hộ, môn bài hàng rong.
Thuế rạp hát, thuế ca phường,
Thuế chó, thuế lợn, thuế hàng thịt dê.
Vét vơ chẳng sót chút gì,
Muối ty, rượu lít chứa đầy nhà đoan.
Bắt dân mua, ép dân buôn,
Vu dân ẩn lậu muôn phần xót xa.
Trăm điều luật pháp khắc hà,
Người người sầu khổ, nhà nhà kêu van.
Kẻ bán vợ, người đợ con,
Bán chồng là việc lại còn lạ ghê!
Kể sao xiết nỗi sầu bi,
Hỏi trời trời chẳng nói gì mảy may.
Người Nam ta, tội gì vay,
Đã Tây làm khốn lại trời nắng khô!
Mười năm đến chín mất mùa,
Lại còn bão lụt gió mưa bất thường.
Thân hình xơ xác ai thương,
Bao người chết đói bên đường phơi thây!
Phu đài vất vả đêm ngày,
Em về anh lại thay vai lên đường.

(1) Có lẽ *Thập niên* 十年 mới đúng.

https://tieulun.hopto.org

Đa phương sách nhiễu ngân tiền,
Bồi bồi, phạt phạt quyên quyên tứ hành.
Thậm nhi vô ảnh vô hình,
Phong thanh tức khắc phái binh bổ trừng.
Dĩ uy hiếp, dĩ pháp thằng,
Khổ trung gia khổ bất thăng kỳ cùng.
Tây nhân xướng, Nam nhân tòng,
Tỳ tào nha lại phù đồng thượng quan.
Ngô dân hà xứ minh oan,
Hô thiên hào địa man man dạ trường!
Vật tư đồng loại tắc thương,
Đồng ngô khí huyết ngô đương phù trì.
Vấn ngô ngô hồ bất tri,
Bản lai diện mục tu mi hài hình.
Nam-việt trưởng, Nam-việt sinh,
Hoàng bì lỗa loại, đệ huynh đồng bào?
Vân hồ tạp tạp tao tao,
Phùng nghinh bạch chủng như ngao lạp tiền?
Vân hồ xa cái mã tiên,
Cung cung kính kính như thiên thượng thần?
Phi ngô tộc loại hà thân,
Ngô bôn, ngô tẩu, ngô thân nô tỳ?
Đường đường nhất cá nam nhi,
Đính thiên lý địa nhân thùy phi ngô.
Ngô đoạt sáo, ngô cầm Hồ,
Hàm Chương quan độ diệc ngô nhân tiền.
Phá Minh tặc, tẩu Nguyên thuyền,
Ngô danh hách hách do truyền chí kim.
Thiên hành tự tây nhi nam,
Thời lai hỏa vượng tắc Kim hưu tù.
Bất cộng đái thiên chi thù,
Nguyện tồn Câu Tiễn chiếu Ngô tráng hoài.
Binh giai binh, tài giai tài,
Hợp nguyên thành hải, hợp tài thành lâm.
Nguyện ngô thiên vạn nhất tâm.

(Đông y viện cán bộ Phó-đức-Thành gia tàng sao bản)

Đời tiền bạc đủ trăm phương,
Nào quyên nào phạt, nào thường bồi luôn.
Hư không đặt để vu oan,
Nghe tin tức khắc phái quân linh về.
Lấy phép trị, lấy uy đè,
Khổ thì chịu khổ chẳng hề dám kêu.
Người Tây bảo, người Nam theo,
Tỳ tào nha lại thảy đều nịnh quan.
Dân ta hết chỗ kêu oan,
La trời, la đất thở than đêm trường.
Giống vật cùng loài biết thương,
Ta cùng khí huyết nên thường giúp nhau.
Hỏi ta ta chẳng biết sao?
Cũng đồng mặt mũi mày râu thân hình.
Việt-nam là chốn sinh thành,
Da vàng cùng giống đệ huynh đồng bào.
Cớ sao chen chúc lâu nhâu,
Hầu người da trắng như ngao săn mồi?
Ngựa xe dù lọng rước mời,
Lạy như thần ở trên trời mới sa!
Phải đâu nòi giống ruột rà,
Sao ta luồn cúi thân ta tôi đòi!
Đường đường một đấng con trai,
Đội trời đạp đất làm người là ta.
Bắt thù cướp giáo ngày xưa,
Chương-dương, Hàm-tử ta thừa làm nên.
Phá giặc Minh, đuổi thuyền Nguyên,
Danh ta lừng lẫy còn truyền đến nay.
Tây rồi nam, vận trời xoay,
Thế nam lên mạnh, thế tây phải lùi.
Cái thù không đội chung trời,
Diệt Ngô, Cầu Tiễn ta thời noi gương.
Mạnh góp sức, giàu góp lương,
Thành bể bởi suối, thành rừng bởi cây.
Muôn người một bụng từ nay!

(Bản sao riêng của nhà cụ Phó-đức-Thành, 79 tuổi, cán bộ Viện Đông y).

LÊ THƯỚC sưu tầm, phiên dịch.
Hà-nội, ngày 29 tháng 1 năm 1965.

https://tieulun.hopto.org

CHÍNH SÁCH THỰC DÂN MỚI CỦA MỸ Ở CHÂU PHI

(Tiếp theo)

NGUYỄN - HỮU - THÙY

Trước những thay đổi lớn lao đang diễn ra trên vũ đài thế giới do sự xuất hiện của các quốc gia trẻ tuổi châu Phi cùng làn sóng đấu tranh cách mạng đang sôi nổi khắp nơi, đế quốc Mỹ không thể không tính đến việc áp dụng một chính sách thích hợp với tình thế để tránh mũi nhọn đấu tranh chĩa vào chúng. Do đó, đôi khi đại biểu Mỹ tại Liên hợp quốc đã bỏ phiếu ủng hộ các nghị quyết chống bọn thực dân Tây Âu, và thậm chí, lập trường của chúng có lúc còn làm cho bọn thực dân Bỉ và Bồ-đào-nha phải gửi « kháng nghị » đến Hoa-thịnh-đốn. Nhưng cái tấm chăng mạng « chống chủ nghĩa thực dân » đó của đế quốc Mỹ lại quá mỏng để có thể che lấp được cái dã tâm của con sói thực dân. Trong khi bỏ phiếu chống chính sách thuộc địa của bọn đồng minh châu Âu tại Liên hợp quốc, đế quốc Mỹ trên thực tế trước sau vẫn ủng hộ Anh, Pháp, Bỉ, Bồ-đào-nha trong những hành động thực dân của chúng. Trường hợp Ăng-gô-la là một trong nhiều ví dụ nổi bật. Tại khóa họp thứ XVI của Đại hội đồng Liên hợp quốc, đại biểu Mỹ đã nhiều lần bỏ phiếu tán thành nghị quyết lên án chính sách của thực dân Bồ-đào-nha ở Ăng-gô-la, nhưng cũng trong thời gian này, như đã nói ở trên, Mỹ lại tiếp tục viện trợ quân sự cho Bồ-đào-nha tiến hành cuộc đàn áp quy mô chống phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thuộc địa đó. Mặt khác, trong khi tán thành nghị quyết ngày 30-1-1962 của Đại hội đồng lên án « những biện pháp đàn áp và hoạt động vũ trang nhằm chống lại nhân dân Ăng-gô-la cũng như không trao cho họ những quyền cơ bản của con người », Mỹ vẫn cố gạt ra khỏi nghị quyết điều khoản quy định phải nhanh chóng trao trả độc lập cho nhân dân Ăng-gô-la. Đồng thời, đại diện Mỹ tại Liên hợp quốc còn công khai tuyên bố là Mỹ coi trọng « những mặt tích cực của sự có mặt của Bồ-đào-nha ở châu Phi ».

Cú đội lông công vẫn hoàn lốt cú. Cũng như chiêu bài « chống chủ nghĩa thực dân », chiêu bài Liên hợp quốc không bịp được nhân dân châu Phi. Các sự kiện kể trên, đặc biệt là sự kiện Công-gô, đã tác động nhiều đến nhân dân toàn lục địa và càng làm cho họ nâng cao ý thức cảnh giác với bọn đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế. Tại hội nghị nhân dân châu Phi lần thứ III (3-1961), trưởng đoàn đại biểu Ma-rốc đã tuyên bố rõ: « Đối với chúng ta, những sự kiện xảy ra ở Công-gô phải được coi như một bài học cần nghiền ngẫm để rút ra những kinh nghiệm cho việc tiếp tục và phát triển cuộc đấu tranh sau này. Những sự kiện này được coi như có tác dụng tích cực trong phạm vi giúp một số người tỉnh mộng, số người mơ mộng đó tin rằng có thể thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc hoặc tin vào lòng rộng rãi của bọn đế quốc trong việc giải quyết các vấn đề thuộc địa. Họ sẽ hiểu rằng từ nay chủ nghĩa đế quốc, ngay dưới cái chăng mạng e lệ của Liên hợp quốc, cũng vẫn là kẻ thù phải tiêu diệt, và không thể có tình hữu nghị và ngay cả sự trung lập giữa một dân tộc bị thống trị với các lực lượng bóc lột mình, bất kể nó biểu hiện dưới hình thức nào » (1).

III

XÂY DỰNG CÁC CĂN CỨ QUÂN SỰ VÀ THÔNG QUA CÁC KHỐI LIÊN MINH QUÂN SỰ ĐỂ THỰC HIỆN ÂM MƯU GÂY CHIẾN, XÂM LƯỢC VÀ ĐÀN ÁP PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Nằm lọt giữa Ấn-độ dương và Đại tây dương như một khâu chiến lược nối liền châu Mỹ với châu Âu, và châu Mỹ với các nước Trung Cận-Đông, châu Phi đã trở thành cái « chìa khóa phòng thủ cả châu Âu lẫn châu Mỹ ». Điều đó đã giải thích vì sao đế quốc Mỹ dành cho châu Phi một địa vị quan trọng trong các kế hoạch quân sự nhằm chuẩn bị chiến tranh chống các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng xem châu Phi, về mặt chiến lược chung, là nơi cố thủ trong trường hợp mất Tây Âu khi xảy ra chiến tranh.

Ngoài ô vuông Tăng-giê — Tuy-ni — Đu-a-la — Đa-ca, tức là khu vực phía Bắc và Tây châu Phi, nằm quay hướng về phía Mỹ, đế quốc Mỹ đặc biệt chú trọng đến miền cực Nam Xa-ha-ra vì khu vực này bảo đảm những con đường giao thông quan trọng xung quanh châu Phi. Trong trường hợp xảy ra chiến tranh, Mỹ dự định, thông qua các nước đồng minh và khối xâm lược Bắc Đại tây dương, sử dụng các hải

(1) Dẫn trong *Bình minh đang xua tan bóng tối ở châu Phi* của Phan Hoàng, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, tr. 47.

https://tieulun.hopto.org

cảng Đa-ca, Mông-rô-vi-a, A-bit-giăng, La-gốt, Lu-an-đa, Cây-pơ-tan, Đuốc-ban, Gi-bu-ti, Lô-ren-xô — Mác-ke-xơ, Bây-ra, Đa-ét Xa-lam, Môm-ba-xa, Mô-ga-đi-sô, A-đem v.v... không những như những căn cứ hải quân mà còn như các trạm sửa chữa các chiến hạm của Mỹ.

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ đã tăng cường xây dựng một loạt căn cứ quân sự ở châu Phi. Hệ thống căn cứ quân sự đó cùng với các căn cứ của khối Bắc Đại tây dương do Mỹ khống chế bao gồm đến 17 căn cứ không quân (Ma-rốc : 6, Li-bi : 4, Kê-ni-a : 2, Tăng-ga-ni-ca : 2, E-ti-ô-pi : 1, U-gan-đa : 1, Li-bê-ri-a : 1) và 8 căn cứ hải quân (Ma-rốc : 2, An-giê-ri : 1, Tuy-ni-di : 1, Tăng-ga-ni-ca : 1, Kê-ni-a : 1, Cộng hòa Nam-Phi : 1, Công-gô Bờ-ra-da-vin : 1)(1). Đồng thời, Mỹ cũng đã xây dựng một căn cứ tên lửa trên đảo Dăng-di-ba ở Đông Phi, và theo sự thỏa thuận với Anh, một căn cứ khác dùng cho tên lửa « Pô-la-rit » trên đảo Man-tơ, gần Bắc Phi. Các căn cứ quân sự của Mỹ đều được thiết bị bằng kỹ thuật hiện đại, và chỉ riêng các căn cứ ở Li-bi và Ma-rốc đã tiêu tốn gần một tỷ đô-la.

Chiếm địa vị trung tâm của hệ thống căn cứ quân sự Mỹ ở châu Phi là căn cứ không quân khổng lồ Uy-lớt Phin (gần Tờ-ri-pô-li) ở Li-bi — căn cứ quân sự lớn nhất ở châu Phi và cũng là một trong những căn cứ quân sự lớn nhất trên thế giới. Trong khu vực căn cứ có những kho ngầm dưới đất dùng chứa bom nguyên tử và khinh khí. Số nhân viên phục vụ ở căn cứ này lên đến 12.000 người. Các máy bay mang bom khinh khí ở đây đều luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng xuất phát. Mỗi năm hai lần lại có những toán phi công Mỹ từ các căn cứ Tây Đức, Ý v.v... đến tiến hành luyện tập về ném bom nguyên tử, không kể những lớp huấn luyện về tên lửa cho sĩ quan Tây Đức. Trong thời gian Bỉ xâm lược Công-gô, con đường hàng không Tây Đức — Uy-lớt Phin — Công-gô hoạt động rất mạnh, đảm nhiệm việc chuyên chở các đơn vị lính Bỉ trong khối Bắc Đại tây dương đến Công-gô.

Các giới quân phiệt Mỹ đặc biệt quan tâm đến nguồn tài nguyên phong phú của châu Phi, trong đó có đủ các loại nguyên liệu chiến lược cần thiết cho nền công nghiệp quốc phòng của Mỹ. Năm 1956, châu Phi đã cung cấp cho Mỹ hầu như toàn bộ nhu cầu về ni-ô-bi-om và tăng-tan. Ngoài ra, trên 3/4 nhu cầu của Mỹ về cô-lom-bit và cô-ban, gần 1/2 về kim cương và măng-ga-ne, trên 1/3 về cơ-rôm đều do nhập từ châu Phi vào. Các nguyên liệu chế tạo vũ khí nguyên tử và khinh khí của Mỹ phần lớn cũng trông vào châu Phi, đặc biệt là uy-ra-ni-om và tô-ri-om của Công-gô và Cộng hòa Nam Phi, li-ti-om của Tây nam Phi Nam Rô-đê-di, Mô-dăm-bích v.v... chỉ trong vòng ba năm, giá trị xuất cảng về uy-ra-ni-om của Cộng hòa Nam Phi đã tăng hơn 10 lần (năm 1953 : 10,6 triệu đô-la, năm 1956 : 107,8 triệu đô-la).

Để bảo đảm việc thực hiện các kế hoạch quân sự và chuyên chở các nguyên liệu chiến lược từ châu Phi, đế quốc Mỹ chú trọng rất nhiều vào việc xây dựng các công trình và đường giao thông, trước hết là các hải cảng, sân bay, các đường sắt và đường bộ ở lục địa này. Như G. Moóc-ghen-tau (Trung tâm nghiên cứu chính sách đối ngoại của Mỹ thuộc trường Đại học Si-ca-gô) đã trắng trợn tuyên bố, việc xây dựng các công trình trên « trước hết là căn cứ vào các nhu cầu thiết thân của quân đội, chứ không phải để cải thiện trong thời gian dài các điều kiện sinh hoạt của nhân dân địa phương ». Chính với mục đích trên đây, các hải cảng Ca-sa-bơ-lăng-ki, Môm-ba-xa, Lô-ren-xo — Mác — Ke-xơ, Đa-ca, A-bit-gian, Mông-rô-vi-a, Gi-bu-ti đã được hiện đại hóa theo tiêu chuẩn quốc tế ; chi nhánh đường sắt từ Ca-min đến Ca-ba-lô dài 300 dặm đã được thiết lập (1956) và là một bộ phận của hệ thống giao thông xuyên lục địa chạy dài từ Lô-bi-tu ở bờ phía Tây đến Đa-ét Xa-lam ở bờ phía Đông v.v...

Dựng lên cái gọi « nguy cơ cộng sản », xem đó là một sự đe dọa trực tiếp đối với nền độc lập của các dân tộc, Mỹ ra sức lôi kéo các nước dân tộc chủ nghĩa châu Phi vào các tổ chức liên minh quân sự xâm lược và xúc tiến việc ký kết những hiệp ước quân sự tay đôi nhằm ràng buộc những nước này vào vòng lệ thuộc về quân sự và biến những nước này thành những căn cứ quân sự xâm lược của Mỹ. Ngay từ năm 1943, Mỹ đã buộc Li-bê-ri-a ký kết một hiệp ước bất bình đẳng, vi phạm nghiêm trọng vào chủ quyền dân tộc của nước này. Ngày 8-7-1959, Mỹ lại ký với Li-bê-ri-a một hiệp ước mới mà thực chất là lặp lại hiệp ước trên và buộc Li-bê-ri-a phải « hỏi ý kiến » Mỹ về tất cả các vấn đề quan trọng nhất trong lĩnh vực đối nội cũng như đối ngoại. Cũng như ở Li-bê-ri-a, Mỹ đã xây dựng những căn cứ quân sự quan trọng ở Li-bi và E-ti-ô-pi là những nước có ký kết hiệp ước quân sự tay đôi với Mỹ, buộc các nước này phải dốc vào đó khá nhiều nhân tài vật lực. Chỉ riêng một sân bay và một quân cảng của Mỹ xây dựng

(1) V. Phê-tốp — *Chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở châu Phi*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va. 1962. tr. 83 ; D.K. Pa-nô-ma-rép — *Mỹ và châu Phi*. Nhà xuất bản Tri thức. 1962. tr. 13.

https://tieulun.hopto.org

trên lãnh thổ nước mình, Li-bê-ri-a đã phải chi đến 2,2 tỷ đô-la.

Các giới cầm quyền Mỹ không những chỉ sử dụng các căn cứ quân sự của chúng ở châu Phi như những công cụ chuẩn bị gây chiến tranh chống lại phe xã hội chủ nghĩa mà còn dùng những căn cứ đó làm chỗ dựa của chủ nghĩa thực dân, làm công cụ đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, duy trì ảnh hưởng của chúng ở lục địa này và gây một sức ép mạnh mẽ đối với các nước chậm phát triển châu Phi. A.L. Rát-đi-phơ, một viên tướng cũ của Hít-le đã thú nhận: «... Các căn cứ quân sự là những chỗ dựa về quân sự cho một cuộc can thiệp về chính trị trong thời bình; những căn cứ này hầu như luôn luôn tác động như những trung tâm biểu hiện uy tín, sự hùng cường và tầm quan trọng về văn hóa của những chủ nó và nhờ vậy, nó có thể gây áp lực và bảo vệ được những quyền lợi của họ ở những vùng lân cận mà thậm chí không cần trực tiếp sử dụng đến lực lượng quân đội» (1). Trong tuyển tập *Tư tưởng của chủ nghĩa thực dân*, quan điểm của đế quốc Mỹ cũng được trình bày thẳng như sau: «Chỉ có những nhà duy tâm hết sức ngây thơ mới có thể cho rằng ở thời đại chúng ta — thời đại khủng hoảng thế giới, các chính quốc có thể tự rút khỏi những thuộc địa của mình» (2). Đồng thời, tuyển tập này còn yêu cầu «quốc tế hóa» các thuộc địa và các phạm vi ảnh hưởng, nghĩa là sử dụng các biện pháp tập thể của chủ nghĩa thực dân, dựa trên cơ sở các căn cứ quân sự và các khối xâm lược Bắc Đại tây dương, Đông nam Á v.v... để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc. Mặc dù đế quốc Mỹ đã giương chiêu bài «chống cộng», «phòng thủ an ninh chung» để đánh lừa nhân dân châu Phi, làm như những căn cứ quân sự của chúng không phải nhằm chống lại phong trào cách mạng ở lục địa này mà là nhằm bảo vệ nhân dân châu Phi trước «hiểm họa cộng sản», thực tế của hàng loạt sự kiện đã bác bỏ luận điệu bịp bợm của chúng.

Trong cuộc chiến tranh bẩn thỉu của thực dân Pháp đàn áp nhân dân An-giê-ri yêu chuộng tự do, các căn cứ quân sự của Mỹ ở Bắc Phi đã được sử dụng để các lực lượng không quân của Mỹ có thể tham gia một phần đắc lực vào đó. Theo tờ báo Li-băng *An Đu-ni-a-an Đơ-gia-đi-đa*, các máy bay do thám của Mỹ đã thành công trong các cuộc bay trên lãnh thổ Bắc Phi, đã chụp ảnh được lãnh thổ An-giê-ri và các vùng đóng quân của quân đội An-giê-ri, và những tin tức thu thập được đều đã giao cho bộ chỉ huy Pháp (3).

Các căn cứ quân sự của Mỹ ở châu Phi cũng đã được sử dụng vào việc xâm lược Công-gô (1960). Đặc biệt, căn cứ Uy-lớt Phin ở Li-bi đã thiết lập một «cầu hàng không» giữa châu Âu và Công-gô, lấy đó làm bàn đạp để quân đội Bỉ can thiệp vũ trang vào nước cộng hòa châu Phi trẻ tuổi này.

Song song với việc sử dụng các căn cứ của mình ở Ma-rốc, Li-bi, E-ti-ô-pi, Li-bê-ri-a, đế quốc Mỹ còn cung cấp tài chính, trang bị cho khối xâm lược Bắc Đại tây dương và sử dụng các căn cứ quân sự của khối này để trấn áp phong trào giải phóng dân tộc châu Phi. Cuộc chiến tranh thực dân của Bồ-đào-nha ở Ăng-gô-la là một trong những ví dụ điển hình. Từ năm 1960, tiểu ban châu Phi hoạt động bên cạnh hội đồng của khối xâm lược Bắc Đại tây dương đã giúp thực dân Bồ-đào-nha vạch kế hoạch đàn áp phong trào đấu tranh giành tự do và độc lập ở các thuộc địa. Khi nhân dân Ăng-gô-la vùng lên tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang cứu nước, khối xâm lược Bắc Đại tây dương đã lập tức cung cấp vũ khí cho thực dân Bồ-đào-nha chống lại. Năm 1961, trước tình hình chiến sự Ăng-gô-la diễn ra ngày càng ác liệt, theo chỉ thị của Mỹ, bộ chỉ huy khối Bắc Đại tây dương đã cho phép Bồ-đào-nha rút quân đội của mình đóng ở châu Âu đưa sang Ăng-gô-la, dưới quyền điều khiển của khối Bắc Đại tây dương. Vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi tờ tuần báo *Diễn đàn* của Anh đã viết: «Không có khối liên minh phòng thủ Bắc Đại tây dương, chính phủ Bồ-đào-nha sẽ khó lòng tổ chức được những cuộc tấn công đẫm máu chống lại nhân dân Ăng-gô-la».

Như mọi người đều biết, tiến hành cuộc chiến tranh bẩn thỉu ở An-giê-ri, cuộc chiến tranh đã tiêu phí của nhân dân Pháp mỗi ngày đến 3 tỷ đồng phờ-răng cũ, thực dân Pháp đã kéo dài được cũng nhờ có sự ủng hộ hết lòng và về mọi mặt của khối xâm lược Bắc Đại tây dương, trước hết là đế quốc Mỹ. Các lực lượng quân sự chủ yếu của Pháp hoạt động ở An-giê-ri — sư đoàn bộ binh cơ giới hóa thứ 5, sư đoàn thiết giáp thứ 7 lớn nhất của phương Tây, sư đoàn bộ binh cơ giới hóa thứ 6 — đều được trang bị phần lớn bằng vũ

(1) *Wehrkunde*, Munich, số 6, 1957 (Cơ quan chỉnh thức của Bộ Quốc phòng Tây Đức). Dẫn trong *Africa. The lion awakes* của J. woddis. Trang 202.

(2) *Tư tưởng của chủ nghĩa thực dân*. Nữu-ước. 1958. Trang 33. Dẫn trong cuốn *Các căn cứ quân sự của Mỹ trên lãnh thổ nước ngoài* của S.A. Vờ-la-đi-mia-rốp và Uy.A. Uy-đin. Mát-xcơ-va. Trang 30.

(3) Xem tạp chí *Học tập tài liệu dịch*. Số 4 — 1961. tr. 62.

https://tieulun.hopto.org

khí của khối Bắc Đại tây dương. Nhiều tài liệu quân sự được thực dân Pháp sử dụng ở An-giê-ri cũng do bộ chỉ huy khối xâm lược đó cung cấp. Ngoài ra, Pháp còn được quyền sử dụng cả hệ thống ra-đa của các nước thành viên trong khối Bắc Đại tây dương ở vùng Địa-trung-hải. Hơn thế nữa, các kế hoạch hành binh của quân đội Pháp ở An-giê-ri đều đã được nghiên cứu tại các hội nghị của khối Bắc Đại tây dương, và như vậy, khối xâm lược này đã chịu trách nhiệm chính trong các chiến dịch đàn áp của thực dân Pháp ở miền đất trên của châu Phi. Bên cạnh đó, các nước trong khối Bắc Đại tây dương còn giúp đỡ Pháp hoặc bằng cách cho miễn đóng góp vào công cuộc « phòng thủ chung » ở châu Âu, hoặc dưới hình thức đặt hàng của « nước ngoài », hoặc dưới hình thức bán chịu. Chẳng hạn năm 1958, các nước này, chủ yếu là Mỹ, Tây Đức và Ý, đã bán chịu cho Pháp đến 665 triệu đô-la để tiếp tục duy trì chiến tranh ở An-giê-ri.

Cũng như cuộc can thiệp quân sự của tập đoàn đế quốc phương Tây vào công cuộc nội bộ của Công-gô, cũng như các cuộc chiến tranh đẫm máu của thực dân Bồ-đào-nha ở Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, cuộc chiến tranh ở An-giê-ri đã làm nổi bật một biểu hiện của chủ nghĩa thực dân hiện đại: dùng các căn cứ quân sự và các khối liên minh quân sự để thực hiện các hoạt động phiêu lưu thực dân. Bày tỏ lòng căm phẫn của nhân dân Ả-rập trước chính sách của khối Bắc Đại tây dương đối với An-giê-ri, tờ báo I-rắc *An—In-xa-ni-a* viết: « Những người Ả-rập cùng toàn thể những người có thiện chí trên trái đất đều nguyền rủa các nước đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, kẻ đã cung cấp tài chính và điều khiển các hoạt động của khối Bắc Đại tây dương ». Đồng thời; kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân châu Phi còn chứng tỏ rằng cùng với sự uy hiếp và xâm lược của các khối liên minh quân sự, sự tồn tại của các căn cứ quân sự của Mỹ và của các nước chư hầu trong khối Bắc Đại tây dương trên lãnh thổ châu Phi « không những dày xéo lên chủ quyền, mà còn đe dọa ngay bản thân sự sống còn của những nước để cho bọn quân phiệt Mỹ lập căn cứ trên lãnh thổ của mình ». (Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân họp tại Mát-xcơ-va, tháng 11-1960). Do đó, nhân dân châu Phi đang tự đề ra cho mình một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là đấu tranh đòi thủ tiêu các căn cứ quân sự của Mỹ và của khối Bắc Đại tây dương trên lãnh thổ nước họ, và phong trào đấu tranh đó, như tờ *Thông tin diễn đàn Nữa-ước* đã nhận xét, đã làm cho các căn cứ quân sự của Mỹ và các nước thực dân đồng minh ở châu Phi « đang nhanh chóng chuyển từ thế tấn công sang thế phòng ngự ».

IV

DÙNG CHIÊU BÀI « CHỐNG CỘNG » VÀ THÔNG QUA NHỮNG CÁI GỌI LÀ « ĐỘI QUÂN HÒA BÌNH », « CHƯƠNG TRÌNH TRAO ĐỔI GIÁO DỤC QUỐC TẾ » v.v... ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẦU ĐỘC VÀ NÔ DỊCH VỀ TƯ TƯỞNG

« Vì những phương tiện hoạt động quân sự của chính trị bị hạn chế về hiệu quả quy mô, còn đòn bẩy kinh tế thì lại có hiệu lực chậm chạp và không nhất định nên chúng tôi buộc phải dùng đến thứ vũ khí chiến lược thứ ba — vũ khí tư tưởng. Xét về nhiều mặt, đó là thứ vũ khí quan trọng nhất của ba thứ đã kể trên... » (1). Lời nói trên đây của giáo sư Mỹ E. Rê-sa-u-ê-rơ đã nói lên một cách đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của chính sách bành trướng về tư tưởng — một bộ phận hợp thành rất quan trọng của chiến lược chính trị của chủ nghĩa đế quốc Mỹ đối với các nước chậm phát triển, trong đó có châu Phi.

Trong cuộc chiến tranh tâm lý hiện nay ở châu Phi, đế quốc Mỹ rất coi trọng chiêu bài chống cộng, dùng chủ nghĩa chống cộng làm công cụ tư tưởng và chính trị của « chiến tranh lạnh » nhằm thông qua đó, tăng cường, sự thống trị đế quốc chủ nghĩa của chúng đối với các nước chậm phát triển, thâm nhập nền kinh tế của các nước đó và lôi kéo các nước này vào các hiệp ước quân sự. Sự phát triển không gì ngăn cản nổi của chủ nghĩa xã hội trên thế giới cùng sức hấp dẫn ngày càng mãnh liệt của nó đối với các nước dân tộc chủ nghĩa cũng như thuộc địa, nửa thuộc địa ở lục địa châu Phi đã buộc đế quốc Mỹ phải quy định cho chủ nghĩa chống cộng của chúng cái nội dung chủ yếu là ra sức bôi nhọ chế độ xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc chính sách và mục đích của các đảng cộng sản, xuyên tạc học thuyết Mác—Lê-nin. Gieo rắc luận điệu hoang đường về « nguy cơ cộng sản », đế quốc Mỹ âm mưu đầu độc tư tưởng của nhân dân châu Phi và buộc họ phải tin vào một điều bịa đặt nói rằng các nước xã hội chủ nghĩa đang gây ra nguy cơ xâm lược. Đồng thời, trước những ưu điểm không thể chối cãi được

(1) Dẫn trong cuốn *Chống hệ tư tưởng của chủ nghĩa thực dân hiện đại* của K. Bơ-ru-ten-xơ. Mát-xcơ-va. Nhà xuất bản Kinh tế — xã hội. 1961. tr. 61.

https://tieulun.hopto.org

của chủ nghĩa xã hội trong việc phát triển *kinh tế* và khoa học mà bằng chứng là những thành tựu làm chấn động thế giới của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, đế quốc Mỹ buộc phải thừa nhận nhưng lại lái sự dèm pha, vu khống của chúng sang chỗ tạo nên một bức màn khói bằng những thành kiến giả tạo cho rằng trong thế giới xã hội chủ nghĩa không có tự do, dân chủ và nhân quyền (!). Để đối lập với chủ nghĩa xã hội, bộ máy tuyên truyền của Mỹ ra sức thuyết phục nhân dân châu Phi tin tưởng vào cái gọi là « nền dân chủ Mỹ », mê hoặc họ bằng lối sống « văn minh Mỹ ». Cả một màng lưới dày đặc của các tổ chức nhà nước và tư nhân—từ trường học, sở thông tin đến « đội quân hòa bình », giáo hội — cùng mọi phương tiện tuyên truyền rộng rãi đang được sử dụng để phục vụ cho chính sách nô dịch và đầu độc tư tưởng và tinh thần nhân dân châu Phi của đế quốc Mỹ.

Trong những năm gần đây, Mỹ đặc biệt chú trọng vào việc thực hiện cái gọi là « chương trình trao đổi giáo dục quốc tế » được đề ra từ năm 1948. Chương trình này, mặc dù được tuyên truyền là có nhiệm vụ và mục đích trao đổi cán bộ cùng kinh nghiệm và các thành tựu về giáo dục, văn hóa, nghệ thuật và khoa học, cung cấp nhân viên kỹ thuật v.v..., thực chất chỉ nhằm tuyên truyền các chính sách của Mỹ, tác động đến các nhà hoạt động châu Phi hòng sử dụng những người này như những người truyền bá hệ tư tưởng Mỹ và tuyên truyền cho « lối sống Mỹ » ở ngay trong nước họ. Trong thời gian từ 1957 — 1959, theo kế hoạch này, đã có 567 các nhà lãnh tụ, chuyên gia, nhà báo, nhà giáo châu Phi, được các phái đoàn ngoại giao Mỹ chọn lọc cẩn thận, sang tham quan ở Mỹ. Cũng trong thời gian này, 118 chuyên gia và diễn giả Mỹ đã đến châu Phi để thực hiện chương trình trao đổi (1).

Ngoài các nhà hoạt động chính trị và văn hóa, Mỹ cũng rất quan tâm đến tầng lớp trí thức trẻ tuổi châu Phi, trước hết là sinh viên, những người sẽ đóng vai trò quan trọng trong tương lai của cái lục địa mà 90 % dân số là mù chữ này. Trong niên khóa 1960—1961, tại các trường đại học và cao đẳng Mỹ đã có 2.831 sinh viên châu Phi theo học, trong đó một phần lớn do chính phủ và các tổ chức tư nhân Mỹ cấp học bổng (2). Như vậy, so với niên khóa trước, con số sinh viên châu Phi theo học ở Mỹ đã tăng lên 44 %, và nếu như trước chiến tranh, con số sinh viên châu Phi hàng năm sang học ở Mỹ trung bình là 25 người thì nay đã tăng lên từ 300—500 người (3). Ở Ni-giê-ri-a, trong số những người có trình độ cao đẳng, đến 25 % là đã tốt nghiệp tại Mỹ. Chiếm đa số trong số sinh viên châu Phi theo học ở Mỹ là sinh viên các nước Ni-giê-ri-a, Li-bê-ri-a, Xi-e-ra Lê-ôn, Kê-ni-a, Cộng hòa Nam Phi và E-ti-ô-pi mà phần lớn là những người thuộc thành phần lớp trên hoặc con cái các lãnh tụ châu Phi. Mục đích chủ yếu của nhà trường Mỹ, theo lời một nhà triệu phú Mỹ là cố thuyết phục những người sinh viên này tin rằng ở Mỹ có « chế độ xã hội và lối sống tốt đẹp và hạnh phúc hơn bất cứ một chế độ nào khác trên thế giới » và « chủ nghĩa cộng sản là một tội ác và người cộng sản là những tên phiến loạn ». Điều đó đã được phản ánh qua ý kiến của Cô-phi Tét-tê, một sinh viên Tây Phi đã theo học tại trường Đại học Cô-lôm-bi của Mỹ: « Ở đây, người ta rất ghét việc bày tỏ những ý kiến khác biệt với các ý kiến đã được họ thừa nhận. Chỉ những sự bất đồng nhỏ nhặt nhất với đường lối chung cũng đã có thể bị gán tội là cộng sản. Vì lẽ đó, những ai có sự liên hệ nào đó với những người có các quan điểm triệt để đều bị xem là rồ dại ».

Bên cạnh các trường học, Mỹ đã thành lập nhiều viện nghiên cứu và tổ chức nhằm « xúc tiến những mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa nhân dân Mỹ và châu Phi », nghĩa là nhằm tăng cường sự bành trướng về tư tưởng và tuyên truyền cho ưu thế của « lối sống Mỹ » trong các nước châu Phi trẻ tuổi. Hoạt động mạnh nhất trong số các tổ chức này là Viện Phi — Mỹ, đứng đầu là tiến sĩ E-mô-ri Rô-xơ, người đã từng nhiều năm là giáo sĩ tại Công-gô thuộc Bỉ. Tham gia ban lãnh đạo của Viện là những người đã công tác lâu năm ở các nước châu Phi như cựu đại sứ Mỹ ở Li-bê-ri-a, Ét-va R. Rát-lây — phó chủ tịch; giám đốc « Công ty mỏ Li-bê-ri-a » của Mỹ, Lăng-xem Cờ-ri-xti — phụ trách tài vụ; cựu tổng lãnh sự Mỹ tại Liên bang Rô-đê-di và Ni-a-xa-len, Lôi Xti-rơ — phụ trách hành chính v.v... Nhiệm vụ của tổ chức này tự đề ra cho mình là « chiếm lấy tinh thần và trái tim của người dân châu Phi », chinh phục họ bằng những « thành tựu » của nền văn minh và văn hóa bên kia đại dương. Viện Phi—Mỹ đã thành lập và cung cấp tài chính cho cái gọi là « Nhà châu Phi » ở Hoa-thịnh-đốn, có nhiệm vụ phục vụ cho các sinh viên châu Phi theo học ở Mỹ cũng như cho những người quan tâm đến các vấn

---

(1) V. Phê-tốp—*Chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở châu Phi*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va. 1962. tr 89.

(2) Đ.K. Pa-nô-ma-rép—*Mỹ và châu Phi*. Nhà xuất bản Tri thức. Mát-xcơ-va. 1952. trang 26.

(3) Phê-tốp. Sách đã dẫn, trang 89.

https://tieulun.hopto.org

đề châu Phi. Ngoài một chi nhánh đã được thành lập tại A-cờ-ra, thủ đô Ga-na, Viện Phi — Mỹ còn dự định « trong một tương lai gần đây, sẽ thành lập những chi nhánh khác ở các nước châu Phi » (1).

Phục vụ cho chính sách nô dịch tinh thần nhân dân châu Phi của Mỹ còn có Sở thông tin Mỹ — một cơ quan chuyên môn của nhà nước, được thành lập từ năm 1953. Nhiệm vụ chủ yếu của nó là thông qua các phương tiện như chiếu phim, triển lãm, xuất bản sách báo, dùng đài phát thanh và vô tuyến truyền hình v.v .., một mặt, tiến hành công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản, tung ra những luận điệu vu khống, xuyên tạc các nước xã hội chủ nghĩa, mặt khác, ca ngợi « lối sống Mỹ » đề cao những cái gọi là « chủ nghĩa tư bản nhân dân », « truyền thống yêu chuộng hòa bình », « chính sách hữu nghị » của Mỹ và tính chất « vô tư » của « viện trợ » Mỹ đối với các nước châu Phi.

Vào đầu năm 1961, Sở thông tin Mỹ đã đặt chi nhánh tại 33 thành phố của 21 nước châu Phi (Ga-na, Kê-ni-a, Li-bê-ri-a, Li-bi, Ma-li, Ma-rốc, Ca-mơ-run, Ghi-nê, Công-gô (Bờ-ra-dơ-vin), Công-gô (Lê-ô-pôn-vin), Ni-giê-ri-a, Xu-đăng, Xô-ma-li, Tăng-ga-ni-ca, Xê-nê-gan, Xi-e-ra Lê-on, Tuy-ni-di, U-gan-đa, E-ti-ô-pi, Cộng hòa Nam Phi và Liên bang Rô-đê-di và Ni-a-xa-len). Cùng với đài « Tiếng nói Hoa-kỳ », Sở thông tin Mỹ đã xây dựng những đài vô tuyến điện rất mạnh ở Ma-rốc và E-ri-tờ-rê, và đã ký kết với Li-bê-ri-a một bản hiệp ước về việc xây dựng một đài truyền thanh mạnh nhất châu Phi ở Môn-rô-vi-a, trị giá 3 triệu 570 nghìn đô-la. Ngoài ra, tổ chức này còn có cả một màng lưới rạp chiếu bóng và thư viện rộng lớn ở châu Phi. Chỉ riêng tại 12 nước, Mỹ đã có đến 200 rạp chiếu bóng, thường xuyên chiếu phim thời sự thuyết minh bằng các thứ tiếng Anh, Pháp, Ả-rập. Các thư viện và trung tâm của Sở thông tin Mỹ ở các nước châu Phi đảm nhiệm việc thực hiện đường lối xâm lược văn hóa và ngăn chặn ảnh hưởng của sách báo tiến bộ bằng cách phổ biến các sách báo phản động, đồi trụy của Mỹ. Một phần lớn là sách giáo khoa và các giáo trình đã được phổ biến đặc biệt ở các nước Tây Phi là nơi thông dụng tiếng Anh, và ở Li-bê-ri-a mà tài liệu dùng cho các trường học đều giống như của Mỹ.

Do sự xuất hiện ngày càng nhiều các nước độc lập ở châu Phi cùng vai trò ngày càng lớn mạnh của các nước này trên trường quốc tế (kể cả do sự phát triển ngày càng mãnh liệt của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á và châu Mỹ la-tinh), tháng 3-1961, tổng thống Ken-nơ-đi ký sắc lệnh thành lập một tổ chức mới nhằm tăng cường ảnh hưởng của Mỹ ở các khu vực này. Đó là « Đội quân hòa bình » trực thuộc bộ Ngoại giao Mỹ, do tên triệu phú Xéc-giơn Sơ-ri-vơ, bà con của Ken-nơ-đi phụ trách. Mọi chi phí của tổ chức này đều do quỹ « phòng thủ an ninh chung » đài thọ. Tiêu chuẩn gia nhập « Đội quân hòa bình » phải là những người có điều kiện tinh thần và thể lực tốt, « có khả năng giải thích về bản Tuyên ngôn độc lập (của Mỹ) và về các vấn đề của nền dân chủ hiện đại (của Tây phương) cho các sinh viên ở Ga-na hoặc cho các nhà điền chủ ở Nê-pan » (2). Đồng thời, những người này còn phải tỏ ra có « biệt tài » chẳng hạn như có khả năng « cung cấp tin tức một cách có hiệu quả nhất », nghĩa là phải có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ gián điệp nhất định, và « phải thâm nhập vào các tổ chức địa phương », nghĩa là phải liên hệ chặt chẽ với các đảng phái và các nhà hoạt động chính trị bản xứ nhằm gây tác động tư tưởng đến các tổ chức và cá nhân đó. Nói một cách khác, những nhân viên của « đội quân hòa bình » trong thời gian công tác, vừa phải thực hiện các nhiệm vụ gián điệp theo chỉ thị của Cục tình báo trung ương Mỹ, vừa phải tiến hành công tác tuyên truyền theo nhiệm vụ của một nhân viên Sở thông tin Mỹ. Ngay khi « Đạo quân hòa bình » vừa được thành lập, X. Sơ-ri-vơ (S. Shriver) đã công khai tuyên bố về xu hướng chống cộng của tổ chức này, sau khi nhấn mạnh rằng đó là một công cụ có hiệu lực trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản ở các nước chậm phát triển.

Dưới chiêu bài « viện trợ kỹ thuật » và truyền thụ kinh nghiệm của các nước tiên tiến cho nhân dân bản xứ, Mỹ đã phái sang châu Phi hàng nghìn nhân viên thuộc « Đội quân hòa bình » ngụy trang dưới lốt giáo viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ y tế v.v... Những nhân viên này, trước khi được cử đi « công cán », đều được Cục tình báo trung ương Mỹ thẩm tra và chọn lựa cẩn thận, và đều trải qua một lớp huấn luyện đặc biệt. Ngoài chương trình rèn luyện thể lực có một số điểm giống như trong quân đội, chúng còn được học tập cả về lịch sử, kinh tế, văn hóa và ngôn ngữ thông dụng cũng như được giới thiệu về các điều kiện thiên nhiên của các nước sắp được phái đến.

---

(1) « *The New Commonwealth* » — 6, 1960. Dẫn trong « *Chủ nghĩa thực dân và những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ở châu Phi* ». Tr. 158.

(2) Roy Hoopes — *The Complete Peace Corps Guide*. Nữu-ước. 1961. tr. 103. Dẫn trong tạp chí *Các dân tộc Á — Phi* (Liên-xô). Số 4 — 1964. tr. 33.

https://tieulun.hopto.org

Chỉ tính đến cuối năm 1963, số nhân viên « đội quân hòa bình » hoạt động với tư cách giáo viên ở châu Phi đã lên tới gần 2.000 tên (1), chiếm đại đa số trong thành phần « những chiến sĩ tình nguyện » của Mỹ trên lục địa này. Ở các nước Ga-na, Ni-a-xa-len, Xô-ma-li, Tây Ca-mơ-run, Xê-nê-gan, Tuy-ni-di, Ni-giê-ri-a, Ma-rốc v.v..., các « giáo viên » Mỹ đã tham gia « giảng dạy » tại các trường tiểu học và trung học, và riêng ở Ni-giê-ri-a — cả ở các trường cao đẳng và đại học. Để khắc phục trở ngại trong việc truyền bá tư tưởng của « thế giới tự do » và tạo cơ sở xã hội cho việc tăng cường ảnh hưởng của Mỹ, các « giáo viên tình nguyện » rất chú trọng đến việc giảng dạy tiếng Anh, đặc biệt là ở các nước thuộc địa cũ của Pháp (Xê-nê-gan, Ma-rốc, Bờ biển Ngà v.v...), cho nhân dân bản xứ và trước hết là cho các giáo viên và cán bộ nhà nước. Chẳng hạn, ở Bờ biển Ngà, tổ chức « Đội quân hòa bình » đã mở riêng một trường học cho vợ và con gái của nhân viên chính phủ ; ở Xô-ma-li, 30 « giáo viên tình nguyện » Mỹ đã công tác ngay tại các trường đào tạo cán bộ nhà nước v.v... Đồng thời, để tích cực tăng cường ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống xã hội của nhân dân châu Phi, các « giáo viên tình nguyện » Mỹ còn tăng cường hoạt động cả ngoài nhà trường. Ở Li-bê-ri-a, chúng đã tổ chức những buổi chiếu phim tuyên truyền của Mỹ, tham gia vào ban giám khảo các cuộc thi sắc đẹp, hoặc các đoàn nhạc « gia-giơ » (jazz) của địa phương. Ở Xi-e-na Lê-ôn, một giáo viên tình nguyện Mỹ đã là người đầu tiên trong số những người da trắng tham gia vào câu lạc bộ quần vợt của dân bản xứ. Ở Ga-na, nhân viên của « Đội quân hòa bình » đã len lỏi thâm nhập tận các làng hẻo lánh xa xôi mà giáo viên bản xứ chưa có điều kiện đặt chân tới. Hoạt động của « Đội quân hòa bình » mà thực chất là một tổ chức gián điệp trá hình của Mỹ đó, đã vấp phải sự phản ứng ngày càng mãnh liệt của nhân dân các nước châu Phi. Tờ báo Ma-rốc *An Mô-ca-phich*, bình luận về việc 53 nhân viên « Đội quân hòa bình » đến Ma-rốc hồi tháng 10-1963, đã viết rằng bọn đế quốc, bị đuổi cửa này, đã chui vào cửa khác và tìm cách thâm nhập khắp nơi để hoạt động gián điệp và bành trướng hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa (2). Tờ *«Tiếng nói châu Phi »* của Ga-na nhận xét : « Rõ ràng là bọn đế quốc và tư bản, đứng đầu là Mỹ, đã làm lộ rõ những mưu đồ tội lỗi của chúng nhằm duy trì sự kiểm soát về kinh tế và chính trị đối với lục địa châu Phi thân yêu của chúng ta... Trước tiên là chủ nghĩa Ai-xen-hao và giờ đây, lại cái gọi là « Đội quân hòa bình » của Ken-nơ-đi » (3). Đề cập đến việc 415 « nhân viên tình nguyện » Mỹ đến E-ti-ô-pi, tờ *Cộng hòa An-giê-ri* đã nhấn mạnh rằng « Đội quân hòa bình » chỉ là một công cụ của chính sách đối ngoại xâm lược của Mỹ nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của các nước châu Phi (4).

Vai trò tác động tư tưởng nhân dân châu Phi còn do các tổ truyền giáo của Mỹ đảm nhiệm một cách đắc lực. Năm 1959, số giáo sĩ người Mỹ ở các nước châu Phi đã gồm đến 6.500 tên, riêng ở Công-gô (Lê-ô-*pôn-vin*) — 1.300 tên, ở Ni-giê-ri-a — 1.200 tên, ở Cộng hòa Nam Phi — gần 400 tên v.v... Trong những năm gần đây, hoạt động của bọn này đã được đặc biệt tăng cường ở các nước Tây Phi, Ăng-gô-la, E-ti-ô-pi và Trung Phi.

Mục tiêu đầu tiên và chủ yếu của các giáo sĩ Mỹ là cố nắm lấy hệ thống giáo dục của các nước châu Phi nhằm thông qua đó, thực hiện âm mưu nô dịch tinh thần đối với nhân dân lục địa này. Ở Công-gô (Lê-ô-pôn-vin), các tổ chức truyền giáo Mỹ đã khống chế 11.000 cơ sở giáo dục, bao gồm 475,000 học sinh (năm 1959). Ở miền Tây Kê-ni-a, cứ 15 trường học thì Mỹ nắm 1. Ở Li-bê-ri-a, Mỹ kiểm soát đến 33% tổng số các trường tiểu học và 60% tổng số các trường trung học ở trong nước. Chương trình giáo dục ở các trường này đều được dành phần lớn cho việc học tập kinh thánh và tài liệu của giáo hội. Ngoài việc giáo dục lòng « kính chúa », sùng đạo cho thế hệ trẻ châu Phi mà thực tế là nhồi sọ họ tinh thần thụ động, thỏa hiệp và phục tùng, các giáo sĩ Mỹ còn tích cực truyền bá trong học sinh châu Phi « đạo đức và lối sống Mỹ ». Thay cho việc bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc thông qua việc học tập lịch sử đất nước bằng chính ngôn ngữ của nước mình, số học sinh này lại buộc phải học tập lịch sử nước Mỹ và các nước châu Âu bằng tiếng Anh, với những tài liệu thường được sử dụng tại các trường học ở Mỹ.

Như báo chí Ma-rốc đã nhận xét, toàn bộ hoạt động của các giáo sĩ Mỹ đều nhằm « mở đường cho quân đội và tổ chức giáo hội, bên cạnh đó là sẽ nhanh chóng xây dựng các trại lính » (5), mục đích của các tổ chức truyền

---

(1) « *Peace Corps Volunteer*.. 12-1962. tr 5. Dẫn trong tạp chí *Các dân tộc Á — Phi*. Mát-xcơ-va. Số 4 — 1964. tr. 37.

(2) Dẫn trong tờ « *Tin tức* » (Liên-xô), số ra ngày 12-10-1963.

(3) Dẫn trong *Chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở châu Phi* của V. Phê-tốp. Mát-xcơ-va. 1962. tr. 90, 91.

(4) Báo *Alger Republicain* », số ra ngày 27-9-1963. Dẫn trong tạp chí *Các dân tộc Á và Phi* Liên-xô). Số 4 — 1964. tr. 41.

(5) Xem sách đã dẫn của V. Phê-tốp. Tr. 94.

https://tieuluan.hopto.org

giáo Mỹ rõ ràng không có gì khác là nhằm phục vụ chính sách thực dân của đế quốc Mỹ, trước hết là nhằm ngăn chặn sự phát triển ý thức dân tộc của nhân dân châu Phi, biến họ thành những kẻ ngoan ngoãn thừa hành ý chí của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ, đặc biệt là đào tạo những lãnh tụ dân tộc chủ nghĩa thân Mỹ. Chính vì vậy, các tổ chức này đã được giáo hội và các tập đoàn lũng đoạn Mỹ trợ cấp những món tiền đáng kể, và chỉ riêng năm 1958 — 1959, đã chi phí gần 34 triệu đô-la cho hoạt động của chúng ở châu Phi (1), chưa kể số tiền trợ cấp cho Va-ti-căng, trên thực tế là một đồng minh tin cậy của Mỹ (và các nước thực dân phương Tây)—trong việc dùng toàn bộ ảnh hưởng tư tưởng của nó để phục vụ cho bọn xâm lược đế quốc chủ nghĩa.

***

Toàn bộ các chính sách trên đây của đế quốc Mỹ đối với châu Phi đã chứng minh tính chất hoàn toàn đúng đắn của nhận định của Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân tại Mát-xcơ-va tháng một 1960: «Mỹ là thành lũy chính của chủ nghĩa thực dân hiện nay. Bọn đế quốc, đứng đầu là Mỹ, đang đem hết sức cố gắng tuyệt vọng hòng duy trì chế độ bóc lột thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa cũ bằng nhiều phương pháp mới và với nhiều hình thức mới. Bọn lũng đoạn cố nắm lấy quyền kiểm soát kinh tế và giữ lấy ảnh hưởng chính trị ở các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh. Chúng cố gắng duy trì vị trí cũ của chúng trong nền kinh tế của những nước đã được giải phóng và chiếm lấy những vị trí kinh tế mới bằng cách dùng chiêu bài viện trợ «kinh tế», lôi kéo các nước đó vào các khối quân sự, thiết lập chế độ độc tài quân sự và xây dựng các căn cứ quân sự ở các nước đó»... (2). Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử mới của thời đại chúng ta — thời đại «chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu»(3), thời đại «hệ thống xã hội chủ nghĩa, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhằm cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người» (4), đế quốc Mỹ dù thâm độc, tàn bạo đến đâu cũng không thể chặn được bước tiến của lịch sử. Bằng kinh nghiệm xương máu của mình, nhân dân châu Phi nhận thức sâu sắc rằng cuộc đấu tranh của họ chống chủ nghĩa thực dân chưa phải đã chấm dứt mà đang ở vào giai đoạn quyết định, và trong cuộc đấu tranh đó, họ không những chỉ đương đầu với bọn thực dân cũ như Anh, Pháp, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, Bỉ, Hà-lan v.v... mà còn đương đầu cả với đế quốc Mỹ, tên đầu sỏ thực dân hiện nay. Tại hội nghị các dân tộc châu Phi lần thứ ba họp tại Lơ-ke vào tháng 3-1961, Kin-ve A-ben, phó chủ tịch Đảng Liên minh nhân dân Ca-mơ-run, đã nhấn mạnh rằng tại tất cả các nước châu Phi đang đấu tranh, Mỹ đều hoạt động như «những tên đồng minh trung thành nhất của những kẻ đang chống lại sự nghiệp giải phóng của nhân dân châu Phi». Cũng tại hội nghị này, trưởng đoàn đại biểu Kê-ni-a, Rô-nan Nơ-ga-la đã phát biểu: «Ngày nay, chúng tôi đã rõ là Mỹ và các nước châu Âu đã vi phạm nền độc lập của chúng tôi như thế nào... Chúng tôi không muốn thay thế chủ nghĩa thực dân Anh bằng chủ nghĩa đế quốc đô-la Mỹ».

Đúng như lời thú nhận của Se-xtơ Bao-xơ, kẻ biện hộ và bênh vực tích cực nhất cho chủ nghĩa thực dân, «thời đại mà người châu Phi cam chịu với địa vị không chút quyền hành gì đã kết thúc rồi». Làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc ngày càng dâng cao của nhân dân châu Phi, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của nhân dân An-giê-ri, Công-gô, Ang-gô-la, Mô-dăm-bích v.v... chứng tỏ rằng chủ nghĩa thực dân, kể cả chủ nghĩa thực dân trá hình hiện đại của Mỹ, đều không thể tìm được chỗ đứng ở châu Phi. Với tinh thần đoàn kết ngày càng chặt chẽ, với ý chí kiên cường và đấu tranh bất khuất của họ, nhân dân châu Phi, được sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa và nhân loại tiến bộ, chắc chắn sẽ đánh bại mọi âm mưu nô dịch của đế quốc Mỹ cũng như của cả các loại thực dân khác trong giờ phút hấp hối cuối cùng của chúng.

Tháng 12-1964

---

(1) D.K. Pa-nô-ma-rép. Sách đã dẫn. Tr. 30.

(2) *Văn kiện Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân tại Mát-xcơ-va, tháng một 1960.* Nhà xuất bản Sự thật. Hà-nội. 1961. Trang 52.

(3) (4) Như trên. Trang 18.

https://tieulun.hopto.org

PHAN-CHU-TRINH VỚI THỜI ĐẠI CỦA ÔNG

HỒ - SONG

CUỘC đời bôn tẩu quốc sự của Phan-chu-Trinh bắt đầu từ năm 1905 và chấm dứt năm 1926. Chỉ có hai mươi năm nhưng hai mươi năm ấy lại kéo dài từ khi ở Việt-nam phong trào cách mạng vừa phát sinh trong phạm trù dân chủ tư sản kiểu cũ cho đến lúc dưới tác động của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi và sự chuyển biến của tình hình trong nước, phong trào cách mạng ấy chẳng những đã mạnh lên mà còn bắt đầu tiến vào phạm trù tư sản kiểu mới. Do đấy tìm hiểu tác dụng của Phan-chu-Trinh với thời đại, theo ý chúng tôi, phải gắn liền hoạt động cụ thể của Phan-chu-Trinh với điều kiện chính trị, xã hội cụ thể khi những hoạt động ấy diễn ra. Phẩm bình Phan-chu-Trinh *không thể* chỉ thấy tác dụng của ông đối với thời cuộc khi cách mạng Việt-nam bắt đầu phát sinh trong phạm trù dân chủ tư sản kiểu cũ hoặc ngược lại chỉ thấy tác dụng của ông khi cách mạng Việt-nam đã chuyển vào phạm trù dân chủ tư sản kiểu mới. Vì thế chúng tôi tạm chia cuộc đời hoạt động của Phan-chu-Trinh làm hai thời kỳ để tiện việc tìm hiểu và đánh giá: Phan-chu-Trinh vào đầu thế kỷ XX và Phan-chu-Trinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, khi thực dân Pháp tiến hành chính sách « khai thác » lần thứ hai ở Việt-nam.

I.— TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN-CHU-TRINH VÀO ĐẦU THẾ KỶ XX TRONG MỨC ĐỘ NHẤT ĐỊNH CÓ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC MỘT PHẦN YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KHÁCH QUAN CỦA LỊCH SỬ VÀ NGUYỆN VỌNG CHỦ QUAN CỦA THỜI ĐẠI

Thời kỳ « khai thác » của thực dân Pháp ở Việt-nam vừa bắt đầu, hiện thực đen tối của một dân tộc bị nô dịch dần dần rõ nét. Căn bệnh của thời đại, theo ông, nằm trong chế độ quân chủ mục nát và tệ hủ bại của quan trường. Do đấy ông đề xướng dân quyền, chủ trương đánh đổ chế độ quân chủ. Nói cho đúng ra, lúc bấy giờ, quan niệm của Phan-chu-Trinh về những vấn đề ấy hãy còn rất mơ hồ, chưa có cơ sở lý luận chắc chắn nhưng điều đó không làm giảm ý nghĩa tiến bộ của những vấn đề do ông đề xướng. Đối với tệ hủ bại của quan trường, rõ ràng Phan-chu-Trinh có cái nhìn thấu đáo hơn, tinh tế hơn so với người đương thời. Ông không đả kích cái cá biệt bẩm sinh, cái nhân cách riêng tư của tên này hay tên khác. Ông đả kích ngay vào điều mấu chốt nhất: chức trách của cả một tập đoàn trong xã hội từ trên cao nhất ở triều đình đến bọn nha lại hèn mạt nhất. Dưới ngòi bút của Phan-chu-Trinh, bọn người xưa nay tự xem là « cha mẹ của dân », « cầm cân nẩy mực », bộc lộ nguyên hình kẻ cừu địch của nhân dân mà chức trách thực sự chỉ là thôi thúc sưu dịch và giam hãm nhân dân trong vòng lạc hậu, nô dịch. Việc làm của Phan-chu-Trinh giáng một đòn chí mạng vào uy thế chính trị và tinh thần của bộ máy cai trị phong kiến, chỗ dựa của thực dân Pháp.

Đi xa hơn nữa, Phan-chu-Trinh còn vạch rõ nguyên nhân vì sao bọn này tồn tại hoành hành được. Ông trực diện đả kích vào âm mưu ràng buộc nhân dân Việt-nam trong cảnh tối tăm hèn yếu của thực dân Pháp. Phan-chu-Trinh có nói đến một số quan lại liêm khiết, nói đến việc nhân dân Việt-nam sẽ sợ thực dân Pháp bỏ đi nếu được chúng thực lòng « dìu dắt, dạy dỗ », nhưng bản cáo trạng của ông về tình tệ xã hội đương thời rất hiện thực, sinh động: tác dụng khách quan chủ yếu của nó là nung nấu thêm lòng căm thù đối với đế quốc và phong kiến, kích động nhân dân vùng dậy đấu tranh chống cường quyền áp bức.

Tầm mắt của Phan-chu-Trinh không phải chỉ dừng lại ở bọn quan trường hủ bại. Nhìn ra các mặt: pháp luật, xã hội, kinh tế, giáo dục v.v... đâu đâu ông cũng thấy những việc cần bãi bỏ, sửa đổi, xây dựng.... Tóm lại, theo ý chúng tôi, ở Phan-chu-Trinh, viễn ảnh của xã hội « mới » có được hình dung tương đối rõ nét hơn ở những người cùng chí hướng với ông. Và cũng do đấy so với họ, chúng tôi thấy ở Phan-chu-Trinh nhận thức tư sản có phần sâu hơn, toàn diện hơn.

Từ nhận thức, Phan-chu-Trinh đứng ra hô hào mở trường học, lập hội kinh doanh nông công thương nghiệp, bài trừ hủ tục mê tín... Đối chiếu với tình hình nước ta vào đầu thế kỷ XX, theo chúng tôi nghĩ, tư tưởng chính trị và hoạt động của Phan-chu-Trinh trong mức độ nhất định có đáp ứng được một phần yêu cầu khách quan của lịch sử và nguyện vọng chủ quan của thời đại.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng bên cạnh phần tiến bộ, tư tưởng chính trị và hoạt động của Phan-chu-Trinh ngay từ lúc này đã bao hàm nhân tố tiêu cực. Đó là đường lối cải lương được Phan-chu-Trinh diễn đạt dưới nhiều hình thức khác nhau: «Không cần hô hào đánh Pháp, chỉ nên đề xướng dân quyền», «bất bạo động, bạo động tắc tử», «phản đối cái chính sách ngược đãi người Việt-nam, chứ không phản đối nước Pháp», «nước Việt-nam chui núp dưới chính thể chuyên chế trên nghìn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập» (1).

Nhân tố tiêu cực đó bắt nguồn từ nhận thức mơ hồ của Phan-chu-Trinh đối với bản chất của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Phan-chu-Trinh không nhận thức được rằng đến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chút ít tiến bộ trong thời gian đầu của cách mạng tư sản Pháp chỉ là hoài niệm của một thời đã qua không bao giờ tái diễn. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mối lo lắng thường xuyên của đế quốc Pháp cũng như của bất cứ đế quốc nào khác chẳng những ở chỗ phải bám chặt lấy thuộc địa, biến nó thành khu vườn cấm của mình mà còn ở chỗ kìm hãm nó, duy trì nó trong tình trạng kém phát triển về mọi mặt để giữ vững ưu thế của mình đối với dân bản địa. Do đấy trong điều kiện của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến như nước ta vào đầu thế kỷ XX không thể tiến hành bất cứ cuộc cải cách thật sự nào nhằm nâng cao «dân trí», mở rộng «dân quyền» được; không thể có chuyện «tiến bước nào chắc chắn bước ấy», từ đó «dần dần mưu tính việc khác». Phan-chu-Trinh vừa ngây thơ tin tưởng vào «lòng thành» của đế quốc Pháp, vừa cường điệu hóa vai trò của những «đại thần nhân ái có tri thức», của «quan lại liêm khiết và có tài năng» trong một nước mà chủ quyền quốc gia đã hoàn toàn thuộc vào tay quân xâm lược. Phan-chu-Trinh không nhận thức được rằng điều kiện tiên quyết của mọi cải cách vì tiến bộ xã hội là phải có một chính quyền độc lập, thoát khỏi sự lũng đoạn của đế quốc và phong kiến. Từ đó mới có thể nói đến «canh tân, dân quyền, dân trí». Ở Nhật-bản, trong thành công của phong trào duy tân, ngoài những điều kiện kinh tế và xã hội, điều kiện tiên quyết là ở chỗ Nhật-bản còn có một chính quyền độc lập, chưa lệ thuộc vào ngoại quốc khi tiến hành cuộc cải cách từ bên trên xuống.

Nhân tố tiêu cực đó còn bắt nguồn từ nhận thức nông cạn của Phan-chu-Trinh về ý nghĩa của công cuộc đấu tranh vũ trang. Chúng ta đồng ý với Phan-chu-Trinh rằng đấu tranh vũ trang phải có điều kiện, rằng trong hoàn cảnh Việt-nam đầu thế kỷ XX, thời cơ khởi nghĩa vũ trang chưa xuất hiện. Chúng ta cũng đồng ý với Phan-chu-Trinh rằng: «mình không tự lập, ai cũng là kẻ cừu của mình» (1). Nhưng nếu từ đó mà đi đến chủ trương «không cần hô hào đánh Pháp», «gác tư tưởng bạo động» lại thì đó là một kết luận tiêu cực, chỉ cần nhắc lợi hại trước mắt mà không tính đến hậu quả lâu dài. Chủ nghĩa đế quốc Pháp đã dùng vũ lực để cưỡng chiếm Việt-nam mà lại phản đối dùng vũ lực đánh đổ đế quốc Pháp, về thực chất đó là thủ tiêu đấu tranh, cam chịu thất bại. Nhưng tiền đề vật chất để tiến hành chiến đấu vũ trang không bao giờ có sẵn bởi vì một dân tộc bị trị bao giờ cũng thấy sừng sững trước mắt mình một kẻ thù được vũ trang tận răng kèm thêm biết bao nhiêu kinh nghiệm tổ chức, tác chiến và cả một lực lượng dự trữ to lớn. Do đấy chọn con đường vũ trang chiến đấu chính là biểu hiện thiết thực nhất, cao nhất của ý chí giành lại tự do và cuộc sống. Và cũng chỉ có từ ý chí sắt đá đó, trải qua một quá trình dày công xây dựng, tiền đề vật chất cho đấu tranh vũ trang mới dần dần xuất hiện. Mỗi lần một cuộc khởi nghĩa bùng nổ rồi bị đàn áp, khủng bố, người ta lại có cảm giác hình như cách mạng càng bị vùi sâu hơn, không ngóc dậy được nữa, kẻ thù như hùng hậu hơn, bất khả chiến thắng và con đường giải phóng như kéo dài thêm, mờ mịt. Ấy thế nhưng lịch sử lại cho thấy rằng kẻ thù của cách mạng ra sức ngăn chặn sự tái hiện của cảm giác ấy bởi vì, trên thực tế, cứ mỗi lần cảm giác ấy tái hiện ngày sụp đổ của nền thống trị phản động và ngày chiến thắng của cách mạng càng nhích lại gần hơn.

Nhân tố tiêu cực đó còn bắt nguồn từ tâm lý bi quan đối với hiện trạng của dân tộc. Nhìn đồng bào cả một nước, Phan-chu-Trinh không thấy gì hơn ngoài cảnh ươn hèn, lạc hậu, cướp bóc, chia rẽ lẫn nhau, vứt bỏ lễ giáo... Cách nhìn ấy một mặt phản ánh thực trạng của giai cấp phong kiến cỗi rễ của ông, bởi vì một người xuất thân từ giai cấp suy tàn bao giờ cũng bị ám thị bởi thực trạng của giai cấp mình và dễ khái quát hóa hiện trạng ấy thành hiện trạng chung của mọi giai cấp, của cả dân tộc. Cách nhìn ấy còn cho thấy rằng vì nhận thức không cần thiết phải đánh đổ chính quyền xâm lược, vì quá nhiệt tình với việc xây dựng xã hội mới mà mình mơ ước nên khi đánh giá con người, đánh giá dân tộc, Phan-chu-Trinh chỉ dừng lại ở những nhược điểm bên ngoài mà không chú ý đến biểu hiện căn bản nhất, bản chất nhất của sức sống dân tộc

(1) Lời Phan-chu-Trinh trong cuộc thẩm vấn của tên Thống đốc. Thế-Nguyên dẫn trong *Phan-chu-Trinh*. Nhà xuất bản Tân Việt 1956,

https://truuun.honto.org

là truyền thống quật khởi, dũng cảm đấu tranh chống cường quyền áp bức.

Mặc dù bao hàm cả nhân tố tiêu cực, tư tưởng chính trị và hành động của Phan-chu-Trinh đã góp phần vào sự thức tỉnh của dân tộc ta vào đầu thế kỷ XX, thúc đẩy quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta lúc bấy giờ.

II.— TRONG HOÀN CẢNH VIỆT-NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT, PHAN-CHU-TRINH ĐÃ TRỞ THÀNH LẠC HẬU SO VỚI THỜI ĐẠI

Về thời gian này, những bài « Thất điều trần », « Đạo đức và luân lý Đông Tây», « Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa » là những tài liệu được nhiều người biết nhất ; do đấy chúng tôi căn cứ chủ yếu vào những tài liệu ấy để tìm hiểu trên những nét lớn sự chuyển biến trong tư tưởng chính trị của Phan-chu-Trinh và tác dụng của ông trong giai đoạn lịch sử mới.

Trước nhất, chúng tôi thấy lập luận đả phá chế độ quân chủ của Phan-chu-Trinh bây giờ đã vững chắc hơn. Phan-chu-Trinh chưa tiến đến mức đi vào bản chất của vấn đề, giải thích sự xuất hiện của chế độ quân chủ tập trung trên cơ sở phân tích những điều kiện kinh tế là nhân tố quyết định cuối cùng ; Phan-chu-Trinh cũng chưa tiến đến mức phân biệt được chế độ quân chủ phong kiến với chế độ quân chủ tư sản. Nhưng Phan-chu-Trinh đã tiến đến một cách nhìn có màu sắc biện chứng và duy vật — tuy là thô sơ — về vấn đề ấy. Chỉ căn cứ đơn thuần vào hiện tượng, Phan-chu-Trinh trình bày quyền lực của vua là một thực thể không phải nhất thành bất biến mà có quá trình phát triển từ thấp lên cao. Bất cứ ở phương Đông hay phương Tây, theo Phan-chu-Trinh, vua ban đầu chỉ là kẻ đứng đầu bộ lạc. Dần dần trong quá trình thôn tính lẫn nhau, số vua, số nước giảm đi hình thành nên một ông vua với quyền lực ngày càng mở rộng. Phan-chu-Trinh còn nhận thức được chế độ quân chủ chỉ là một phạm trù lịch sử, nếu trong thời «thượng cổ, trung cổ nó là bài thuốc rất hay cho người hồi đó » thì bây giờ đã trở thành cái « hoa tàn lá héo » nhường chỗ cho chế độ dân chủ đầy sinh lực.

Đối với xã hội tư sản, nhận thức của Phan-chu-Trinh cũng tiến lên những bước mới. Nếu trước kia trong cách trình bày của Phan-chu-Trinh, người đọc thấy xã hội « mới » chỉ là sự ghép thêm vào xã hội cũ được thanh khiết hóa đi chút ít, một số tổ chức kinh tế, giáo dục mường tượng theo kiểu Tây phương thì bây giờ người đọc thấy Phan-chu-Trinh đã đề cập đến nhiều vấn đề phức tạp hơn : chế độ tuyển cử, chế độ đảng tranh trong nghị viện tư sản, tam quyền phân lập và cả đến xu thế phát triển tất yếu của thế giới nữa...

Theo ý chúng tôi, đó là những thu hoạch chính mà mười mấy năm trú ngụ ở đất Pháp đã bổ sung vào nhận thức chính trị của Phan chu-Trinh. Đến đây chúng tôi muốn tìm hiểu sang giai đoạn mới, nhân tố tiêu cực trong tư tưởng chính trị của Phan-chu-Trinh đã biến chuyển như thế nào.

Bên trên chúng tôi có trình bày : đường lối cải lương là nhân tố tiêu cực sẵn có trong tư tưởng chính trị của Phan-chu-Trinh. Nhân tố ấy tồn tại bất di, bất dịch và được củng cố thêm vì những tiền đề dẫn đến nhân tố tiêu cực ấy cũng phát triển hùng hậu hơn. Chúng tôi muốn nói trước tiên về nhận thức mơ hồ của Phan-chu-Trinh đối với chủ nghĩa đế quốc. Chịu khó đối chiếu bức thư Phan-chu-Trinh gửi Toàn quyền Bô, nội dung những lời Phan-chu-Trinh nói trong cuộc phỏng vấn ở Côn-lôn với những bài « Thất điều trần », « Đạo đức và luân lý Đông Tây», « Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa », chúng ta sẽ thấy về các vấn đề : thực dân Pháp có khinh miệt nhân dân Việt-nam hay không, thực dân Pháp có hạn chế lòng yêu nước của nhân dân Việt-nam hay không, thực dân Pháp có thực tâm « khai hóa» nhân dân Việt-nam hay không, kiến giải của Phan-chu-Trinh từ trước đến sau mâu thuẫn lẫn nhau, phủ định lẫn nhau. Trong bức thư gửi Toàn quyền Bộ, trong cuộc thẩm vấn của thống đốc Nam kỳ, Phan-chu-Trinh thẳng thắn chỉ trích chính sách ngược đãi của thực dân Pháp, qui trách nhiệm cuối cùng của mọi tệ hại và lạc hậu trong xã hội Việt-nam về phía thực dân Pháp là kẻ thực sự làm chủ ở Việt-nam. Trong «Thất điều trần», «Đạo đức và luân lý Đông Tây», «Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa», nước Pháp nói chung (không phân biệt giai cấp, đảng phái, xu hướng chính trị) trở thành hiện thân của bác ái và công lý, không thể dung thứ những điều xằng bậy, không cố ý giam hãm dân tộc Việt-nam trong cảnh đen tối, bạc nhược. Ai nghĩ khác đi là « có tánh yêu mình quá, nên chỉ biết trách người (Pháp) mà không tự trách mình », là « không học lịch sử tây »... Chúng tôi có cảm tưởng như ở Phan-chu-Trinh thái độ phê phán hiện thực khá sắc bén đầu thế kỷ XX đã dần dần nhường chỗ cho một kiểu lập luận theo lô-gích hình thức gần như ngụy biện. Phải chăng đó là tác dụng tiêu cực của việc thâm nhập vào nền văn hóa của một

https://tieulun.hopto.org

dân tộc đi chinh phục một dân tộc khác? (1).

Về vấn đề đấu tranh vũ trang, thái độ của Phan-chu-Trinh cũng có chiều hướng diễn biến phức tạp. Thất bại của phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX, tiếng vang của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi không làm cho Phan-chu-Trinh nhích lại gần hơn những người chủ trương bạo động mà càng làm cho ông đối lập gay gắt hơn với họ. Trước kia ông không tán thành họ, có thể nói chỉ là về mặt đường lối đấu tranh và hình như đối với họ, ông vẫn có thái độ thông cảm, độ lượng: « Tôi xem xứ Âu Tây, có khi anh em một nhà mà chính kiến khác nhau, huống chi là anh em bạn » (2). Do đấy chúng ta còn gặp những danh từ: « can đảm gửi thân hải ngoại », « tay hào kiệt ái quốc » mà ông dành cho Phan Sào-nam hay những người chủ trương bạo động khác. Sang đến « Đạo đức và luân lý Đông Tây » và một vài lần phát biểu khác, Phan-chu-Trinh hầu như không còn quan niệm sự khác nhau ấy chỉ là đơn thuần về mặt đường lối đấu tranh.

Cuối cùng đối với bản lĩnh của dân tộc, Phan-chu-Trinh vẫn giữ tâm lý bi quan, có phần sâu sắc hơn. Chẳng những ông không thấy gì sáng sủa ở hiện tại mà ngay cả với quá khứ ông cũng chỉ thấy có nọc độc chuyên chế và sự nghèo nàn của tri thức, đạo đức do nọc độc ấy gây ra. Phải chăng tâm trạng ấy một mặt phản ánh sự suy đồi không thể cứu vãn nổi của uy thế chính trị lẫn tinh thần của giai cấp phong kiến thống trị cũ mà Phan-chu-Trinh còn gắn bó rất nhiều; mặt khác phản ánh sự bất lực, tuyệt vọng của Phan-chu-Trinh trong mưu đồ « đem văn minh thật của Âu châu mà hòa hiệp với nho giáo thật của Á đông ». Trước mắt là hiện tại « đáng buồn lắm », sau lưng là quá khứ đáng căm giận; nếu chỉ nghe một mình Phan-chu-Trinh, người đương thời khó mà tin tưởng rằng có ngày tự do độc lập của dân tộc có thể « thành tựu » được.

Tóm lại, sang giai đoạn mới, song song với nhân tố tích cực, nhân tố tiêu cực trong tư tưởng chính trị của Phan-chu-Trinh cũng phát triển theo. Thẳng thắn mà nói, đó là một bước thoái hóa khá dài trong tư tưởng chống cường quyền áp bức của Phan-chu-Trinh. Và đó cũng là qui luật phát triển tất yếu với tất cả những ai suốt đời bôn tẩu quốc sự nhưng lại không thoát khỏi vòng giam hãm của tư tưởng cải lương.

Trở lên trên, chúng tôi cố gắng tìm hiểu sơ bộ những diễn biến — cả mặt tích cực lẫn tiêu cực trong tư tưởng chính trị của Phan-chu-Trinh qua một số bài ông viết và nói từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Vậy thì sang giai đoạn phát triển mới này của lịch sử nước nhà, tác dụng của Phan-chu-Trinh như thế nào?

Phan-chu-Trinh lên án Khải-định, đả kích chế độ quân chủ, tuyên truyền cho chế độ dân chủ trong lúc thực dân Pháp ra sức tô vẽ bằng mọi cách cho tên trụy lạc Bửu Đảo thành đức thánh quân Khải-định, ngang hàng Nghiêu Thuấn (3) để mê hoặc dân chúng, gây dựng lại óc tôn quân làm chỗ dựa trường cửu cho chính sách Pháp Việt đề huề. Hành động của Phan-chu-Trinh nhất định có phần ảnh hưởng tốt đến nhận thức của người đương thời.

Nhưng nếu chúng ta đánh giá tác dụng của «Thất điều trần», «Đạo đức và luân lý đông tây», «Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa» ngang như tác dụng bức thư gửi cho toàn quyền Bô, sợ e hơi quá đáng. Thực dân Pháp ra công khôi phục ý thức tôn quân, điều ấy chỉ có nghĩa là ý thức tôn quân đã tàn tạ lắm rồi. Há chẳng phải là chưa bao giờ có một ông vua đang ở ngôi lại bị chế diễu chua cay như Khải-định

---

(1) Trong cuốn *Giai cấp công nhân Việt-nam* (Sự thật 1961) ở trang 276, tác giả viết:

« Bức thư nổi tiếng của Tây-hồ ngày 15-8-1906 gửi cho « chính phủ bảo hộ » không đả động gì đến sự thống trị của Pháp. Bản bảy điều buộc tội Khải Định 1922 cũng vậy ». Theo ý chúng tôi, trong bức thư 1906, Tây-hồ có đả kích chính sách thống trị của thực dân Pháp. Trong bức bảy điều buộc tội, Phan-chu-Trinh chẳng những không đả động gì đến sự thống trị của Pháp mà còn tin rằng nước Pháp « mẹ của dân quyền » không thể dung thứ Khải-định làm xằng bậy và đồng tình với âm mưu của hắn.

(2) Thế-Nguyên dẫn trong sách đã kể.

(3) Trên *Nam phong* số 6 tháng 12-1917, Phạm-Quỳnh viết:... « Bọn ta sinh trong buổi giao thời, phải nên bảo tồn lấy nền văn hóa cũ trong nước, mà thâu nhặt lấy vẻ văn minh mới thời nay. Muốn bảo tồn nền văn hóa cũ, nên duy trì lấy đạo luân thường trong quốc dân: đầu luân thường là nghĩa tôn quân. Nay được gặp đứng Kim thượng trị cao dạ cả, ngày đêm mưu sự hạnh phúc cho lũ ta, ta nên hết lòng thờ vua, giốc bụng yêu nước, vì vua là cái hình ảnh thiêng liêng của tổ quốc đó. Muốn thâu nhặt vẻ văn minh mới, nên theo đòi nền học thuật của thế giới: biển học thuật ấy là Đại Pháp ân quốc ta vậy ».

— Trên *Nam phong* số 13, tháng 7-1918, tên Vũ-duy-Phiên nào đó đã viết:

...Mừng nay có chúa Thuấn, Nghiêu,
Gió nhân, mưa huệ khắp điều muôn dân
Ngửa tin ngự giá Bắc tuần
Cỏ hoa đón rước xa gần ngợi khen.

https://tieulun.hopto.org

hay sao? Thực tế lịch sử cũng cho thấy: « Nếu trong thời của Duy-tân hội, Quang phục hội, cụ Sào-Nam vì những lẽ gì mà còn tìm người trong hoàng thận đưa lên làm minh chủ, hay lập thành chủ tịch của hội, rồi ngầm liên kết với những người có thế lực bấy giờ để họ làm ứng viện, thì đến sau chiến tranh 1914 — 1918, tư tưởng chính trị đó đã tiêu tan đi mất. Và từ nay thì trong tư tưởng, chương trình của tất cả các chính đảng cách mạng đều gắn liền việc đánh đổ thực dân Pháp với việc đánh đổ triều đình Huế. Ngay những nhóm chính trị không cách mạng, chỉ cải lương thôi, cũng khó mà tìm được cái chủ trương tôn quân như trước » (1). Vả lại, có thể nói rằng từ năm 1912, với Việt-nam quang phục hội, Phan-bội-Châu đã giáng những đòn quyết định cuối cùng vào uy thế chính trị và tinh thần của chế độ quân chủ ở Việt-nam rồi.

Trong không khí trầm lặng của xã hội Việt-nam vào mấy năm đầu của thế kỷ mới, bức thư của Phan-chu-Trinh gửi Toàn quyền Bô như một hồi chuông cảnh tỉnh, hòa nhịp với tiếng gọi cứu nước của Phan-bội-Châu mở màn cho một thời kỳ đấu tranh với nội dung và phương thức mới. Trong không khí sôi nổi đả kích vào chính quyền thực dân đòi ban hành tự do dân chủ của xã hội Việt-nam trong những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ nhất mà chỉ đả kích bọn vua quan thì lời lẽ của Phan-chu-Trinh dù đanh thép, xác đáng vẫn có vẻ đơn điệu, cuối mùa.

Chúng ta bàn tiếp về các mặt khác trong tư tưởng chính trị của Phan-chu-Trinh. Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười mở đầu thời đại mà: « bất cứ ở một nước thuộc địa, nửa thuộc địa nào, nếu nổ ra cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, tức là chống chủ nghĩa tư bản quốc tế, thì cuộc cách mạng ấy không còn là một bộ phận của cách mạng thế giới cũ của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản nữa, mà là một bộ phận của cách mạng thế giới mới, tức là bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới của giai cấp vô sản » (2). Như thế là từ sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, xét về điều kiện khách quan, cùng với trào lưu cách mạng thế giới, cách mạng Việt-nam đã bước vào phạm trù dân chủ tư sản kiểu mới. Xét về điều kiện chủ quan, những tiền đề cho sự chuyển biến ấy cũng đã xuất hiện. Đó là phong trào đấu tranh mạnh mẽ của công nhân bước đầu biểu hiện ít nhiều tính chất độc lập, tính chất tổ chức. Đó là sự hoạt động của Nguyễn-ái-Quốc, ngay từ những năm đầu sau Cách mạng tháng Mười đã giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản. Đó còn là sự truyền bá chủ nghĩa Mác vào Việt-nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất bởi những người hoặc vì có cảm tình hoặc vì nhận thức được sứ mệnh lịch sử của nó. Trong hoàn cảnh ấy, chỉ với tư tưởng cải lương và nhận thức chính trị tư sản, dù được bổ sung, hoàn chỉnh đến mức nào đi nữa, Phan-chu-Trinh vẫn không còn trong hàng ngũ tri thức tiền tiến như hồi đầu thế kỷ XX. Phan-chu-Trinh lại ra sức thuyết phục nhân dân Việt-nam phải bồi dưỡng cho « quốc gia luân lý in sâu vào óc » trong khi công nhận rằng các nước Tây Âu đang bỏ « quốc gia luân lý bước lên xã hội luân lý » và « phong trào xã hội bây giờ như nước nguồn đương đổ thì không làm sao ngăn được ». Rõ ràng Phan-chu-Trinh đã trì hoãn một cách có ý thức sự tiến triển của Việt-nam theo trào lưu tiến bộ nhất của thế giới.

Phan-chu-Trinh thủy chung vẫn là một trí thức phong kiến hấp thụ tư tưởng tư sản đặc biệt là tư tưởng của Cách mạng tư sản dân quyền Pháp, phiêu diêu trong lĩnh vực tư tưởng và thoát ly thực tiễn của nước nhà trong gần nửa đời mình nên yêu cầu cứu nước cụ thể và biện pháp thực hiện từ trước đến sau vẫn giữ màu sắc trừu tượng, siêu thực. Trong khi đó giai cấp tư sản đã thành hình, mặc dù không thoát nổi con đường cải lương, vẫn có những đòi hỏi phục vụ thiết thực cho quyền lợi của nó hơn và hiện đang nóng lòng được thỏa mãn những đòi hỏi ấy (3). Đó là lý do chủ yếu khiến cho tác dụng tích cực của tư tưởng cải lương Phan-chu-Trinh sớm chấm dứt trong khi chủ trương cải lương nói chung vẫn còn tác dụng tích cực trong mức độ nhất định đối với lịch sử.

Và cũng chính do đấy, nếu vào đầu thế kỷ XX Phan-chu-Trinh là một trong những người cổ xúy và đi đầu trong phong trào duy tân thì giờ đây, giữa lúc cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ đang diễn ra khá gay gắt, Phan-chu-Trinh từ nước ngoài về, lại có vẻ như lạc lõng giữa lớp người mới thuộc những xu hướng chính trị khác nhau (4).

---

(1) *Giai cấp công nhân Việt-nam*. Trần-văn-Giàu. Sự thật 1961, trang 282.

(2) *Mao-trạch-Đông tuyển tập*, tập II trang 480. Sự thật. Hà-nội.

(3) Trong *Giai cấp công nhân Việt-nam*, tác giả muốn xem Phan-chu-Trinh là người đại diện cho cả cái trào lưu cải lương ở Việt-nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất (xem trang 278). Chúng tôi không tán thành kiến giải ấy với những lý do đã trình bày như trên và ở đoạn tiếp sau.

(4) — Trong *Giai cấp công nhân Việt-nam*, tác giả viết: « Ảnh hưởng của cụ bắt đầu

https://tieulun.hopto.org

III — KẾT LUẬN.

Nhìn lại toàn bộ cuộc đời hoạt động của Phan-chu-Trinh, chúng tôi thấy tính chất tích cực là mặt chủ yếu trong tác dụng của Phan-chu-Trinh chỉ thể hiện ở thời gian đầu thế kỷ XX tức là khi phong trào cách mạng trong phạm trù dân chủ tư sản kiểu cũ vừa mới phôi thai ở Việt-nam. Trái lại, từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nghĩa là từ khi cách mạng Việt-nam bắt đầu chuyển vào phạm trù dân chủ tư sản kiểu mới, Phan-chu-Trinh trở thành lạc hậu so với thời đại, ngôn ngữ văn từ bao hàm nhiều tính chất tiêu cực hơn và chúng tôi chưa dám nghĩ mức lạc hậu, tiêu cực ấy sẽ đi đến đâu nếu Phan-chu-Trinh còn sống rồi được vời về triều theo yêu cầu của ông để sửa sang công việc triều chính sau khi Khải-định mất.

Cuộc đời hoạt động chính trị của Phan-chu-Trinh khẳng định với chúng ta một chân lý: « nội dung cụ thể của chủ nghĩa yêu nước là do các điều kiện lịch sử quyết định » (1) và người chân thành yêu nước chỉ phát huy trọn vẹn tác dụng tích cực khi đã nhận thức được đúng đắn yêu cầu khách quan của công cuộc cứu nước trong thời đại mình. Thành bại còn tùy thuộc nhiều điều kiện, nhưng đã nhận thức được yêu cầu khách quan ấy, thất bại chỉ là tạm thời; và tiến bộ, thúc đẩy lịch sử tiến lên bao giờ cũng là ảnh hưởng chủ yếu của người mang hoài bão cứu nước với thời đại của mình. Dứt khoát một mất một còn với quân xâm lược ngoại lai là yêu cầu chung nhất, thiết yếu nhất trong lúc mà vấn đề cứu nước được đặt ra; nó sẽ quyết định ý nghĩa toàn bộ cuộc đời của người dấn thân vào quốc sự. Mọi cố gắng nhằm hòa hợp chính sách thống trị của bọn xâm lược với hoài bão cứu nước chẳng những sẽ là công dã tràng mà còn dẫn đến về lâu dài sự thoái lui từng bước, ít ra là trong tác dụng khách quan, khỏi hàng ngũ những người thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh tự giải phóng của nhân dân tiến lên.

Theo rõi Phan-chu-Trinh trên đường hoạt động, chúng ta thấy ông hình như bao giờ cũng đơn độc với chí hướng của mình. Lực lượng mà ông dựa vào trong giai đoạn đầu, theo ông dự tính, không quá mấy trăm quan lại nhưng thực sự đó chỉ là con số trừu tượng bởi vì chúng ta không thấy Phan-chu-Trinh chủ trì một tổ chức nào gắn chặt ông với hàng ngũ của mình. Sang đến giai đoạn sau, ông càng lẻ loi, đơn độc hơn. Ông có nói đến việc cần phải lập đoàn thể nhưng chúng ta khó mà hiểu ông muốn dựa vào ai. Bọn Việt gian bán nước, phường giá áo túi cơm bị ông khinh miệt đã đành, người hoạt động chính trị bất cứ thuộc xu hướng nào cũng không được ông trọng thị. Bọn già cả thì lù khù, bọn thiếu niên thì kiêu căng, cả một nước « phải ai tai nấy! Ai chết mặc ai! », Phan-chu-Trinh nhìn mọi người với cặp mắt khinh bạc như nhau. Thỉnh thoảng ông lại diễn thuyết, tiếp chuyện người này người khác nhưng rồi tan cuộc ai theo đường nấy và bản thân Phan-chu-Trinh cũng trở về với trạng thái gần như « duy ngã độc tôn » (2). Theo ý chúng tôi, chính lối hoạt động cô lập, tách rời quần chúng, là nguyên nhân chủ yếu khiến cho Phan-chu-Trinh trì trệ trong tư tưởng cải lương chứ không phải « vì thiếu tinh thần cầu tiến bộ nên (ông) không theo kịp trào lưu và không chịu theo trào lưu » (3). Phần tử trí thức có thể là người giác ngộ cách mạng đầu tiên nhưng « nếu những phần tử trí thức không kết hợp với quần chúng công nông thì không làm nên chuyện gì » (4), đó là một chân lý khác mà cuộc đời hoạt động chính trị của Phan-chu-Trinh đã khẳng định với chúng ta.

Phẩm bình, đánh giá Phan-chu-Trinh, mục đích cuối cùng của chúng ta là tìm lấy những bài học kinh nghiệm phục vụ cho công cuộc đấu tranh cách mạng đang tiếp diễn. Và chỉ có chúng ta, những người đang xây dựng một cách có ý thức hiện tại và tương lai của mình

(*Xem tiếp trang 66*)

---

ngừng lên trong số thanh niên tiến bộ và quần chúng ở Sài-gòn, thì cụ chết ».

— Ông Trần-huy-Liệu có cho biết cảm tưởng không lấy gì làm thú vị lắm trong những lần tiếp xúc với Phan-chu-Trinh ở Sài-gòn. Xem đoạn đầu bài «Nhớ lại ông già bến Ngự» (*Nghiên cứu lịch sử* số 47, tháng 2-1963).

— Paul Minet trong *Entre deux feux*, mặc dù xem Phan-chu-Trinh là « con người vĩ đại và cao thượng », cũng nhận xét:

Rồi, Phan về, qua mấy tháng trong im lặng và quên lãng, thấy thích thú từ giã cuộc sống (Puis, Phan revenu, après quelques mois dans le silence et l'oubli, eut le bon goût de mourir) tr. 36.

(1) Mao Trạch-Đông. Sách đã dẫn tr. 275.

(2) Về Phan-chu-Trinh, cụ Ngô-đức-Kế có viết: « Tính ông cứng cỏi ngay thẳng hay công kích người ta trước mặt, người nào biết ông lắm thì mới chơi với ông được vì thế cho nên ông ít vây cánh, ở nước nhà cũng thế, ở bên Tây cũng thế ».

(3) *Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh*. Tôn-quang-Phiệt. Nhà xuất bản Văn Sử Địa 1956, trang 118.

(4) Mao Trạch-Đông. Sách đã dẫn trang 330.

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC VỀ LỊCH SỬ
của PHAN-CHU-TRINH

TRƯỜNG - GIANG

PHAN-chu-Trinh bước vào cuộc đời hoạt động xã hội và chính trị từ những năm đầu thế kỷ XX cho đến khi ông mất vào năm 1926. Đó là một thời kỳ lịch sử mà phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta chuyển sang một giai đoạn mới. Lúc này ngọn cờ Cần vương không còn đủ uy tín và năng lực tập hợp nhân dân đứng dậy chiến đấu nữa rồi. Đồng thời, từ nước ngoài công cuộc duy tân tự cường của Nhật-bản, Trung-quốc, những làn sóng tư tưởng Âu Tây không ngớt dội ảnh hưởng vào nước ta; trong nước thì đi đôi với đợt khai thác qui mô lần I của thực dân Pháp, hàng loạt các giai cấp mới nảy mầm và xuất hiện: giai cấp tư sản, giai cấp công nhân và tầng lớp tiểu tư sản thành thị. Các giai cấp này dần dần trở thành những lực lượng quan trọng của phong trào yêu nước. Sự chuyển biến lớn lao ấy của lịch sử làm cho nhân dân ta nhất là những tầng lớp xã hội còn non trẻ nhìn thấy rõ ràng những tín điều phong kiến, những đạo đức lễ thói cổ xưa đã lỗi thời, lạc hậu và bất lực. Một khi hệ tư tưởng phong kiến không còn đáng tin cậy nữa, thì phong trào cứu nước của dân tộc ta phải đi tìm một phương hướng mới hiệu nghiệm hơn. Trong tình hình chủ nghĩa Mác chưa có điều kiện du nhập vào Việt-nam, mà giai cấp tư sản và tiểu tư sản trong nước lại không ngừng tiếp thu tư tưởng tư sản từ ngoài biên giới tràn vào, thì phương hướng cứu nước đó chỉ có thể được tìm kiếm trong hệ tư tưởng tư sản. Phong trào Đông-du, Đông kinh nghĩa thục, cuộc vận động duy tân ở Trung-kỳ v.v... là những sự thực chứng minh điều đó. Thế nhưng, lúc đương thời các giai cấp mới chưa kịp đào tạo ra tầng lớp trí thức của mình, thì lớp sĩ phu xuất thân trong làng khoa bảng đương nhiên trở thành đại biểu tư tưởng của phong trào cứu nước và có trách nhiệm tìm hướng đi cho phong trào. Họ là những người lần đầu tiên tiến công vào thành trì tư tưởng của chế độ phong kiến. Đối lập với thế giới quan phong kiến lạc hậu, thế giới quan chi phối mọi hoạt động cứu nước của họ là thế giới quan tư sản.

Tuy nhiên lớp sĩ phu này đại biểu cho các tầng lớp xã hội khác nhau trong phong trào yêu nước, do đó họ có những chủ trương cứu nước khác nhau. Song song với đường lối cách mạng bạo lực mà Phan-bội-Châu là đại biểu còn có chủ nghĩa cải lương dân tộc do Phan-chu-Trinh đề xướng. Chủ nghĩa cải lương dân tộc của Phan-chu-Trinh là sự phản ánh đặc tính của tầng lớp tư sản dân tộc Việt-nam mới bước vào đời. Đó là một tầng lớp vừa phụ thuộc về kinh tế vào đế quốc lại vừa bị đế quốc chèn ép; vừa muốn thoát khỏi mọi quan hệ phong kiến, lại vừa còn dính dáng đến sự bóc lột phong kiến. Hơn nữa nó rất yếu hèn và nhỏ bé nên chỉ mong được phát triển trong khuôn khổ hợp pháp, chứ không dám dấn thân vào con đường bão táp cách mạng.

Chủ nghĩa cải lương của Phan-chu-Trinh gắn liền với những quan điểm triết học về lịch sử của ông. Đấy là những quan điểm phản ánh thế giới quan của tầng lớp tư sản dân tộc Việt-nam mới bước vào đời. Những quan điểm này là một bước tiến bộ so với hệ tư tưởng của giai cấp phong kiến suy tàn. Nhưng vì nó bắt nguồn từ một tầng lớp xã hội có cả mặt tích cực lẫn tiêu cực và lại xuất hiện khi mà hệ tư tưởng tư sản trên thế giới đã lỗi thời cho nên nó có tính chất duy tâm và siêu hình. Điều đó làm cho nó mau chóng thành ra lạc hậu, nhất là khi chủ nghĩa Mác — Lê-nin du nhập vào Việt-nam. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã một phen đấu tranh với quan điểm này trong quá trình du nhập vào quần chúng. Ngày nay chúng ta vẫn còn phải tiếp tục giương cao hơn nữa ngọn cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin để tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ mới của cách mạng thì việc trở lại phân tích quan điểm triết học về lịch sử của Phan-chu-Trinh cũng là một điều bổ ích và cần thiết.

I

Các nhà tư tưởng của giai cấp phong kiến nước ta hồi cuối thế kỷ XIX thường lấy giáo điều Khổng Mạnh làm tiêu chuẩn của chân lý, lấy xã hội thời Nghiêu Thuấn làm khuôn vàng thước ngọc để đánh giá mọi triều đại, mọi biến cố lịch sử. Họ chủ trương duy nghĩ độc

https://tieulun.hopto.org

tôn» và khư khư giữ mãi cái quan niệm «nội hạ ngoại di không thèm hỏi đến chính thuật và kỹ năng của nước khác», «cho xưa là phải nay là quấy, không chịu xem xét kiến thức và những sự suy nghĩ bàn luận của người sau» (1). Thế nhưng thực tế lịch sử đã chứng tỏ những đạo lý thánh hiền của họ không cứu vãn nổi nguy cơ mất nước, và chế độ phong kiến mà họ muốn duy trì cũng phải tan vỡ một cách mau chóng trước sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Đã đến lúc những tư tưởng hủ lậu không hợp thời đó cần được phủ định. Cùng với hàng loạt các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX, Phan-chu-Trinh đã công nhiên tuyên bố bác bỏ những tư tưởng đó. Ông nhận rõ những nguyên lý giáo điều chết cứng của nho học hiện hành trở nên bất lực trước tình thế mới. Nó không có khả năng đưa nước nhà lên đường văn minh và tiến bộ, trái lại chỉ làm cho dân ta «mờ ám trí khôn», «chí khí tiêu tán, tinh thần yếu hèn» đến nỗi «so với các nước Âu Á xa cách không thể lấy dặm mà tính được» (2). Bởi vậy ông chủ trương phải học lấy cái văn minh Âu Tây và «đem cái sự học của Âu Tây để so sánh lại với cái học cũ của ta, xem điều gì hay điều gì dở cho người ta xét đoán mà tìm lấy đường tiến tới về sau» (3).

Giờ đây muốn mở mắt ra học lấy cái văn minh của nước ngoài thì không thể chỉ biết tôn sùng nho học là «chính đạo», còn bài bác các «học thuyết Âu Tây» là «tà thuyết». Xuất thân là một sĩ phu, Phan-chu-Trinh không từ bỏ Khổng Mạnh mà vẫn đề cao đạo lý của Khổng Mạnh. Nhưng mặt khác quan trọng hơn là ở chỗ ông hết lòng ngưỡng mộ tư tưởng tự do, dân chủ, bình đẳng v.v... ở các nước Âu Tây. Ông coi đó là công lý tuyệt đối siêu giai cấp, siêu thời đại. Công lý đó trở thành hiện thực với nền dân chủ tư sản phương Tây. Theo ông, thì «ngày nay nghĩa ấy đã như mặt trời chói lọi giữa trời, phàm các dân tộc văn minh ở trên thế giới đều cần dùng như nước lửa lúa gạo; tin cẩn như kim khoa ngọc luật, thuận thì được thịnh mà nghịch thì mất ngay, các nước lập hiến đều noi theo như thế» (4). Còn đạo lý Khổng Mạnh, thì được ông gọt rũa cho phù hợp với thời đại mới, hợp lý với yêu cầu tự do dân chủ của tầng lớp tư sản dân tộc Việt-nam lúc đương thời. Cho nên đạo Khổng Mạnh tự nhiên cũng trở thành tiếng nói của công lý đó.

Thế là ở Phan-chu-Trinh, một công lý tuyệt đối đã được thừa nhận. Công lý đó là tuyệt đối vì nó đúng trong mọi trường hợp không phân biệt chủng tộc giai cấp, không phân biệt xưa và nay. Ở đây, một chân lý, một lẽ phải hợp với công bằng và đạo nghĩa được nêu ra cho tất cả mọi người. Xuất phát từ đó mà Phan-chu-Trinh đưa «Thư gửi Toàn quyền Bô». Trong thư này, ông vạch rõ những chính sách của chính phủ bảo hộ và tình cảnh bi thảm của xã hội Việt-nam lúc đương thời là không hợp lý, không hợp với đạo nghĩa. Nhưng sở dĩ như thế là vì chính phủ «bảo hộ» còn lầm lẫn chưa hiểu rõ sự thật cho nên chưa nhận ra cái chân lý, cái lẽ phải tuyệt đối đó mà thôi. Bởi vậy Phan-chu-Trinh đã giảng lý lẽ với chính phủ bảo hộ «thổ lộ gan ruột, trình bày lợi hại» với chúng, mong chúng «hối ngộ» biết được lẽ phải, để từ đó đề ra những biện pháp cải cách cần thiết nhằm đưa nước ta lên đường tiến bộ. Như vậy thành ra vấn đề là ở chỗ bọn thực dân Pháp có nhận thức được công lý và lẽ phải tuyệt đối hay không quyết định vận mệnh và sự phát triển của xã hội nước ta lúc đương thời.

Trong «Thất điều trần», Phan-chu-Trinh đã lấy cái công lý, cái lẽ phải vĩnh hằng làm tiêu chuẩn để phê phán và buộc tội Khải-định. Công lý mà ông dựa vào tựa hồ như vừa kết tinh được những lời giáo huấn của Khổng-tử và Mạnh-tử, lại vừa bao hàm được mọi tinh hoa của các «học thuyết Âu Tây». Đó chính là tư tưởng về tự do, dân chủ, về bình đẳng và dân quyền của xã hội tư sản. Đồng thời đó cũng là cái đạo trị nước, đạo nhân chính đòi vua phải tôn trọng bề tôi và phải được lòng dân của Khổng Mạnh đã bị «tư sản hóa». Dưới ánh sáng của chân lý ấy, Phan-chu-Trinh vạch ra những mặt sai trái và phi lý của chế độ quân chủ chuyên chế, nêu ra những lỗi lầm của Khải-định. Ông nói: Khải-định «rõ ràng là bội nghịch với cái giáo nghĩa của ông Khổng Mạnh, trái với văn minh thế giới thì không những rằng dân nước Nam này không dung mà chắc rằng nước Pháp cũng đem lòng giận» (4). Thế là cả cái nước Pháp tư bản chủ nghĩa lẫn nhân dân ta đều phải bất bình trước những lỗi lầm của Khải-định vì cả hai đều tôn thờ một công lý chung, đều có cùng một tiêu chuẩn để đánh giá con người. Sở dĩ Khải-định làm nhiều điều trái với công lý là vì y chưa nhận thức được công lý mà thôi. Bởi vậy Phan-chu-Trinh đã trách Khải-định là «chi ngu», là «mặt dày mày dạn không biết xấu hổ» và «chưa từng đọc đến lịch sử cách mạng nước Pháp» (4). Và nếu đã như vậy thì tội lỗi của Khải-định trở thành một hiện tượng ngẫu nhiên vì nó là kết quả của việc có nhận thức được

1. «Văn minh tân học sách».
2. «Thư gửi Toàn quyền Bô.»
3. «Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa».
4. «Thất điều trần».

https://tieulun.hopto.org

hay không công lý tuyệt đối. Điều này chứng tỏ ở đây những yếu tố thuộc về ý thức, tinh thần lại đóng vai trò quyết định. Cho nên Phan-chu-Trinh vẫn có lòng trông mong Khải-định «còn có một chút thiên lương mà hối ngộ ra tin rằng quân quyền không có thể cậy được, dân quyền không có thể đoạt được, mau mau hãy quay đầu lại mà thoái vị đi» (1). Thực ra, đó chỉ là cách nhìn duy tâm xa rời chân lý khách quan mà thôi. Bởi vì những hành vi sai trái của Khải-định không phải do ý thức quyết định mà chính là cái tất nhiên phải có ở một tên vua cam tâm bán nước để hòng bảo vệ quyền lợi giai cấp và quan hệ sản xuất phong kiến suy tàn.

Quan niệm về công lý tuyệt đối của Phan-chu-Trinh càng nổi bật lên trong lĩnh vực đạo đức. Ông khẳng định rằng: «Người có đạo đức tức là người có ở trong đạo làm người vậy, đạo đức đã như thế thì không có mới có cũ, có đông có tây nào nữa. Dầu các nhà bác học xướng ra học thuyết nào khác nữa, dầu các chính thể khác nhau, hoặc quân chủ dân chủ, hoặc cộng sản nữa cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lý của đạo đức nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được» (2). Cái chân lý của đạo đức mà Phan-chu-Trinh nêu ra đây là vĩnh viễn và bất biến, không có giới hạn trong không gian và thời gian, không phân biệt giai cấp. Nó đúng trong mọi trường hợp và trở thành một tiêu chuẩn, một công lý chung cho hành vi của mỗi người trong xã hội. Nó chẳng những là linh hồn của giáo lý đạo đức Khổng Mạnh, mà còn là linh hồn của đạo đức tư sản Âu Tây mà ông coi là một thứ đạo đức hoàn thiện. Do đó, Phan-chu-Trinh cho rằng giữa nền đạo đức Khổng Mạnh và đạo đức Âu Tây có sự thống nhất với nhau về chân lý và đạo nghĩa. Bởi thế ông chủ trương «đem văn minh Âu châu về đã không hại gì mà lại còn làm cho rõ ràng thêm đạo Khổng Mạnh ra», «đạo Khổng Mạnh đã mất đi rồi nay ta muốn có một nền đạo đức luân lý vững vàng thì không chi bằng ta hết sức đem cái chủ nghĩa dân chủ ở Âu châu về» (2).

Khái niệm đạo đức của Phan-chu-Trinh mang một nội dung trừu tượng chết cứng vì nó không có liên quan gì đến nhu cầu thực tế và lợi ích của người ta trong một thời đại nhất định. Đôi khi ông cũng nhìn thấy những biến đổi cụ thể của đạo đức. Nhưng ông lại coi những biến đổi cụ thể đó là nội dung của khái niệm luân lý. Mà luân lý theo ông «chỉ là một phần đạo đức», chỉ là sự biểu hiện bề ngoài của đạo đức vĩnh viễn giống «như cái áo tùy người lớn nhỏ mà thay đổi» (2). Phan-chu-Trinh đưa ra cái gọi là khái niệm luân lý là để chống lại quan niệm về đạo đức của các nhà nho thủ cựu và đòi hỏi sự thay đổi một số quan hệ giữa người và người của xã hội phong kiến. Điều đó hoàn toàn không làm lu mờ cái công lý tuyệt đối, cái đạo nghĩa bất biến trong quan niệm về đạo đức của ông.

Đối với Phan-chu-Trinh thì đạo đức chẳng những không phụ thuộc vào tồn tại xã hội mà còn đóng vai trò «làm gốc» cho sự thịnh suy của một dân tộc, một quốc gia. Hễ dân tộc nào tỉnh ngộ nhận thức và thực hiện được chân lý tuyệt đối của đạo đức thì dân tộc đó cường thịnh. Còn dân tộc nào không có đạo đức thì sẽ suy vong. Ông vạch ra rằng: «Nước ta mất cũng vì mất đạo đức luân lý, dân ta hèn cũng vì mất đạo đức luân lý, bị người ta khinh bỉ dày xéo cũng vì mất đạo đức luân lý, vậy thì ta phải sửa đổi bồi đắp nền đạo đức luân lý của ta lên» (2). Trái lại, ông giải thích sự giàu mạnh của nước Nhật và các nước tư bản Âu Tây sở dĩ có được là do họ có «nền đạo đức cao hơn ta», do họ «khôn ngoan» sớm từ bỏ xiềng xích của nền quân chủ chuyên chế để tiếp thu ánh sáng của công lý và đạo nghĩa. Còn «dân tộc nào bị té nhào xuống nay muốn đứng lên khỏi người đè lên trên thì lại cần phải có một cái nền đạo đức vững chặt hơn các dân tộc hiện đang giầu mạnh hơn mình» (2). Như vậy cái đạo đức muôn thuở của Phan-chu-Trinh trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định trong đời sống xã hội. Nhưng vì sao đạo đức lại tồn tại? Vì sao mỗi dân tộc có một nền đạo đức khác nhau? Vì sao như ông đã nói là dân tộc này có đạo đức còn dân tộc khác thì không có đạo đức? Do chỗ không xuất phát từ đời sống vật chất của xã hội nên Phan-chu-Trinh lúng túng không giải đáp được những vấn đề đó.

Phan-chu-Trinh rất tán dương nền đạo đức luân lý phương Tây.. Ông cho rằng: «Nền đạo đức của họ cao hơn ta là nhờ họ đã thấm nhiễm những tư tưởng tự do truyền bá từ thời Hy-lạp La-mã trở xuống». Và trong trường hợp khác, ông ta khẳng định họ có những hành vi đạo đức tốt đẹp «là vì người ta có đoàn thể, có công đức biết giữ lợi chung vậy», là vì «người ta ăn học biết xét kỹ thấy xa» (2). Còn đối với nước nhà lúc đó sở dĩ luân lý suy đồi đạo đức «mất hết», như ông đã nói là do cái «học khoa cử năm, sáu trăm năm di độc lại» (2), do «bọn học trò trong nước mắc cạm quyền tước ham bả vinh hoa của các triều vua» (2). Tuy nhiên quan điểm đó không được kiên trì đến cùng. Bởi vì bên cạnh quan điểm đó, ông còn chủ trương sự «hưng vong» của đạo đức phụ thuộc vào chế

(1) «Thất điều trần».

(2) «Đạo đức và luân lý Đông Tây».

https://tieulun.hopto.org

độ chính trị. Ông nhắc lại lời nói của Mông-te-ski-ơ: « Dân sống ở dưới quyền chuyên chế của vua thì chẳng biết gì là đạo đức, chỉ lấy thế vị lớn nhỏ làm danh vị thôi, duy dân chủ mới thật có đạo đức vậy » (1). Hơn nữa, ông còn nhấn mạnh rằng: « Ấy chúng ta muốn nước ta có nhà đạo đức thiệt thì nhân dịp này phá tan cái dây xích chuyên chế đã ràng buộc ta mấy ngàn năm nay và thâu nhận những tư tưởng tự do của Âu châu đã làm cái phương thuốc cho người ta vậy. Nếu có thế thì sau người có đạo đức mới sống ở đất này được » (2).

Mặc dù ông Phan-chu-Trinh tỏ ra lúng túng không kiên định khi giải thích những vấn đề trên đây của đạo đức, nhưng chung quy lại theo quan niệm của ông thì nguồn gốc và nguyên nhân quyết định các hiện tượng đạo đức trong lịch sử không ra ngoài phạm vi của tư tưởng và ý thức. Ngày cả khi ông vạch rõ sự lệ thuộc của đạo đức vào chế độ chính trị thì đó cũng không phải là quan điểm duy vật. Vì chế độ chính trị theo ông cũng chỉ là kết quả của tư tưởng mà thôi. Ví dụ, ông coi nguyên nhân của sự tồn tại dai dẳng và ngoan cố của nền quân chủ phương Đông là cái dục vọng quân chủ quá nặng của bọn vua quan và sự mê tín chế độ quân chủ của nhân dân. Còn chế độ dân chủ ở Âu tây xuất hiện là do các « bậc hiền triết » ngẫu nhiên nhận thấy chế độ đó với những khẩu hiệu tự do bình đẳng là hợp với công lý và đạo nghĩa. Công lý đó chinh phục được lòng tin của tất cả mọi người. Bấy nhiêu ví dụ chứng tỏ rằng cả khi bắt đạo đức lệ thuộc vào chính trị, Phan-chu-Trinh cũng không xa rời quan điểm nhất nguyên luận duy tâm về lịch sử.

Cái đạo đức tuyệt đối siêu giai cấp của Phan-chu-Trinh trở thành một cái gì bẩm sinh vốn có của con người nói chung, con người trừu tượng. Ông đã dùng nó như một cái thước đo hành vi của mọi người trong xã hội, như một viên quan tòa lên án quan hệ đạo đức phong kiến là trái với công lý là kết quả của sự ngu dốt. Ở đây, đạo đức chi phối hành vi của con người, nhưng tự nó không phụ thuộc vào đời sống vật chất và những quan hệ kinh tế của xã hội. Nhiều lắm thì nó cũng chỉ có quan hệ lệ thuộc và chi phối lẫn nhau với các yếu tố của kiến trúc thượng tầng mà thôi.

Thế nhưng, trái với quan điểm đó, thực tế lịch sử nước ta khoảng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ rằng đạo đức không phải là bất biến mà đang có những chuyển biến quan trọng: đạo đức tư sản mới nảy sinh đối lập với đạo đức phong kiến và dần dần lấn át đạo đức phong kiến. Sự chuyển biến này diễn ra trên cơ sở quan hệ sản xuất phong kiến đang lùi dần để nhường chỗ cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu được xác lập ở Việt-nam với sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc và sự hình thành của giai cấp tư sản bản xứ. Cho nên trong hoàn cảnh đó, đạo đức tư sản tiến bước và đạo đức phong kiến suy tàn không phải là ngẫu nhiên mà đúng như Ăng-ghen nói « là sản phẩm của tình hình kinh tế của xã hội lúc bấy giờ » (3).

Tóm lại, những kiến giải duy tâm của Phan-chu-Trinh về các vấn đề của đời sống xã hội chủ yếu là các vấn đề chính trị và đạo đức đã gắn liền với quan niệm của ông về công lý tuyệt đối. Sự biểu hiện rực rỡ của công lý tuyệt đối ấy chính là cái xã hội tư sản phương Tây mà ông vô cùng hâm mộ. Chế độ xã hội này được ông cụ thể hóa bằng nền dân chủ tư sản của nước Pháp với cái chế độ pháp trị và những nguyên tắc tự do bình đẳng, những quan hệ đạo đức mà ông gọi là quốc gia luân lý và xã hội luân lý.

Con đường cứu nước của Phan-chu-Trinh là con đường phấn đấu cho sự thực hiện ở nước ta một xã hội như vậy. Đó là một xã hội phù hợp với công lý vĩnh cửu. Bởi vậy ông cho rằng xã hội đó còn chưa xuất hiện ở nước ta là do trình độ dân trí quyết định, do nhân dân ta còn « ngu dại » chưa nhận thức được công lý và đạo nghĩa. Do đó khi thấy nước ta yếu, dân ta hèn thì ông không qui tội cho bọn đế quốc xâm lược mà lại đổ lỗi cho sự « ngu dại » của dân ta. Ông viết: « Ông Khổng nói rằng: « tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi » nghĩa là mình tốt thì trời đất giúp thêm cho mà mình đã nghiêng đổ thì trời đất xô dập thêm. Ông Mạnh cũng nói rằng: « Nhân tất tự vũ nhi hậu nhân vũ chi » nghĩa là mình có tự khinh mình thì người ta mới khinh mình. Vậy thì không trách mình thì còn trách ai? » (4). Rõ ràng quan niệm đó không thể tạo ra được lòng căm thù đế quốc mà chỉ đi đến chỗ « tự trách mình » thôi.

Tư tưởng duy tâm chủ nghĩa về công lý tuyệt đối của Phan-chu-Trinh là một bước tiến đáng kể so với hệ tư tưởng phong kiến bảo thủ và phản động. Nó đối lập hẳn với quan điểm « duy ngã độc tôn », « Khổng Mạnh ngô tổ sư, Hán Đường ngô đế quốc » của các nhà nho thủ cựu và cổ động cho sự học tập văn minh nước ngoài, trước hết là văn minh Âu Tây. Nhưng vì nó mang tính chất vĩnh cửu và siêu giai cấp cho nên bên cạnh mặt tích cực đó, nó còn có mặt tiêu cực. Nó làm lu mờ sự

---

1 và 2: « Đạo đức và luân lý Đông Tây ».

3. *Chống Đuy-rinh* — tr. 161.

4. « Đạo đức và luân lý Đông Tây ».

https://tieuluan.hopto.org

xung đột giai cấp và đấu tranh giai cấp, xóa nhòa ranh giới giữa ta và địch, do đó làm yếu phần nào tinh thần chiến đấu chống đế quốc của nhân dân ta lúc đương thời. Khi tính chất giai cấp của cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ của nước ta dần dần được xác định, khi mà chủ nghĩa Mác — Lê-nin bắt đầu xâm nhập vào Việt-nam, thì đương nhiên nó trở thành chướng ngại vật trên con đường phát triển của phong trào cách mạng.

II

Ngay quan niệm về công lý tuyệt đối của Phan-chu-Trinh cũng chứng tỏ về mặt chân lý và đạo nghĩa về mặt lý tưởng thì không có sự phân biệt giai cấp. Nó nhấn mạnh vào tính thống nhất, chứ không phải tính mâu thuẫn trong nội bộ xã hội. Không nhìn thấy mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp là một điểm nổi bật trong thế giới quan của Phan-chu-Trinh.

Sự phân hóa giai cấp và bất bình đẳng ở Việt-nam và trên thế giới lúc bấy giờ đã là một sự thật không thể chối cãi được. Phan-chu-Trinh cũng phải thừa nhận trong xã hội có sự phân biệt giữa kẻ giàu người nghèo, kẻ sang người hèn, kẻ mạnh người yếu. Thậm chí có lúc ông đã nhận thấy giữa nhà tư bản và người lao động « tách biệt nhau quá người ngồi ăn không, kẻ cắm đầu làm thành ra kẻ lao động với người tư bản xung đột nhau » (1). Song ông không coi sự « tách biệt » và « xung đột » ấy là kết quả tất nhiên của xã hội có mâu thuẫn giai cấp, có sự phân chia thành « nhà tư bản » với « người lao động », mà lại coi đấy là « cái dở » cần « có thuốc chữa ngay » (2). Đối với Phan-chu-Trinh, giữa kẻ giàu người nghèo, giữa kẻ sang người hèn, giữa kẻ mạnh người yếu không có sự đối kháng căn bản nào về quyền lợi cần được giải quyết bằng đấu tranh giai cấp. Sự phân biệt đó trong xã hội tựa hồ như không ngăn cản tình đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau giữa mọi người.

Trong xã hội có giai cấp, mối quan hệ cơ bản giữa người và người, theo Phan-chu-Trinh, không phải là quan hệ giai cấp mà « chính là trong nước thì người này đối với người kia, suy rộng ra thế giới thì lấy loài người đối với loài người » (3). Đó là quan hệ xã hội lý tưởng mà ông vẫn kỳ vọng. Cái khái niệm « người này » « người kia », « loài người » v.v... chỉ là những thuật ngữ khác nhau cùng diễn tả con người trừu tượng siêu giai cấp. Và ông quan niệm một xã hội hoàn thiện là sự thống nhất một cách giản đơn những con người trừu tượng cùng tôn thờ một công lý vĩnh cửu ấy.

Do chỗ không biết đến quan hệ giai cấp, Phan-chu-Trinh chỉ nhìn thấy những mối liên hệ bề ngoài của xã hội phong kiến mà các bậc thánh hiền của đạo nho đã từng nêu ra. Đó là quan hệ giữa vua và tôi, giữa quan lại và nhân dân, giữa cha và con v.v... Ông đặc biệt nhấn mạnh vào mối liên hệ giữa nhà nước tức bộ máy vua quan phong kiến với quốc dân, và coi đấy là mối quan hệ thường xuyên chi phối mọi biến cố lịch sử. Dưới chế độ phong kiến chỉ có mối liên hệ này là đáng kể, đáng được chú ý cải thiện, còn mọi sự xung đột trong xã hội đều không hợp lý. Quan niệm đó có lý do lịch sử của nó. Như Ăng-ghen đã nói: trong các chế độ xã hội trước đây « cuộc đấu tranh giai cấp giữa những giai cấp đã tồn tại và đã chống đối lẫn nhau được phản ánh trong cuộc đấu tranh giữa chính phủ và phe đối lập, nhưng cũng dưới hình thái đảo ngược, được phản ánh một cách không phải là trực tiếp nữa mà là gián tiếp, không phải như một cuộc đấu tranh giai cấp mà như một cuộc đấu tranh cho những nguyên tắc chính trị và đã bị đảo ngược đến nỗi chúng ta phải mất hàng nghìn năm mới tìm ra được sự bí ẩn » (4). Bởi vậy, trong hoàn cảnh một nước thuộc địa và nửa phong kiến, Phan-chu-Trinh cũng khó mà thấy được cuộc đấu tranh giai cấp ẩn dấu đằng sau « cuộc đấu tranh giữa chính phủ và phe đối lập ». Quan hệ giữa « chính phủ và đối lập » đã che lấp sự thật làm Phan-chu-Trinh không nhận rõ giai cấp địa chủ và quyền chiếm hữu ruộng đất của chúng là nền tảng của chế độ phong kiến. Do đó ông chỉ tập trung sức lực vào việc đả kích kiến trúc thượng tầng của chế độ phong kiến, nhất là về mặt Nhà nước và ý thức hệ. Còn sự thay đổi cơ sở kinh tế và quan hệ giai cấp của chế độ đó thì ông chưa bao giờ nghĩ đến.

Cũng về vấn đề nhà nước và « chính phủ », Phan-chu-Trinh đã chịu ảnh hưởng của lý luận nhà nước siêu giai cấp của các nhà khai sáng Pháp và các nhà tư tưởng tư sản. Ông đòi hỏi chính quyền nhà nước phải đại biểu cho ý chí của mọi người công dân, và xem điều đó như một công lý, một yêu cầu của con người trong hiện tại và cả trong quá khứ lẫn tương lai. Qua lăng kính của công lý ấy, Phan-chu-Trinh nhìn thấy: « chánh thể ngày xưa mỗi khi trao quyền tước cho ai thì có cả mọi người trong triều đều bằng lòng, làm

1, 2 và 3. « Đạo đức và luân lý Đông Tây ».
(4). Một số thư về chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác và Ăng-ghen, tr. 88.

https://tieulun.hopto.org

tội người ở ngoài chợ thì có cả mọi người đều vừa ý, hai điều ấy nếu không công bằng thì quốc dân cần đến cái chính phủ này làm gì» (1). Vả lại bộ máy vua quan phong kiến đúng ra chỉ là một cơ quan thay mặt dân làm việc, «nếu làm không xong thì nó đuổi đi cũng không có lỗi gì» (2). «Còn nói về học thuyết Âu Tây thì nước là nước của dân, đặt ra triều đình để chịu phần ủy thác của quốc dân còn ông vua hay quan tổng thống thì tức là người đại biểu trong một nước cũng như một công ty nào có người «xếp» vậy. Đã chịu phần ủy thác, đã được hưởng những quyền lợi thì phải làm sao cho đầy đủ cái bổn phận của mình» (3). Bấy nhiêu điều giải thích đó của Phan-chu-Trinh cho ta thấy rằng nhà nước dù là quân chủ hay cộng hòa cũng không phải là công cụ thống trị của giai cấp, mà công lý và đạo nghĩa đòi hỏi nhà nước phải hoạt động vì lợi ích của toàn thể xã hội.

Xuất phát từ quan điểm nhà nước «toàn dân» đó, Phan-chu-Trinh phê phán bộ máy nhà nước phong kiến chuyên chế «như một cái gia tài riêng» của bọn vua chúa tùy ý «muốn truyền cho con cháu đời này qua đời khác» (4) là không hợp lý. Ông kịch liệt phản đối chế độ chính trị «lấy theo ý riêng của một người hay một triều đình mà trị một nước» (5), và đòi hỏi cho «quốc dân» được lo toan việc nước.

Phan-chu-Trinh chán ghét nhà nước chuyên chế phong kiến, nhưng ông lại rất ca ngợi nhà nước tư sản vì nó là hiện thân của nhà nước «toàn dân». Với chế độ cai trị bằng hiến pháp và pháp luật, nhà nước tư sản trở thành một cơ quan hành chính rất công tâm và tự nó tồn tại theo ý muốn của tất cả mọi người. Phan-chu-Trinh vạch rõ: «Theo cái chủ nghĩa dân trị thì tự quốc dân lập ra hiến pháp, luật lệ, đặt ra các cơ quan để lo việc chung cả nước, lòng quốc dân muốn thế nào thì làm thế ấy» (6). Đứng trước nhà nước và pháp quyền tư sản, ông thấy rằng «mọi người đều bình đẳng không ai là quan, ai là dân cả» (7). Ở đây nhà nước và pháp quyền không bênh vực cho một giai cấp nào mà công bằng đến nỗi «khi có điều gì phạm đến pháp luật thì người nào cũng như người nào, từ ông Tổng thống cho đến người nhà quê cũng đều chịu theo một pháp luật như nhau» (8).

Phan-chu-Trinh đã không công nhận mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội thì tất nhiên không tránh khỏi quan điểm nhà nước «toàn dân» siêu giai cấp như vậy. Nhưng quan điểm đó hoàn toàn không phù hợp với sự thật. Vì xưa nay nhà nước bao giờ cũng là «một cơ quan thống trị giai cấp, là một cơ quan áp bức của một giai cấp này đối với giai cấp khác» (9). Ngay cả nhà nước ở các nước tư bản mà Phan-chu-Trinh cho là dân chủ và hoàn thiện nhất thực ra như Lê-nin: nói «chẳng qua cũng chỉ là một bộ máy đàn áp của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân, của một nhúm tư bản đối với quần chúng lao động mà thôi» (10).

Nhưng trong những năm đầu thế kỷ XX do những hạn chế của lịch sử, Phan-chu-Trinh một sĩ phu chịu ảnh hưởng nặng nề của hệ tư tưởng tư sản thì cũng khó lòng có được một tư tưởng tiến bộ hơn thế. Vào thời kỳ lịch sử này, cái lý luận nhà nước «toàn dân» siêu giai cấp của Phan-chu-Trinh một mặt góp phần vào cuộc đấu tranh cho những yêu cầu dân chủ và «dân quyền» của nhân dân, nhưng mặt khác lại làm cho nhân dân không thấy được bản chất giai cấp của «nhà nước bảo hộ» thực dân, để làm cách mạng đập tan nhà nước đó.

Với quan điểm siêu giai cấp về các quan hệ xã hội, Phan-chu-Trinh chẳng những phủ nhận bản chất giai cấp của «nhà nước bảo hộ» thực dân mà còn phủ nhận cả sự đối kháng giữa một bên là nhân dân ta và một bên là thực dân Pháp xâm lược. Phan-chu-Trinh lại nghĩ rằng mâu thuẫn giữa nhân dân ta và thực dân Pháp chỉ là hiện tượng tạm thời, vì một khi Pháp — Nam hiểu biết và thông cảm lẫn nhau thì hiện tượng ấy sẽ chấm dứt. Ông tin tưởng «chính phủ bảo hộ» biết «hối ngộ», hiểu rõ được công lý và đạo nghĩa, rồi «không cái gì là không lần lượt cải lương» thì «chỉ sợ nước Pháp bỏ nước An-nam mà đi còn ai xem nước Pháp là thù địch nữa»(11). Theo quan niệm của ông, thái độ của nhân dân ta đối với thực dân Pháp đang thống trị trên đất nước thân yêu của mình không phải là thái độ căm thù mà là thái độ hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Thái độ đó là: «Hễ người ta làm việc gì bất công thì mình phải hiệp sức nhau lại mà chống, còn làm việc gì phải chăng thì mình cũng phải nhìn nhận, chớ có thấy chính quyền mình mất rồi mà đem lòng căm tức không kể đến việc hay của người ta» (12). Như vậy rõ ràng Phan-chu-Trinh không hề

(1). «Thất điều trần».
(2). «Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa».
(3). «Thất điều trần».
(4), (5), (6), (7) và (8): «Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa».
(9). Lênin — *Nhà nước và cách mạng* — tr. 12.
(10). Lê-nin — *Đề cương báo cáo về chế độ dân chủ tư sản và chuyên chính của giai cấp vô sản*, tr. 25.
(11). «Thư gửi Toàn quyền Bô».
(12). «Đạo đức và luân lý Đông Tây».

https://thuviensach.vn

biết đến tính tất yếu của mâu thuẫn giữa dân tộc ta và thực dân Pháp thống trị nên đã đi đến chủ trương điều hòa hai mặt của mâu thuẫn đó.

Sự điều hòa này làm cho chủ nghĩa yêu nước mà Phan-chu-Trinh nêu ra trong lý thuyết về đạo đức của mình trở thành một khái niệm rỗng tuyếch không có nội dung. Ông đã gạt bỏ hành động cứu nước chống xâm lược ra khỏi nội dung của chủ nghĩa yêu nước. Đối với ông, yêu nước không có nghĩa là đánh đuổi thực dân Pháp để giải phóng dân tộc vì «thương nước là tính tự nhiên trời đã phú cho không thù nghịch gì với người Pháp» (1). Ông còn nhấn mạnh: «Cái thương nước mà tôi nói ở đây không phải là xui dân «tay không nổi lên», hoặc lạy nước này cầu nước khác về phá loạn trong nước đâu» (2). Cuối cùng, cái còn lại trong chủ nghĩa yêu nước của Phan-chu-Trinh chỉ là ý thức quốc gia tư sản, là sự ước ao tự do, độc lập, tiến bộ và phồn vinh của đất nước một cách mơ hồ và trừu tượng. Chủ nghĩa yêu nước đó có liên hệ tất nhiên với việc Phan-chu-Trinh tách rời một cách siêu hình giữa yêu nước với căm thù, giữa lợi ích dân tộc với lợi ích của bọn đế quốc xâm lược. Ông đã nói: «Lòng yêu nước của dân Việt-nam, có làm gì hại đến quyền lợi của người Pháp không? tôi xin thưa rằng không», «tôi cảm tưởng nếu người Pháp họ không cho ta thương nước, để ta nằm ỳ mãi ra đó thì đã không lợi gì cho họ mà lại khiến cho ta chán nản không tội gì trung thành một cách vô ích với họ nữa» (3). Do đó chủ nghĩa yêu nước của Phan-chu-Trinh trở nên xa lạ đối với đông đảo quần chúng đang sôi sục căm thù thực dân Pháp cướp nước.

Nhưng dù sao chủ nghĩa yêu nước cũng như cái nghĩa «hợp quần» «hợp chủng» siêu giai cấp của Phan-chu-Trinh vẫn là một đòn đánh mạnh vào quan niệm trung quân của đạo đức phong kiến, làm thức tỉnh ý thức dân tộc, ý thức quốc gia tư sản trong nhân dân. Tuy nhiên mặt tiêu cực của nó là ở chỗ đã làm cho nhân dân quên mất kẻ thù chính của mình là thực dân Pháp. Bởi vậy, ngay từ lúc đương thời, chủ nghĩa yêu nước đó đã tỏ ra lạc hậu so với chủ nghĩa yêu nước của Phan-bội-Châu. Và về sau, nó càng tỏ ra bất lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước.

Đến đây, chúng ta có thể thấy, chủ nghĩa yêu nước, quan điểm nhà nước «toàn dân» và sự kiến giải về quan hệ giữa dân tộc ta và thực dân Pháp của Phan-chu-Trinh có liên hệ về mặt lô-gích với quan niệm của ông về cái xã hội không phân biệt giai cấp và mọi mâu thuẫn trong đó chỉ đi đến điều hòa.

Sự điều hòa các mâu thuẫn xã hội của Phan-chu-Trinh phản ánh tâm lý yếu hèn của giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam, đồng thời lại có nguồn gốc xa xôi từ tư tưởng điều hòa giai cấp của Khổng tử và Mạnh tử. Và lẽ dĩ nhiên là nó còn chịu ảnh hưởng của Khang Hữu-Vi, Lương Khải-Siêu và các nhà tư tưởng tư sản phương Tây. Song ở đây cũng cần phân biệt sự điều hòa giai cấp của Phan-chu-Trinh với sự điều hòa giai cấp của các nhà tư tưởng của giai cấp phong kiến suy tàn ở Việt-nam cuối thế kỷ XIX. Nếu các nhà tư tưởng của giai cấp phong kiến suy tàn chủ trương điều hòa giai cấp nhằm để bảo vệ chế độ phong kiến quan liêu lỗi thời, thì sự điều hòa giai cấp của Phan-chu-Trinh gắn liền với sự phát triển của tư tưởng tự do dân chủ và của ý thức quốc gia dân tộc tư sản nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển hòa bình của giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam.

III

Thực ra, Phan-chu-Trinh đã tiến bộ hơn các nhà nho bảo thủ cuối thế kỷ XIX ở chỗ «mắt trông thấy cõi đời cái gì cũng đổi mới cả» (4), do đó ông không thỏa mãn với chế độ quân chủ chuyên chế và cả hiện trạng xã hội đương thời, mà mong cho cái xã hội đó có một cái gì «đổi mới» và cải cách. Song những tiến bộ ấy không làm cho nhận thức của Phan-chu-Trinh về đời sống xã hội mất tính chất siêu hình. Bởi vì những đòi hỏi cải cách và «đổi mới» xã hội đương thời của Phan-chu-Trinh không đụng chạm đến cơ sở kinh tế của xã hội, không lật đổ chính quyền nhà nước cũ thì không thể làm cho xã hội thay đổi căn bản về chất được. Vả lại, ông còn coi sự phát triển tiến lên của một xã hội, một dân tộc từ dã man đến văn minh, từ hèn yếu đến phú cường như là sự phát triển của một khối thống nhất không thông qua mâu thuẫn và đấu tranh giữa các mặt đối lập. Và nếu thế thì sự phát triển của xã hội rút cuộc lại chỉ là «tăng thêm và giảm đi là lặp đi lặp lại». Ở đây động cơ thúc đẩy xã hội phát triển không phải là đấu tranh giai cấp mà là tinh thần đoàn kết của những con người nhận thức được công lý tuyệt đối.

«Con mắt đặc biệt» của Phan-chu-Trinh đã xem xét xã hội một cách siêu hình như vậy thì tất nhiên không thể thấy được sự chuyển biến cách mạng với tính cách là một qui luật phát

(1), (2) và (3) «Đạo đức và luân lý Đông Tây»
(4) «Thất điều trần»

https://tieulun.hopto.org

triển của xã hội. Hơn nữa, bằng con mắt ấy, ông cũng không thể nào nhận thức được vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Tuy là người coi trọng dân quyền, nhưng Phan-chu-Trinh không phát hiện được lực lượng vĩ đại của nhân dân Việt-nam và rất bi quan trước trình độ của họ. Ông đã phải than rằng: « Than ôi! Dân khí nước Nam ngày nay trụy lạc, dân trí hắc ám, so với các nước Âu Á xa cách không thể lấy dặm mà tính được »(1). Do đó nhân dân ta lúc đương thời hoàn toàn không có khả năng đứng dậy đánh Pháp vì «nhất đán mà có chí khác thì không kể là không có đất đai mà dựa được, không có súng ống mà cậy được, không có của cải mà cung được, giả sử chính phủ bảo hộ cho mượn mấy nghìn khẩu súng, cho một vùng mấy tỉnh rồi cho tự gìn giữ lấy không hỏi han gì đến, không đến vài năm, nếu không báo thù lẫn nhau thì cũng sẽ tranh nhau hơn kém, nếu không cướp đoạt tiền của thì cũng giành giật tước vị; họ tất sẽ tự tàn sát lẫn nhau cho đến chết hết mới thôi. Như vậy thì còn bàn gì đến đối địch với ai nữa?» (2). Nói gọn lại là Phan-chu-Trinh đã khẳng định rằng nhân dân Việt-nam không đủ trình độ hưởng quyền độc lập. Mà thật vậy, khi sang Nhật ông đã từng nói với Phan-bội-Châu: « Trình độ quốc dân người ta như thế ấy, trình độ quốc dân mình như thế kia không làm nô lệ sao được » (3). Thế là địa vị nô lệ trở thành một cái không tránh khỏi đối với nhân dân Việt-nam. Nếu căn cứ vào nhận định đó thì nhân dân Việt-nam cứ yên trí với địa vị nô lệ của mình mà không nên đứng dậy đánh Pháp giành lấy chính quyền.

Theo Phan-chu-Trinh thì vận mệnh của nước Việt-nam lúc đó không nằm trong tay quần chúng nhân dân mà lại đè nặng lên vai một số ít người « ưu thời mẫn thế ». Ông viết: « Than ôi! Lấy cái tội tham tá vô sỉ đổ cho người An-nam thì chối cãi sao được! Nhưng một nước đông mấy chục triệu người há lại không có một hai người có thể cùng với họ chỉ vạch ra những điều có lợi có ích cho quốc gia hay sao mà chính phủ lại bạc đãi tất cả như thế!» (4). Thì ra trong mấy chục triệu người chỉ có « một hai người » là đáng kể và cần được chính phủ bảo hộ chú ý!

Đành rằng đối với một sĩ phu như Phan-chu-Trinh, thì việc không hiểu được vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử là một giới hạn tất nhiên của thời đại, vì như Lê-nin đã nói, tất cả những lý luận lịch sử trước Mác « đã bỏ quên chính ngay hành động của quần chúng nhân dân » (5). Song về mặt này ông vẫn tỏ ra thua kém Phan-bội-Châu và các nhà cách mạng của phong trào Đông du. Trong khi Phan-chu-Trinh hoàn toàn mất tin tưởng vào khả năng của quần chúng thì Phan-bội-Châu lại biết tìm kiếm lực lượng chống Pháp trong nhân dân Việt-nam dù đó chỉ là những tầng lớp trên chứ không phải quần chúng lao động cơ bản.

Quan điểm duy tâm siêu hình về đời sống xã hội và về vai trò của quần chúng trên đây làm cho Phan-chu-Trinh không hề biết đến những qui luật khách quan nào đang quyết định sự phát triển của cách mạng Việt-nam và ai là kẻ thực hiện những qui luật ấy. Tất nhiên chúng ta không đòi hỏi Phan-chu-Trinh phải có nhận thức khoa học về cách mạng Việt-nam như những người mác-xít đã đấu tranh cho sự thành lập Đảng cộng sản Đông-dương năm 1930. Song trên tiến trình phát triển tư tưởng của dân tộc ta tiến tới nhận thức khoa học đó, quan điểm duy tâm siêu hình của Phan-chu-Trinh không đóng góp được bao nhiêu mà trái lại thường gây ra những lầm lạc đáng tiếc.

Nhà ái quốc Phan-chu-Trinh một khi đã đưa ra cái gọi là nhà nước « toàn dân » và sự hiểu biết lẫn nhau trên cơ sở công lý vĩnh cửu, một khi đã phủ nhận vai trò của quần chúng, phủ nhận đấu tranh giai cấp, phủ nhận mâu thuẫn giữa dân tộc ta và thực dân Pháp thì tất nhiên chỉ có thể đi vào con đường cải lương mà thôi.

IV

Phan-chu-Trinh kiên trì chủ nghĩa cải lương trong suốt đời hoạt động của mình. Một vấn đề nổi lên hàng đầu trong chủ nghĩa cải lương của ông là vấn đề khai thông dân trí, nâng cao dân quyền. Theo ông thì dân ta hãy còn ngu dại cho nên muốn nước nhà độc lập phú cường, muốn dân ta được tự do bình đẳng thì điều quan trọng trước hết là phải nâng cao trình độ hiểu biết và giác ngộ của quốc dân. Khi sang Nhật trao đổi chính kiến với Phan-bội-Châu, ông đã khẳng định: « dân đã giác

(1) « Thư gửi Toàn quyền Bô ».
(2) — nt —
(3) *Phan-bội-Châu niên biểu* — tr. 72.
(4) « Thư gửi toàn quyền Bô ».
(5) Lê-nin — *Các Mác và chủ nghĩa Mác* — tr. 23.

https://tieulun.hopto.org

ngộ quyền lợi của mình, bấy giờ mới có thể dần dần mưu tính đến việc khác» (1).

Để khai thông dân trí thức tỉnh mọi người, Phan-chu-Trinh «xin có một vật rất qui báu tặng cho đồng bào là «chi bằng học» (2). Ông vẫn thiết tha kêu gọi nhân dân:

«Thương nhau thì bảo nhau cùng
Học khôn học khéo để phòng hậu lai» (3)

Sự học ở đây là để hiểu thấu công lý và đạo nghĩa, để có ý thức quốc gia và lòng yêu nước để thấy được nghĩa vụ và quyền lợi của mình, đồng thời còn phải học sống theo lối mới, học lấy những tri thức cần thiết cho sự phát triển công thương nghiệp dân tộc v.v... Nhưng đối với Phan-chu-Trinh thì sự học còn nhằm hiểu cho được cả điều hay lẫn điều dở, hay để theo, dở để tránh. Cụ thể là phải biết nền dân chủ Phương Tây là tốt đẹp, còn chế độ quân chủ chuyên chế với cái tệ khoa cử và mọi hủ tục của nó là không hợp lý và cần được xóa bỏ. Bởi vậy, trong thực tế, ông tích cực hô hào lập trường học và đi theo lối học mới. Đồng thời, ông còn tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ lợi ích của việc «mở hội, làm ruộng đi buôn thay cách ăn mặc theo lối Âu Mỹ» (4).

Song dưới con mắt của Phan-chu-Trinh, trình độ dân ta thấp kém đến nỗi «cái kế ngày nay chỉ có người nào có thể làm thày chúng tôi thì xem chúng tôi là học trò, người nào có thể làm mẹ chúng tôi thì xem chúng tôi là con» (5). Và ông cho rằng đối với nhân dân ta chỉ có nước Pháp là «người thày người mẹ» tốt hơn cả. Ông vẫn thường nhắc nhở: «Nước Pháp là một nước làm tiền đạo văn minh cả hoàn cầu, nay hiện bảo hộ nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên dụng tâm về mặt khai trí trị sinh, các việc thực dụng dân trí đã mở trình độ một ngày một cao, tức là cái nền độc lập ngày sau ở đấy» (6). Như vậy là vấn đề dân trí trở thành mấu chốt để làm cho nước nhà được độc lập, mà muốn nâng cao dân trí thì tốt hơn hết là học theo nước Pháp tư bản chủ nghĩa.

Nhưng muốn cho dân trí được nâng cao, thì dân phải có quyền và đời sống nhân dân phải được cải thiện. Thế mà Phan-chu-Trinh nhận thấy ở nước ta lúc đương thời quyền dân và đời sống của họ lại bị chế độ chính trị chuyên chế bóp nghẹt. Do đó ông đề ra một cách cấp bách việc chấn chỉnh bộ máy nhà nước mà ông tưởng là bọn vua quan Nam triều còn lũng đoạn trong đó. Ông muốn trừ bỏ nọc độc của chế độ quân chủ chuyên chế còn tồn tại trong bộ máy nhà nước và cải tạo nhà nước theo hướng dân chủ tư sản. Trong công cuộc cải cách này, việc lựa chọn quan lại được chú ý trước hết. Ông nhấn mạnh rằng: «Việc nước có được trị hay không, dân có được trị hay không đều trông vào tài năng của quan lại trong nước» (7). Sau nữa, ông còn quan tâm đến việc cải tiến chính sách thuế dịch và mọi sự mở mang đường sinh kế cho dân v.v...

Để làm những việc đó, Phan-chu-Trinh không dựa vào dân, mà trái lại, dựa vào bọn đế quốc đang thống trị nước ta dưới chiêu bài khai hóa cho dân thuộc địa. Ông tưởng rằng cái tình trạng «quan lại tàn ác, thuế dịch nặng nề, nhân dân khổ sở» là do «các quan bảo hộ vẫn chưa biết gì». Cho nên ông chủ trương «thương thuyết với chính phủ Pháp», phân trần lý lẽ với chúng, mong đợi chúng quan tâm và tìm hiểu dân tình để có những cải cách thích hợp. Trong thư gửi Toàn quyền Bô, ông đã thiết tha yêu cầu chính phủ «bảo hộ» «thay đổi hẳn chính sách, kén chọn kẻ tài năng trao cho quyền bính, lấy lẽ mà đãi, tỏ rõ lòng thành, cùng với họ bàn mưu lập kế để hưng lợi trừ hại, mở đường sinh dưỡng cho dân nghèo, trao quyền nghị luận cho thân sĩ, rộng quyền báo chí để thấu dân tình, phân minh thưởng phạt để trừ lại tệ, ngoài ra như sửa đổi pháp luật, bãi bỏ khoa cử, chấn hưng học hiệu, đặt dựng thư cục, đào tạo sư phạm, cho đến học công thương, khoa kỹ nghệ, phép thuế dịch, không cái gì là không lần lượt cải lương...» (8).

Tất cả những yêu cầu cải cách đó chỉ thu hẹp trong phạm vi sửa sang bộ máy nhà nước, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chứ không hề đụng chạm đến sự tồn tại của bộ máy nhà nước và sự thay đổi tính chất giai cấp của nhà nước. Rút cuộc lại, chính phủ «bảo hộ» với cái chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta vẫn được Phan-chu-Trinh thừa nhận. Thế là vấn đề giải phóng dân tộc khỏi nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và giành lại ruộng đất cho nông dân chưa được đặt ra. Do đó, chủ trương cải lương của Phan-chu-Trinh không thể đưa nước nhà đến độc lập đã đành; cũng không thể chống phong kiến một cách triệt để được. Và cuối cùng sự mơ ước của ông về nền độc lập và sự phồn

---

(1) *Phan-bội-Châu niên biểu* — tr. 27.

(2) Bài «Hiện trạng vấn đề» của Phan-chu-Trinh. Báo *Tiếng dân* ra ngày 9-8-1933.

(3) «Tỉnh quốc hồn ca».

(4) «Thất điều trần».

(5) «Thư gửi toàn quyền Bô».

(6) *Thi tù tùng thoại* của Huỳnh-thúc-Kháng — tr. 98.

(7) và (8) «Thư gửi Toàn quyền Bô».

https://tieulun.hopto.org

vinh của nước nhà chỉ là một ảo tưởng không thiết thực mà thôi.

Việc mở mang dân trí, hô hào cải cách của Phan-chu-Trinh khác hẳn việc mở mang dân trí, hô hào cải cách của những người theo xu hướng cách mạng do Phan-bội-Châu làm đại biểu. Những người theo xu hướng này chủ trương cải cách, nâng cao dân trí là để phục vụ cho mục đích cách mạng, chứ không phải phục vụ cho mục đích cải lương như Phan-chu-Trinh đã làm. Họ kiên quyết đánh đổ thực dân Pháp giành lấy chính quyền để dựng lên một nước Việt-nam độc lập, trái lại, Phan-chu-Trinh chưa bao giờ nghĩ đến sự nổi dậy của nhân dân ta nhằm lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Là một người thiếu tin tưởng vào lực lượng của quần chúng, lại ghê sợ đấu tranh vũ trang, ghê sợ bạo lực của đế quốc, Phan-chu-Trinh trước sau phản đối những cuộc bạo động và khởi nghĩa có tính chất quần chúng. Theo ông thì làm như thế chỉ là « đem thịt ra cho người ta băm, đưa đầu cho người ta bắn nghĩ cũng đáng thương nhưng công việc nào có ích gì » (1). Bởi thế, ông lớn tiếng tuyên bố : « Đừng bạo động, bạo động là chết ».

Phan-chu-Trinh đã từ bỏ cách mạng bạo lực, từ bỏ việc giành chính quyền bằng lực lượng của quần chúng và lại tin vào thiện ý khai hóa của thực dân Pháp thì việc ông đi vào con đường củng cố sự « hợp tác Pháp Việt » tức con đường thỏa hiệp giai cấp cũng là một điều dễ hiểu. Và với tính chất thỏa hiệp đó, chủ nghĩa cải lương của ông có tác dụng hòa hoãn cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược của nhân dân ta. Ngay từ lúc đương thời, nó ít nhiều đã làm trở ngại đến xu hướng cách mạng do Phan-bội-Châu làm đại biểu. Vì thế, từ khi Phan-chu-Trinh được ân xá và đặc biệt là sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, chủ nghĩa cải lương của ông bị thực dân Pháp lợi dụng mà ông không biết. Bọn phản bội quyền lợi dân tộc như Phạm Quỳnh, Bùi-quang-Chiêu, đã tước bỏ nội dung yêu nước trong chủ nghĩa cải lương của ông và dựa vào đó để mạt sát cách mạng bạo lực và tuyên truyền cho chủ nghĩa đầu hàng. Còn những kẻ hèn yếu lẩn trốn đấu tranh cách mạng quay về với chủ nghĩa bất bạo động của Găng-đi hòng lấy chủ nghĩa cải lương của ông để an ủi và bênh vực cho thái độ của mình. Ngày nay các sách báo phản động ở miền Nam lại tán tụng và thổi phồng những nhân tố tiêu cực trong chủ nghĩa cải lương của ông để chống lại cách mạng. Điều ấy chứng tỏ rằng chủ nghĩa cải lương của Phan-chu-Trinh đã có những ảnh hưởng xấu mà những người mác-xít sau này phải đấu tranh để ngăn chặn.

Tuy nhiên, chủ nghĩa cải lương của Phan-chu-Trinh đứng trên lập trường dân tộc và thấm đượm tinh thần yêu nước khác hẳn với chủ nghĩa cải lương phản dân tộc của Phạm Quỳnh, Bùi-quang-Chiêu. Tấm lòng nhiệt thành yêu nước của ông đã vạch rõ ranh giới giữa ông với bọn bán nước vô liêm sỉ cũng mệnh danh là « cải lương » « hợp tác ». Hơn nữa, khi nhìn lại thời kỳ lịch sử 1905 — 1908 của nước ta, lúc mà thực dân Pháp chưa lợi dụng cải lương tư sản để chống lại cách mạng thì chủ trương cải cách và khai thông dân trí của Phan-chu-Trinh với khí tiết trong sạch của ông cũng đóng góp phần tích cực vào sự phát triển của phong trào yêu nước.

***

Đến đây, chúng ta có thể thấy chủ nghĩa cải lương của Phan-chu-Trinh không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên tạm thời, mà là một sản phẩm tất yếu của lịch sử. Nó liên hệ chặt chẽ với quan điểm duy tâm siêu hình của ông về lịch sử xã hội, một quan điểm phản ánh tâm lý và nguyện vọng của tầng lớp tư sản dân tộc Việt-nam mới nảy sinh và hèn yếu. Quan điểm này có quan hệ về lý luận với cả triết lý Khổng Mạnh lẫn tư tưởng tư sản được du nhập từ nước ngoài vào. Đó là một quan điểm tư sản đối lập với hệ tư tưởng phong kiến suy tàn, trong đó chứa đựng mâu thuẫn giữa mặt tích cực và mặt tiêu cực. Mặt tích cực có tác dụng chống phong kiến và ít nhiều xúc tiến phong trào yêu nước khoảng những năm 1905 — 1908. Còn mặt tiêu cực làm cho tư tưởng của ông trở nên tương đối lạc hậu trong phong trào yêu nước lúc đó và càng về sau càng gây nhiều trở ngại cho cách mạng nước ta. Khi chủ nghĩa Mác—Lê-nin xâm nhập vào Việt-nam, những người mác-xít đã phải kiên trì đấu tranh để gạt bỏ ảnh hưởng của mặt tiêu cực đó. Bởi vậy ngày nay khi nhìn lại nhân vật lịch sử Phan-chu-Trinh, chúng ta chẳng những biểu dương mặt tích cực mà còn phải phê phán nghiêm túc mặt tiêu cực trong tư tưởng của ông để từ đó rút lấy bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao nhiệt tình cách mạng, bồi dưỡng ý chí chiến đấu của mỗi người chúng ta.

Ngày 3 tháng 12 năm 1964

(1) « Đạo đức và luân lý Đông Tây ».

https://tieulun.hopto.org

VỀ CUỘC BÌNH LUẬN NHÂN VẬT LỊCH SỬ: PHAN-CHU-TRINH

Từ tạp chí Nghiên cứu lịch sử *số 67 tháng 10-1964 tới nay, chúng tôi đã lần lượt đăng những bài của các bạn đọc về Phan-chu-Trinh. Để tôn trọng những ý kiến của các bạn có những nhận định khác nhau, chúng tôi đã đăng y nguyên văn của các bạn trừ những đoạn nhắc đi nhắc lại. Cũng có 4 bài chúng tôi không đăng vì có những nhận định hay luận điệu mà chúng tôi cho là quá đáng. Ngoài ra, một số bạn còn tiếp tục gửi bài đến góp ý kiến thảo luận với những bài đã đăng, hoặc tán thành hoặc không tán thành từng điểm. Đối với những bài này, chúng tôi cũng không đăng, mà chỉ dành lại cho bài tổng kết sắp tới.*

Ngoài những bài đã đăng, hôm nay chúng tôi trích đăng một số đoạn của những bài chưa đăng. Chúng tôi không đăng cả bài vì trong đó có những ý kiến đã nói nhiều ở những bài khác, nên chỉ trích ra những ý kiến chủ yếu hay mới nhất của tác giả.

Chúng tôi rất phấn khởi trước thái độ tích cực của các bạn tham gia thảo luận nhân vật lịch sử mỗi ngày mỗi nhiều hơn và ý kiến ngày càng phong phú hơn. Chúng tôi cảm ơn các bạn đã gửi bài hoặc có đăng hoặc không đăng và sẽ nghiên cứu kỹ ý kiến của từng tác giả trước khi viết bài tổng kết chung.

Tòa soạn tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

TRÍCH ĐĂNG MỘT SỐ BÀI BÌNH LUẬN VỀ PHAN-CHU-TRINH

Bạn Vân-chi.

... Nói tóm lại, đường lối chính trị của Phan-chu-Trinh là đường lối cải lương. Chủ trương của ông cũng là do cơ sở kinh tế và đặc điểm của tình hình nước ta trong giai đoạn ấy quyết định. Nhưng, nếu như các nhà nghiên cứu lịch sử nước ta hầu như đã thống nhất với nhau về tính chất của xu hướng chính trị do Phan-chu-Trinh đại diện thì ý kiến hãy còn đối lập khi bàn đến nguồn gốc ra đời, nội dung giai cấp của xu hướng này.

Trước hết, ông Tôn-quang-Phiệt trong tác phẩm *Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh* ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản năm 1956 cho rằng xu hướng của Phan-chu-Trinh là xu hướng của « giai cấp tư sản đã thành hình nhưng phát triển chậm và đang yếu ớt »... « Tầng lớp này chưa đủ sức làm những việc táo bạo. Nhưng một số cũng có tinh thần quốc gia muốn dân tộc được giải phóng để việc phát triển các kinh doanh của mình khỏi bị chèn ép. Họ muốn công khai đòi một ít điều tự do dân chủ, tự do đi lại trong nước và ngoài nước, tự do ngôn luận, tự do kinh doanh... Trái lại, đối với những cuộc bạo động vũ trang họ sợ, vì các cuộc như thế sẽ phá vỡ trật tự xã hội, sẽ đảo lộn nền kinh tế sẵn có, sẽ làm cho công việc kinh doanh bị đình đốn » (1). Từ đó ông cho « Phan-chu-Trinh dính với giai cấp tư sản nhiều hơn là dính với giai cấp phong kiến » (2). Phan-chu-Trinh phản ánh nguyện vọng của « giai cấp tư sản mới chớm nở muốn tình hình ổn định để phát triển kinh tế của họ » (3). Các tác giả cuốn *Lịch sử cận đại Việt-nam* tập III cũng cho rằng « Phan-chu-Trinh sống ở nơi mầm mống kinh tế mới với tầng lớp công thương đang phát triển nên chủ trương làm cách mạng bằng cải cách hòa bình bảo đảm sự phát triển kinh tế là một điều không thể tránh được » (4). Ông Hải-Thu trong tập san *Nghiên cứu Văn Sử Địa* số 29 tháng 6 năm 1957 với bài « Một vài ý kiến về Phan-bội-Châu » [bàn cùng ông Tôn-quang-Phiệt] cho rằng xu hướng của bộ phận gọi là « mầm mống của tư sản mại bản sau này » « họ thủ phong kiến và muốn dựa vào Pháp để cải lương nước ta thành một nước đồng vai đồng vế cùng Pháp... » (5). Ông Nguyễn-Anh trong bài « Bàn

(1) Tôn-quang-Phiệt sách dẫn ở trên trang 127 — 133 và 134.

(2) (3) Tôn-quang-Phiệt sách dẫn ở trên trang 127 — 133 và 134.

(4) Trần-văn-Giàu, Đinh-xuân-Lâm... sách đã dẫn ở trên trang 146 — 147.

(5) Tập san nghiên cứu *Văn Sử Địa* số 29 trang 79.

https://tieulun.hopto.org

thêm về nguyên nhân ra đời của hai xu hướng cải lương và bạo động trong phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX» đăng trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 65 tháng 8 năm 1964 cho rằng «trên cơ sở một xã hội đang chuyển biến nhưng chưa thành thục... phong trào cách mạng nước ta đầu thế kỷ XX thiếu hẳn một bộ phận lãnh đạo. Trong tình hình ấy các sĩ phu gốc rễ từ giai cấp phong kiến vẫn là người tiếp tục giương cao ngọn cờ cứu nước. Cùng đứng trên lập trường dân tộc, cùng chiến đấu vì độc lập của đất nước... nhưng do những hạn chế của nguồn gốc giai cấp, của lịch sử các sĩ phu đã kế tục và phát huy truyền thống dân tộc ở những mức độ khác nhau... tiếp nhận trào lưu mới ở những mặt khác nhau. Tất cả những điều đó đã dẫn những người lãnh đạo phong trào đầu thế kỷ XX đều một cái nhìn khác nhau và tìm cách giải quyết khác nhau những vấn đề lịch sử trước mắt. Đó là nguyên nhân chủ yếu của việc xuất hiện hai xu hướng trong cùng một thời đại» (1). Thậm chí, trong cùng một tác giả mà ý kiến trước sau cũng không nhất trí, ông Tô-minh-Trung cho rằng đường lối cải lương của Phan-chu-Trinh «cũng chính là ý muốn của tầng lớp tư sản đang trên con đường hình thành giai cấp» (2). Sau đó, ông lại nói Phan-chu-Trinh «đại diện trước hết cho tầng lớp phong kiến tư sản hóa ở Việt-nam phát biểu đường lối của mình đối với phong trào giải phóng của dân tộc ta» (3). Rồi cuối bài, ông lại khẳng định Phan-chu-Trinh «chỉ đứng trên quyền lợi của tư sản dân tộc Việt-nam» (4). Như vậy ở đây nảy sinh ra hai vấn đề:

— Sự ra đời của xu hướng cải lương của Phan-chu-Trinh có nguyên nhân xã hội không hay chỉ là do những hạn chế của nguồn gốc giai cấp, của lịch sử các sĩ phu đã kế tục và phát huy truyền thống dân tộc ở những mức độ khác nhau... đã tiếp nhận những trào lưu mới ở những mặt khác nhau?

— Và nếu như xu hướng cải lương ấy có cơ sở xã hội thì nó tiêu biểu, phản ánh quyền lợi và nguyện vọng của giai cấp nào trong xã hội ta lúc đó?

Trước hết, có thể nói ngay rằng không thể phủ nhận cơ sở xã hội, cơ sở giai cấp trong sự ra đời của xu hướng cải lương của Phan-chu-Trinh nhưng vấn đề phải xét là mối tác động của nó đối với xu hướng ấy và mối quan hệ của nó đối với các nhân tố khác của lịch sử như thế nào?

Luận cứ căn bản của ông Nguyễn Anh là «tầng lớp tư sản đầu thế kỷ XX còn quá non yếu, chưa thành một giai cấp, chưa có ý thức về quyền lợi kinh tế và địa vị chính trị của mình để xác định một đường lối đấu tranh cho thích hợp khả dĩ ảnh hưởng tới các sĩ phu đang hoạt động trên trường chính trị lúc đó». Và đường lối cải lương chỉ là do «những hạn chế của lịch sử, của giai cấp» các sĩ phu đã «kế tục và phát huy truyền thống dân tộc ở những mức độ khác nhau, tiếp thu trào lưu mới ở những mặt khác nhau». Cho nên «các sĩ phu đi vào đường lối cải lương không phải vì quyền lợi kinh tế, chính trị của tầng lớp tư sản mới ra đời mà chủ yếu là vì tinh thần dân tộc bắt gặp ở đây một lối thoát, theo họ có thể mở đường cho xã hội tiến lên, đặng hoàn thành sự nghiệp cứu nước mới» (5). Chúng tôi nghĩ rằng cắt nghĩa nguyên nhân ra đời của xu hướng cải lương và xu hướng bạo động chủ yếu bằng tinh thần dân tộc thì không ổn. Trên thực tế thì không ai phủ nhận, nhưng điều đó không cắt nghĩa được rằng vì sao trong cùng một thời, cùng một giai cấp mà những người sĩ phu trong lúc đó lại chọn con đường đi khác nhau? vì sao lại có sự tiếp tục và phát huy truyền thống dân tộc ở những mức độ khác nhau và tiếp nhận trào lưu mới bên ngoài ở những mặt khác nhau? vì sao đường lối cứu nước của Phan-chu-Trinh lại có thể trở thành một xu hướng cứu nước trong phong trào đầu thế kỷ XX? Giải quyết vấn đề này chúng ta không thể nào không có sự nhất trí với nhau về lực lượng của giai cấp tư sản và thái độ chính trị của nó ở đầu thế kỷ XX.

Chúng tôi cũng đồng ý với ông Nguyễn Anh rằng tầng lớp tư sản nước ta ở những năm đầu thế kỷ XX đến thế giới chiến tranh lần thứ nhất, chưa trở thành một giai cấp có *ý thức tự giác* về quyền lợi của nó và tự nó đề ra được một đường lối đấu tranh chung thích hợp với quyền lợi của nó. Nhưng nếu quan niệm một cách máy móc, tuyệt đối thì lại là sai lầm. Một giai cấp và đã là một giai cấp thì ngay trong quá trình nảy sinh và hình thành đã mang trong bản thân nó những nguyện vọng, những yêu cầu nhất định — nói chung là ý thức giai cấp — và ý thức giai cấp đó không thể nào khác hơn là xuất phát từ quyền lợi kinh tế giai cấp và từ cuộc đấu tranh giai cấp cụ thể. Tất nhiên quá trình

---

(1) Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 65 tháng 8 năm 1964 trang 42—46.

(2) (3) Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 67 tháng 10 năm 1964 trang 31.

(4) Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 67 tháng 10 năm 1964 trang 38.

(5) *Nghiên cứu lịch sử* số 65 tháng 8 năm 1964 trang 41.

https://tieulun.hopto.org

phát triển của ý thức giai cấp là quá trình chuyển biến biện chứng. Sự thực, ông Nguyễn Anh cũng phải thừa nhận rằng: sự có mặt của tầng lớp tư sản, tiểu tư sản đã đem vào xã hội phong kiến lạc hậu những yêu cầu, những nguyện vọng mới trong sinh hoạt cũng như trong tư tưởng » (1). Những yêu cầu, những nguyện vọng mới đó đã được ông giải thích như sau: « Họ muốn thoát khỏi ảnh hưởng của bọn hủ nho, muốn từ bỏ những hủ tục lạc hậu, những kìm hãm trói buộc của cuộc sống xã hội cũ đang được đế quốc duy trì, họ muốn vén cao bức màn đen tối từ bao lâu che tầm mắt của họ để mở một chân trời mới mẻ hòng thỏa mãn nhiều khát vọng sẵn có trong tầng lớp của họ » (2). Và ông Nguyễn Anh khẳng định rằng « đó là những cái hay, cái mới, cái tiến bộ so với xã hội phong kiến cho nên nó có sức lôi cuốn và cám dỗ... đã sớm chiếm được tình cảm và tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của những người yêu nước đang đi tìm con đường cứu nước » (3). Như vậy, ông Nguyễn Anh cũng thừa nhận những yêu cầu, những nguyện vọng của họ có tác động đến những người sĩ phu lúc bấy giờ. Nhưng sự phân tích của ông về tầng lớp tư sản chưa được đầy đủ cho nên chưa làm sáng tỏ được sự tác động của nó đến phong trào cứu nước lúc đó như thế nào?

Như chúng ta đã nhất trí với nhau rằng giai cấp tư sản Việt-nam lúc này còn quá nhỏ bé, yếu ớt, nó mới chỉ là một tầng lớp đang trên con đường nảy sinh và phát triển, lực lượng cũng như vận mệnh của nó đều hết sức mong manh. Nó xuất hiện và trưởng thành trong những điều kiện khá oái oăm; không phải là tự lực lượng bản thân của nó trong quá trình đấu tranh với chế độ phong kiến bản xứ. Nó được ra đời trong quá trình đầu tư và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và trong hoàn cảnh của xã hội mà quan hệ sản xuất phong kiến được duy trì cùng với hệ thống vua quan, cường hào, hương lý cùng với phong tục tập quán lạc hậu, hủ bại của nó. Thành phần cơ bản của nó là những nhà doanh nghiệp, những nhà buôn và những địa chủ vừa di chuyển từ các nông thôn ra thành thị. Những nhà tư sản đại phú có thể đếm trên đầu ngón tay: nếu kể cả bọn tư sản hạng trung thì cũng chỉ tính thêm được hàng chục mà thôi. Các xí nghiệp của họ còn ở trình độ hiệp tác giản đơn hay công trường tư bản chủ nghĩa. Lực lượng của họ còn quá non yếu, mặt này mặt khác họ cảm thấy bị chèn ép nhưng cũng không dám nghĩ đến vũ trang chống Pháp.....

Dù có ý thức hay không có ý thức, tư tưởng cải lương của Phan-chu-Trinh về khách quan mà nói cũng đã đáp ứng được quyền lợi và nguyện vọng của tầng lớp tư sản đang nảy sinh. Cho nên xu hướng cải lương của Phan-chu-Trinh tuy chưa phải là một phong trào tư sản; tầng lớp tư sản lúc đó còn nhỏ bé chưa có những người đại biểu của nó để phát biểu những nguyện vọng và yêu cầu của nó mà phải thông qua những người sĩ phu yêu nước tiến bộ nhưng nó đã là cơ sở cho phong trào cách mạng bên ngoài cụ thể là các phong trào cải lương ở Trung quốc và Nhật-bản bắt rễ trong phong trào cách mạng Việt-nam.....

... Có đồng chí nhân chữ « pháp trị » của Phan-chu-Trinh hoặc khi thấy trong hai bài diễn thuyết của ông năm 1925 còn nhấn mạnh rằng đem « văn minh châu Âu về đã không hại gì mà còn làm sáng rõ thêm đạo Khổng », hoặc khi thấy ông tuyên bố còn « sùng bái đạo Khổng », « đạo Khổng hay thật », hoặc chỉ thấy ông đả kích mạnh bọn vua quan chuyên chế, thối nát mà không đả động đến cơ sở kinh tế của chế độ phong kiến thì cho rằng ông chỉ dừng ở lập trường quân chủ lập hiến mà thôi. Đúng là như vậy, trong những năm 1905—1908, Phan-chu-Trinh chưa chủ trương đánh đổ hẳn chế độ phong kiến. Nhưng đọc kỹ những văn kiện của ông còn lại và nhìn toàn bộ quá trình phát triển tư tưởng của ông, chúng ta thấy tuy tư tưởng dân chủ của ông còn nhiều hạn chế nhưng đã thể hiện rất rõ lập trường của ông là lập nền dân chủ thực sự. Tất nhiên đối với ông, nếu không được một chế độ dân chủ hoàn toàn thì một chế độ quân chủ lập hiến như ở Nhật, một chế độ quân chủ như ở Xiêm vẫn còn hơn chế độ phong kiến chuyên chế nhà Nguyễn nhưng không phải vì vậy mà cho rằng ông dừng lại ở chế độ quân chủ lập hiến. Nhưng ngược lại, cũng có người đề cao ông như là một nhà cách mạng dân chủ triệt để, điều đó không đúng và không thấy rõ cái mâu thuẫn thể hiện rất rõ ở đây chính là cái mâu thuẫn giữa ước vọng cao xa với quan niệm về thực lực về dân trí nước ta của ông. Cho nên ông không dám nghĩ đến những biện pháp cách mạng để lật đổ chế độ quân chủ. Chủ trương chống phong kiến của ông cũng dựa vào những biện pháp cải lương mà thôi.....

..... Mục đích cuối cùng của Phan-chu-Trinh cũng là giải phóng dân tộc nhưng ông đặt vấn đề chống phong kiến trước mà ông cho là nguồn gốc của sự lụn bại, hèn kém của nước ta. Ông chủ trương trên cơ sở dựa vào sự giúp đỡ của nước Pháp bảo hộ (!), đề xướng dân quyền, học tập văn minh Tây phương, tiến

(1) *Nghiên cứu lịch sử* số 65 trang 41.
(2) và (3) —nt—

https://tieulun.hopto.org

hành cải cách đất nước về các mặt, làm cho dân giàu nước mạnh. Nói khác đi, ông chưa đặt vấn đề đánh đuổi đế quốc mà còn dựa vào đế quốc và bằng những cải cách dần dần lật đổ phong kiến. Nhưng sau khi lật đổ phong kiến rồi, làm thế nào đẩy được thực dân Pháp thì điều đó ông cũng chưa nghĩ tới. Và hình như theo ông vấn đề đó không cần đặt ra vì rằng nếu Pháp chịu cải cách, chịu thay đổi chính sách «làm lợi cho nó [nước Việt-nam] thì nó [nước Việt-nam]... [lúc ấy] chỉ sợ nước Pháp bỏ nước An-nam mà đi, còn ai xem nước Pháp là thù địch nữa» (1). Ông cũng chưa quan niệm được rằng muốn lật đổ chế độ phong kiến thì không chỉ đánh đổ bọn vua quan và bằng phương pháp cải lương mà thành công được. Nhất là vì chưa thấy rõ được sự cấu kết giữa thực dân với phong kiến nên chủ trương của ông dựa vào thực dân để đánh đổ phong kiến lại càng là ảo tưởng..... .... Cho nên có thể nói tác dụng của Phan-chu-Trinh trong phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX rất hạn chế, không kể rằng sau Cách mạng tháng Mười Nga thì tư tưởng cải lương của ông đã được quân thù lợi dụng còn tư tưởng dân chủ của ông thì cũng đã lỗi thời, không đáp ứng được yêu cầu của cách mạng.....

Chúng ta sẽ hiểu vì sao năm 1911 bọn thực dân Pháp lại rất dễ dàng cho ông sang Pháp và đến năm 1925 thì chúng lại dễ dàng cho ông trở về nước. Vì điều kiện lịch sử đã thay đổi rồi, bọn chúng muốn lợi dụng ông để truyền bá chủ nghĩa cải lương, để ngăn trở làn sóng cách mạng đang dâng lên với tiếng bom của liệt sĩ Phạm-hồng-Thái, với sự thâm nhập ngày càng mạnh mẽ của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Tư tưởng của ông trong giai đoạn này không những đã lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu của thời đại nữa mặc dù không ai phủ nhận tấm lòng yêu nước chân thành của ông..... Đường lối cải lương của ông không giải quyết được vấn đề gì, trong thực tế còn cản trở và có tác hại nhất định đến công cuộc vận động cách mạng.

* * *

Bạn Bùi-xuân-Trung.

..... Xem như vậy ta thấy mặc dù Phan-chu-Trinh hết sức cổ động cho chế độ dân trị, song vẫn còn hy vọng vào chế độ quân trị nếu như chế độ đó có ông vua tốt. Phan-chu-Trinh chống lại bọn phong kiến không có nghĩa là cụ chống lại hoàn toàn cái gốc rễ của nó. Cụ chống phong kiến có nghĩa là cụ phản kháng những ông vua không theo đúng đạo Khổng. Mạnh đó thôi.....

Tư tưởng thực chất Phan-chu-Trinh là tư tưởng dân chủ tư sản, song chưa trọn vẹn, bởi vì cụ vẫn chưa thoát khỏi cái tư tưởng Khổng Mạnh đã đè nặng lên cụ, đã ăn sâu vào tiềm thức của cụ ngay từ lúc lớn lên. Cụ ca ngợi Von-te, Rút-xô, Mông-tét-ski-ơ đồng thời cũng rất nhiệt liệt ca ngợi, đề cao Khổng Mạnh. Tư tưởng của cụ Phan phản ảnh thực trạng xã hội Việt-nam đương thời. Một xã hội mới ở bước đầu trong sự phân hóa giai cấp. Giai cấp phong kiến trên con đường tàn tạ, một số thì cố chấp bảo thủ ôm khư khư lấy giai cấp cũ của mình. Một số tiến bộ hơn đang trên con đường tư sản hóa nhưng chưa thành tư sản, cho nên có bị ràng buộc nhiều bởi những sợi dây tư tưởng phong kiến Tầng lớp công thương phát triển mạnh tuy đã có yêu cầu mới song cũng chưa thành giai cấp tư sản. Giai cấp công nhân chưa hình thành. Đứng trước sự phân hóa giai cấp chưa chín muồi đó, mà gán cho Phan-chu-Trinh là đại diện cho tầng lớp phong kiến tư sản hóa ở Việt-nam lúc đó thì chưa thực triệt để. Vì sao ta lại không thấy được Phan-chu-Trinh đại diện cho cả tầng lớp phong kiến không phải tư sản hóa đang bảo vệ nho giáo chính tông? Song phải công nhận rằng tư tưởng Phan-chu-Trinh về phía phong kiến tư sản hóa nặng hơn. Nói cho đúng hơn, tư tưởng Phan-chu-Trinh chưa đại diện cho một giai cấp một tầng lớp nào nhất định ở Việt-nam. Tư tưởng đó, tư tưởng phức tạp đó là sự phản ánh tình hình phân hóa giai cấp ở Việt-nam chưa ngã ngũ, còn giằng co, chưa thành những giai cấp mới nhất định, cũ và mới còn đang ở trong trạng thái choạng vạng đó thôi. Do vậy ta thấy tư tưởng của Phan-chu-Trinh là sự pha trộn ánh sáng và bóng tối phức tạp, nói sáng thì không đúng vì còn chen bóng tối, nói tối cũng không đúng vì còn chen ánh sáng. Do mang một tư tưởng mờ mờ ảo ảo như vậy cho nên khi chống phong kiến nó cũng không chống triệt để. Không phải nó chống chế độ phong kiến mạnh mẽ như cách mạng tư sản Pháp 1789, là một nhát chổi khổng lồ quét sạch tất cả những tàn tích của chế độ phong kiến như Mác đã nói. Tư tưởng cải lương Phan-chu-Trinh, không phải mang trọn vẹn tư tưởng tư sản dân chủ của Mông-tét-ski-ơ, Rút-xô, Von-te để tấn công tư tưởng của giai cấp phong kiến, mà là sự dung hợp tư tưởng của những đại biểu trên, với tư tưởng Khổng Mạnh. Tư tưởng cải lương Phan-chu-Trinh không phải là tìm cách lật nhào toàn bộ ngai vàng của chủ nghĩa phong kiến, mà chỉ lật chiếc ngai vàng nào một ruồng thôi, còn chiếc ngai nào tốt thì vẫn để dùng được. Như vậy ngay việc tấn công

(1) « Thư gửi cho Toàn quyền Bô ».

https://tieulun.hopto.org

vào bộ máy nhà nước phong kiến, tức triều đình phong kiến, nó cũng không tấn công triệt để. Huống hồ còn nói chi tới việc thực hiện nhiệm vụ cơ bản của một cuộc cách mạng tư sản như ta đã biết.

Phan-chu-Trinh nhìn thấy được nguyên nhân sự mục nát của triều đình phong kiến Nguyễn là do thực dân Pháp dung dưỡng. Nhưng cụ lại không nhìn thấy được sự mục nát, đóng vai trò bù nhìn của triều Nguyễn là sự cần thiết đối với thực dân Pháp. Có bao giờ thực dân Pháp lại chịu chặt tay chân của mình đi? Phan-chu-Trinh không phải dùng Pháp làm chiêu bài chống phong kiến, mà lực lượng chủ yếu là dựa vào Pháp để chống phong kiến. Khác với Phan-bội-Châu dùng phong kiến, cụ thể là Kỳ ngoại hầu Cường-Để, làm chiêu bài còn lực lượng chống Pháp là của cụ tổ chức ra, là lực lượng cách mạng. Phan-chu-Trinh không thể nào có lý vì làm sao cụ có thể tìm được trong bọn thực dân phản động ấy những người mong dân ta vững mạnh. Ngược lại, Phan-bội-Châu có lý vì cụ còn có khả năng tìm trong hàng ngũ phong kiến bị phân hóa, những người yêu nước chân chính, mâu thuẫn ngay với bọn bán nước trong giai cấp mình, và mâu thuẫn với bọn xâm lược, sẵn sàng đứng theo hàng ngũ cách mạng, chống thực dân. Ta thấy được ngay chính cái biện pháp dùng Pháp để thay thế bọn bù nhìn tất nhiên là hòa bình thay thế, vì Phan vẫn ghét bạo động, đó là một biện pháp hoàn toàn cải lương.

Tóm lại chủ nghĩa cải lương của Phan-chu-Trinh là cải lương trong nội dung và trong biện pháp. Không phải như một số người chỉ thấy cải lương trong biện pháp tức là dựa vào Pháp mà thôi...

Bức thư gửi Toàn quyền Bô không vượt quá một điều trần của một vài ông quan trung thành với ông vua mà mình trung thành. Phan-chu-Trinh vạch ra nguyên nhân hủ bại của nhà Nguyễn không có nghĩa là ông chống lại, tiêu diệt kẻ gây ra nguyên nhân đó, tức là đuổi cổ thực dân Pháp đi, tức là phản đế. Lá thư trên nguyên là một điều trần để thực dân Pháp thấy được cái sai lầm mà thay đổi đường lối cai trị tốt hơn, để dân An-nam gần Pháp hơn, tôn trọng Pháp hơn. Nói một cách không quá đáng là Pháp phải thay đổi chính sách cho khôn khéo hơn, mềm dẻo hơn thì mới củng cố được địa vị thống trị lâu hơn. Ngày xưa có những ông quan trung thành với vua, nhưng thấy vua toàn sử dụng bọn quần thần xu nịnh mà có những hành vi tai hại thì họ cũng nói thẳng cho vua biết những sai lầm của vua. Nhưng họ không hề chống lại vua, trái lại họ rất trung với vua nói thẳng ra để diệt bọn xu nịnh làm cho ngôi vua vững chắc hơn. Phải chăng những ông quan nói thẳng với vua như trên là có tinh thần chống phong kiến? Nói thẳng là dũng cảm, can đảm song không hoàn toàn có nghĩa là chống lại, mặt khác có khi lại tỏ ra trung thành hơn so với người im lặng nữa kia. Đừng nghĩ rằng nói như vậy tức là phủ nhận lòng yêu nước thiết tha của cụ Phan. Phan-chu-Trinh không phải trung thành với Pháp mãi mãi, ý đồ ông muốn dân tộc độc lập. Nhưng trong giai đoạn mà ông định liên kết với Pháp thì ông lại trung thành với Pháp một cách quá tư thực thà....

Nếu cố tình tìm tinh thần phản đế của cụ thì ta thấy được ở tính chất khách quan mà thôi. Tác dụng của chủ nghĩa cải lương đã gạt mũi nhọn đấu tranh của nhân dân ta từ Pháp sang phong kiến mà thời kỳ này là phải tập trung mũi nhọn vào thực dân Pháp vì mâu thuẫn dân tộc ta với Pháp đương thời nổi lên hàng đầu. Không hướng nhân dân ta chống Pháp, ngược lại còn làm cho nhân dân ta phục Pháp. Trên ý tưởng phục Pháp, Phan-chu-Trinh đã mang nặng tư tưởng hết sức tự ti, choáng váng với văn minh của Pháp gần như quay lại sỉ nhục dân tộc Việt-nam. Rất hợp với dã tâm của Pháp khua chiêng gõ trống là dân ta man rợ phải khai hóa văn minh.

...Chúng tôi đã nói tác dụng tiêu cực của chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh, chính những mặt tiêu cực đó mà sau này Pháp đã tìm cách lợi dụng cụ và những tên Việt gian sau này cũng bấu vào, để tỏ ra chúng cũng theo cụ Phan, để che bộ mặt thật bán nước hại dân của chúng.

Vạch rõ những tác dụng tiêu cực, chúng tôi không có ý phủ nhận công lao của cụ Phan, mặt tích cực của chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh. Chúng ta phải nhận định rằng chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh lúc đầu đã đóng góp một vai trò nhất định, nó đã tấn công vào thành lũy phong kiến Nguyễn vốn đã tan rã mau tan rã hơn. Nó vạch cho nhân dân Việt-nam thấy bọn phong kiến là phản động, không thể nghe theo chúng được cần phải đạp đổ chúng. Nó giúp cho nhân dân Việt-nam tiếp thu được những tư tưởng mới ở nước ngoài, tuy tư tưởng dân chủ tư sản lúc đó cũng đã lỗi thời với sự phát triển của lịch sử thế giới. Nó giúp nhân dân Việt-nam đi theo một phương hướng cách mạng mới, cách mạng tư sản. Trên thực tiễn, chủ nghĩa cải lương lúc đầu xâm nhập vào quần chúng nó đã vượt quá ý muốn của những người lãnh đạo cải lương, phong trào có nơi đã biến thành hành động bạo động như phong trào chống đi phu và giảm thuế ở Trung-kỳ (1908). Việc tổ chức các nhóm Đông kinh nghĩa thục, cũng không hoàn toàn dừng lại ở mức cải lương và Pháp đã phải đàn áp

https://tieulun.hopto.org

những phong trào này. Song qua phong trào thực tiễn đó đã bộc lộ ngay lúc đầu, chủ nghĩa cải lương không hoàn toàn phù hợp với cuộc đấu tranh của dân ta. Và, tác dụng tích cực của chủ nghĩa cải lương ngày càng giảm dần, yếu tố tiêu cực ngày càng tăng. Trong những năm sau chiến tranh thế giới, phong trào cách mạng thế giới và trong nước lên cao, thì chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh, thành một trở ngại của cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Đến năm 1925 Phan-chu-Trinh về nước tiếp tục tuyên truyền chủ nghĩa của cụ, nhưng phong trào cách mạng không thể tiếp thu được. Đến năm 1926 cụ Phan mất, cụ Phan mất năm 1926 là một việc ngẫu nhiên, nhưng nằm trong cái chết tất nhiên của chủ nghĩa cải lương mà cụ khởi xướng và theo đuổi. Nói rằng chủ nghĩa cải lương sau Phan-chu-Trinh sau này bị thoái hóa, thực ra không hoàn toàn đúng thế, cơ bản nó vẫn thủy chung với lúc đầu. Song bởi phong trào cách mạng lên cao và vượt xa, còn chủ nghĩa cải lương vẫn đứng tại chỗ rên rỉ những điều cũ kỹ, do đó nó thành lạc hậu và chết.

KẾT LUẬN

Về chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh chúng ta phải thẳng thắn phê phán những sai lầm mà cụ Phan chủ trương. Việc cụ Phan định dựa vào Pháp chống phong kiến là một ảo tưởng. Phong kiến và thực dân ở nước ta thời đó không thể rời nhau ra được nếu chúng muốn tồn tại. Thực dân không bao giờ lại chịu chặt chân tay của nó. Trông chờ vào sự hối ngộ của Pháp của kẻ thù là điều tin tưởng ngây thơ. Trong bất cứ trường hợp nào nếu đấu tranh mà chỉ dùng con đường cải lương không thôi thì chẳng những khó lợi dụng được kẻ thù để đạt mục đích mà còn bị kẻ thù lợi dụng chống lại phong trào cách mạng. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cả chủ trương cải lương và bạo động đều thất bại. Song chúng ta không thể đánh giá hai xu hướng đó có tác dụng tích cực như nhau. Mặc dù thất bại, nhưng xu hướng bạo động vẫn là xu hướng duy nhất đúng đắn để giành độc lập cho tổ quốc và đóng góp tích cực vào phong trào giải phóng dân tộc của nước ta, nó vượt xa chủ nghĩa cải lương. Chúng ta không phải là người bội bạc với những bậc yêu nước tiền bối, những người đã từng lặn lội gian nan tìm đường cứu nước, từng đau khổ khi mất nước. Chúng ta thông cảm và hết sức kính trọng lòng yêu nước nhiệt thành của cụ Phan-chu-Trinh, nhưng đối với lịch sử, chúng ta phải nhận ra chân giá trị của cụ và chủ nghĩa cụ theo đuổi. Nhưng chúng ta kiên quyết phân biệt chủ nghĩa cải lương của cụ Phan-chu-Trinh với chủ nghĩa cải lương của bọn Việt gian phản bội. Vĩnh viễn cụ Phan-chu-Trinh là người yêu nước chân chính, mà chúng ta phải nêu gương và học tập tinh thần vì nước của cụ.

***

Bạn Nguyễn-đức-Minh.

.... Phan-chu-Trinh là người thiết tha yêu nước, nhưng nội dung yêu nước của cụ rất mơ hồ. Đế quốc Pháp là kẻ thù nguy hiểm số một của Tổ quốc thì những người thiết tha yêu nước sao lại không coi nhiệm vụ chống Pháp là nhiệm vụ trung tâm của mình. Phan-bội-Châu và những người chủ trương bạo động đã biểu hiện rất rõ tinh thần yêu nước của họ. Nội dung của chủ nghĩa yêu nước của Phan-bội-Châu rất tích cực, rất cụ thể vì Phan-bội-Châu muốn dùng bạo động để lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Phan-chu-Trinh cũng yêu nước nhưng lại không chống Pháp mà ông lại muốn dựa vào Pháp để canh tân xứ sở. Phan-chu-Trinh không chĩa mũi nhọn đấu tranh của mình vào bọn thực dân Pháp tàn bạo mà ông lại chỉ công kích những quan lại thối nát, sĩ phu hủ lậu mà thôi. Cho nên, nội dung yêu nước của cụ Phan-chu-Trinh ngay từ đầu đã tỏ ra rất mơ hồ và ngày càng mất hết ý nghĩa thực tiễn. Cũng từ điểm xuất phát sai lầm đó cho nên Phan-chu-Trinh dùng con đường cải lương để thực hiện phương châm cứu dân cứu nước của mình.

Phan-chu-Trinh hô hào mọi người dân chống chế độ phong kiến. Đó là điều tích cực. Ngay trong tư tưởng chống phong kiến của cụ, ta cũng thấy có những điểm hạn chế. Phan-chu-Trinh chỉ thấy những biểu hiện thối nát bề ngoài của chế độ phong kiến mà thôi. Vì Phan-chu-Trinh chỉ muốn trừ bỏ bộ máy phong kiến thối nát, tẩy trừ lễ giáo phong kiến hủ bại mà thôi. Phan-chu-Trinh chưa nhìn thấy nguồn gốc của những bệnh trạng thối nát phong kiến. Chính vì vậy, cho nên Phan chưa bao giờ đề ra khẩu hiệu đánh đổ toàn bộ chế độ phong kiến đương thời. Phan chỉ trông cậy vào « các quan bảo hộ Pháp », dùng biện pháp tích cực nhằm nghiêm trị bọn tham quan ô lại của Nam triều đang nắm giữ quyền thống trị đương thời. Phan-chu-Trinh rất nhẹ dạ. Ông là một người có tinh thần yêu nước và tinh thần chống phong kiến, nhưng lại không tự mình tổ chức lực lượng để chống phong kiến. Trái lại, Phan lại gửi lòng tin vào con cáo già đế quốc Pháp. Phan-chu-Trinh không biết rằng: vua quan nhà Nguyễn đương thời đã hoàn toàn trở thành bè lũ tay sai cho đế quốc Pháp. Chúng đã

https://tieulun.hopto.org

cam tâm làm con chó giữ nhà cho bọn chủ mới. Bọn đế quốc Pháp cũng đang hi hửng chung sống với bọn đầy tớ trung thành đó. Thế thì Phan-chu-Trinh làm sao có thể dựa vào « bọn chủ văn minh » mà đánh đổ bọn « đầy tớ hủ lậu » được? Những lời tố cáo tệ nạn quan lại Nam triều và những lời thỉnh cầu của Phan-chu-Trinh với tên toàn quyền Beau (1906) cũng chỉ là những tiếng kêu lạc lõng ngoài bãi sa mạc mà thôi!.....

.... Cụ Phan-chu-Trinh chỉ nhìn xã hội Việt-nam qua cặp kính màu xám. Cụ nhìn tình trạng người Việt-nam, tinh thần đồng bào ta qua lớp khói dầy đặc bốc lên từ cái thể xác phong kiến đang thối nát. Vì cụ không tin vào khả năng cách mạng của nhân dân cho nên cụ thấy chỉ có dựa vào nước Pháp văn minh mới có thể « cách mạng hóa » được xứ sở. Chính vì vậy cho nên cụ rất say sưa với chủ nghĩa cải lương và cụ cứ trườn hết bước này đến bước khác trên con đường sai lầm ấy.....

..... Thực dân Pháp không hề « giúp » cụ Phan-chu-Trinh trừ nạn tham quan lại nhũng. Trái lại, chúng lại ra sức lợi dụng uy tín của Phan-chu-Trinh để tuyên truyền cho chủ nghĩa cải lương của chúng. Thời kỳ này, thực dân Pháp đã tung ra chủ nghĩa cải lương theo tinh thần « Pháp Việt đề huề » nhằm xoa dịu tinh thần đấu tranh của nhân dân ta. Chúng gạt mũi giáo của nhân dân ta đang chĩa vào chúng sang bọn quan lại phong kiến Nam triều. Ngay từ năm 1907, bọn thực dân đầu sỏ đã biết đến cụ Phan-chu-Trinh cho nên chúng đã ra sức lợi dụng cụ để thực hiện mưu đồ nham hiểm của chúng. Trong bản báo cáo của viên Thống sứ Bắc-kỳ Miribel gửi cho Toàn quyền Đông-dương tháng 12-1907 đã nói rõ điều đó: « Tốt nhất là cố gắng mua chuộc Phan-chu-Trinh về phe ta, trước khi ông ta trở thành kẻ thù công khai. Có lẽ chúng ta có thể ban cho ông ta một chức vụ ngoài chính quyền. Với chức vụ đó ông sẽ vừa có thể thi thố những khả năng thực tế của mình, mà vẫn giữ được tư cách độc lập ông hằng tha thiết».

Những lời lẽ khôn ngoan xảo quyệt của Miribel đã tự tố cáo mưu đồ đen tối của chúng trong khi lợi dụng Phan-chu-Trinh. Chúng biết rằng chúng không thể lấy tiền tài mà mua chuộc được Phan-chu-Trinh. Vì hành động của Phan-chu-Trinh tuy có nhiều sai lầm nhưng cụ không hành động với mục đích vụ lợi. Cho nên bọn thực dân vẫn phải để cho cụ Phan giữ « tư cách độc lập » của mình. Chính đó là điều nói lên cái cốt cách trong sạch đáng kính của cụ Phan-chu-Trinh. Song đó cũng là điều rất nguy hiểm cho phong trào cách mạng Việt-nam....

... Đánh giá cụ Phan-chu-Trinh, chúng ta phải thấy hết mặt tích cực và mặt tiêu cực của cụ. Hai mặt đó luôn luôn tồn tại trong con người Phan-chu-Trinh. Tuy nhiên ta thấy mặt tích cực của cụ Phan được biểu hiện rõ rệt trong giai đoạn đầu, và mặt tiêu cực đã bộc lộ rõ trong giai đoạn sau. Mặt tiêu cực của Phan-chu-Trinh tuy có nhiều nhưng cũng không thể che mờ hoặc phủ nhận mặt tích cực của cụ. Trái lại mặt tích cực của cụ Phan cũng không thể xóa nhòa được mặt tiêu cực. Hay nói một cách khác tinh thần chống phong kiến của cụ, tấm lòng yêu nước trung thực của cụ cũng không thể xóa nhòa được sự tác hại của chủ nghĩa cải lương mà cụ hằng truyền bá trong phong trào cách mạng...

* * *

Bạn Hoài-nam.

... Theo cụ Phan thì hình như nếu bọn thực dân Pháp trừ được bọn quan tham lại nhũng « An-nam » đi tức khắc sự nghèo đói lạc hậu mất hẳn. Cụ Phan không dám vạch mặt chỉ tên thẳng vào bọn thực dân. Chính điểm này là một sự hạn chế lớn trong tư tưởng của cụ. Và cũng chính điểm này nó đã làm ảnh hưởng không tốt đến một số người. Chính điểm này đã làm cho bọn Pháp ưng ý vì chúng tránh được mũi dùi của dân tộc ta, gạt hướng đạn của một số người bắn vào bọn chúng trệch qua bọn quan lại. Cụ Phan đã tìm cách giải quyết ở phần ngọn mà không giải quyết ở tận gốc. Cụ Phan muốn người Pháp giúp cụ trừ nạn quan lại nhũng nhiễu. Nhưng cụ không biết thực dân và bọn vua chúa quan lại phản động là cái bóng và cái hình dính liền vào nhau. Chúng dựa vào nhau để sống. Bọn quan lại phong kiến là thủ túc của thực dân. Bọn thực dân là đầu óc của bọn quan lại. Cụ Phan đề nghị bọn thực dân trừ nạn tham quan ô lại thì có khác gì bảo một người tự chặt tay chân của mình đi. Đời nào bọn thực dân lại làm điều đó... Trình độ tiếp thu hiểu biết về nền dân chủ tư sản của cụ Phan đến đâu?... Về mặt chống phong kiến thì cụ Phan có công kích triều đình phong kiến nhà Nguyễn mạnh mẽ, gọi bọn chúng là « dân tặc » nhưng thật ra qua các bài nói trên thì cụ mới chỉ công kích bọn tham quan ô lại, vua chúa dâm ô hèn kém mà thôi. Chúng ta chưa thấy chỗ nào cụ Phan hô hào đánh đổ toàn bộ chế độ quân chủ đi cả, xây dựng chế độ dân chủ. Cụ có công kích một vài điểm trong lễ giáo phong kiến thì cũng chỉ là những điều theo cụ là do bọn

https://tieulun.hopto.org

« triết gia » đời sau thêm vào hay đặt bày ra mà thôi. Còn cái gốc của nó là triết lý của Khổng Mạnh chính cống thì cụ không nói tới. Thật ra chính cái triết lý Khổng Mạnh mà bọn phong kiến dựa vào làm vũ khí tinh thần để đàn áp nhân dân không kể gì « chính cống » hay « giả hiệu » đều là những liều thuốc độc mà bọn vua chúa đã bắt nhân dân ta uống vào để chúng dễ bề cai trị. Cho nên chúng ta có thể khẳng định rằng về mặt chống phong kiến đề cao dân chủ của cụ Phan-chu-Trinh cũng rất hạn chế...

***

Bạn Lê-sĩ-Toản.

Phan-chu-Trinh chủ trương lật đổ chế độ quân chủ thối nát để xây dựng chế độ dân chủ tư sản kiểu cũ. Đó chỉ nhìn bề ngoài, chứ đi sâu vào có đúng như vậy không? Chúng tôi thấy rằng vấn đề này Phan cũng không có một đường lối rõ ràng. Trong các bài diễn thuyết, thư từ, báo chí của Phan-chu-Trinh, chúng tôi chỉ thấy Phan rất căm thù chế độ quân chủ chung chung, do đó chúng tôi thấy mục tiêu đánh đổ của Phan-chu-Trinh chỉ là bọn vua quan nhà Nguyễn đã cực độ thối nát, chứ nếu có một ông vua tương đối thông minh biết cách cai trị nhân dân hơn một tý thì ông cũng không chủ trương đánh đổ để thay bằng chế độ dân chủ tư sản. Vì xét trong các bài của Phan-chu-Trinh viết, chúng tôi thấy có lúc ông ca tụng chế độ quân chủ ở Nhật, Thái-lan v.v... ... Tóm lại chúng tôi thấy rằng chủ trương phản phong cũng không rõ ràng, chỉ đả phá bọn vua quan tham lam hủ bại, nếu nói rằng Phan rất ghét quân chủ thì cũng không đúng, vì ngay những bài của Phan-chu-Trinh cũng chưa hề thấy viết rõ, có lúc còn ca tụng chế độ quân chủ, tán dương những ông vua thông minh biết cách cai trị dân. Còn phản đế thì Phan-chu-Trinh không hề nghĩ. Phan rất thích dân chủ tư sản và rất thích chế độ của Pháp lúc đó, ông còn mong nhờ họ để lật đổ nền quân chủ thối nát ở Việt-nam. Do đó chúng tôi thấy rằng ý kiến của ông Tô-minh-Trung trong *Nghiên cứu lịch sử* số 67 trang 35 cho rằng : « Chủ trương phản phong của Phan-chu-Trinh thì chúng ta đều dễ dàng nhìn thấy, nhưng đường lối phản đế của ông thì thật là khó nhìn thấy... Hành động chống Pháp của Phan có thể coi được bắt đầu từ khi gửi thư cho Toàn quyền Bô (1906) » là không đúng....

***

Bạn Huyền-Ngọc.

.. .. Nhiều người cho rằng điểm khác nhau căn bản giữa Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh là hai phương pháp : bạo động và cải lương (1). Theo chúng tôi thì đó đúng là 2 điểm khác nhau giữa hai ông, nhưng đó không phải là điểm khác nhau căn bản. Điểm khác nhau căn bản giữa hai ông Phan là : Phan-chu-Trinh thì không nhận rõ được kẻ thù dân tộc là chính, mà lại cho kẻ thù chính là bọn quan lại tham nhũng. Và kẻ thù chính là bọn quan lại tham nhũng thì chẳng cần phải võ trang bạo động gì cả, mà chỉ cần dựa vào Pháp để thay đổi bọn này đi là được. Đó là cơ sở hiện thực của chủ trương cải lương của Phan-chu-Trinh. Và chính đó cũng là sai lầm căn bản của ông.

***

Bạn Trương-hữu-Kỳ.

.... Một ít tài liệu mà chúng tôi đã nêu trên này cũng đủ chứng minh một cách hùng hồn rằng cái chủ trương cải lương không thể đem lại được những cải cách mà nhân dân ta mong muốn, và nếu tin rằng nhờ phương pháp cải lương mà giải phóng được đất nước thì chỉ là ảo tưởng....

.... Chống bạo động, cụ chủ trương cải lương, như thế là cụ phạm vào một kiến giải sai lầm. Nhưng, như nhà sử học Trần-huy-Liệu đã phân tích rõ ràng (2), trong một công tác nửa công khai và nửa hợp pháp lúc bấy giờ, cụ cũng như một số sĩ phu khác đã đẩy cho phong trào dân tộc tiến lên. Chẳng những thế, những khẩu hiệu yêu nước, kết đoàn, chấn hưng thực nghiệp, sống theo đời sống mới của cụ và các bạn đồng chí đề ra bấy giờ, một khi đã đi vào quần chúng, những người đương bị khốn khổ về sưu cao thuế nặng, vì đi phu đi lính, vì quan lại, hào lý sách nhiễu, vì lệ làng phép nước trói buộc, thì tác dụng của nó cũng không còn bị hạn chế ở trong phạm vi cải cách mà còn là một sức mạnh, kích thích cho đông đảo quần chúng vùng dậy đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày và tiến lên đòi giải phóng ách nô lệ như chúng ta đã thấy trong cuộc chống đi phu chống nộp thuế ở Trung-kỳ (1908)...

(1) Xem *Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh* của Tôn-quang-Phiệt, *Lịch sử 80 năm chống Pháp* của Trần-huy-Liệu (quyển 1), *Giáo trình văn học Đại học Tổng hợp* 1960, *Lịch sử cận đại Việt-nam* tập 3 v.v...

(2) Báo *Nhân dân* 24-3-1957 (Từ câu này trở xuống chúng tôi xin mượn nguyên văn của ông Trần-huy-Liệu).

https://tieulun.hopto.org

TÌM THẤY BÀI THƠ CỦA LÊ LỢI
KHẮC TRÊN MỎM ĐÁ

Ty Văn hóa Hòa-bình và Vụ Bảo tồn Bảo tàng vừa tìm thấy tấm bia của Lê Lợi khắc năm 1432 tại xã Hào-tráng, huyện Đà-bắc, tỉnh Hòa-bình. Chúng tôi công bố tin này cùng nguyên văn bài thơ và lời dịch của Vụ Bảo tồn Bảo tàng, để các bạn biết rằng bài thơ mà Lê Lợi làm hoặc sai người khác làm vào dịp đi đánh Đèo Cát Hãn năm 1432 là một việc có thật trong lịch sử. Còn tính chất cuộc tấn công ấy của Lê Lợi như thế nào, thì đó lại là một vấn đề khác, có dịp chúng tôi sẽ có ý kiến sau.

Tòa soạn tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

LÂU nay trong sử sách nước ta: *Đại Việt sử ký bản kỷ, Thông giám cương mục, Đại Nam nhất thống chí...* đều nói đến việc Lê Lợi, sau khi đi dẹp cuộc nổi dậy của Đèo Cát Hãn ở Châu Ninh-viễn (xưa là phủ An-tây, Hưng-hóa) vào đầu năm Nhâm tí (1432) về có làm bài thơ thất ngôn khắc trên đá ở bên bờ sông Đà để nói về chiến công của mình, nhưng từ lâu ta vẫn chưa tìm thấy bút tích về bài thơ đó.

Mới đây được sự giúp đỡ tích cực của nhân dân địa phương, Ty Văn hóa Thông tin Hòa-bình và Vụ Bảo tồn Bảo tàng đã sưu tầm và phát hiện được tại xã Hào-tráng, huyện Đà-bắc, tỉnh Hòa-bình tấm bia nói trên.

Tấm bia dài 1 thước 40, rộng 90 phân, được khắc sâu vào vách một mỏm đá cao hơn 4 thước—ghi niên hiệu Thuận-thiên ngũ niên (1432—triều Lê Thái-tổ), bên ngoài xây vòm mui luyện (xây cuốn) bằng gạch (mới bị sụp) tạo thành cái miếu nhỏ mà tấm bia là vách hậu.

Văn bia gồm 135 chữ, chia làm 15 dòng, có từ 8 đến 10 chữ, to độ 10 phân, nét khắc sâu. Phiên âm và tạm dịch như sau:

« Dư chinh Cát Hãn, hồi quá thử, tác thi nhất chương, dĩ thị hậu thế, ngự nhung chi đạo, Mường-lễ chư man, nhân diện thú tâm, như hữu ngạnh hóa, tùy tức tiễu tuyệt, vật đạn kỳ hiểm trở, chướng lệ, đương dĩ thiên hạ sinh linh vi niệm, nhi kỳ xuất chinh phương lược, tắc Thao, Đà nhị trấn, thủy lộ tiến binh vi ưu vân.

Kỳ khu hiểm lộ bất từ nan,
Lão ngã do tồn thiết thạch can.
Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ,
Tráng tâm dị tận vạn trùng san.
Biên phòng hảo vị trù phương lược,
Xã tắc ưng tư kế cửu an.
Hư đạo ngụy than tam bách khúc,
Như kim chỉ tác thuận lưu khan.

Thuận-thiên ngũ niên Nhâm tý, tam nguyệt thượng cán tinh»

Tạm dịch: Ta đi đánh Đèo Cát Hãn về qua đây, làm thơ một bài, để báo cho đời sau biết: trên đường đi đánh dẹp rợ nhung địch, các người man ở Mường-lễ, mặt người dạ thú, như có ý chống lại giáo hóa của ta, thì lập tức tiêu diệt ngay, đừng sợ vì lam chướng hiểm trở, phải nên nghĩ đến những sinh linh trong thiên hạ làm trọng, thì cái kế lược đi đánh dẹp ở hai trấn Thao, Đà này, nên tiến quân đường thủy là hơn vậy.

Dù đường sá gồ ghề hiểm trở chẳng ngại khó khăn,
Ta đây tuy già mà gan còn bền như sắt đá.
Lấy nghĩa khí mà quét sạch nghìn lớp mây mù,
Tấm lòng bền khỏe san phẳng muôn trùng núi non.
Lo giữ nơi biên phòng phải trù tính có phương lược sẵn,
Giữ vững bờ cõi đất nước, nên tính kế lâu dài.
Dù bảo có những 300 ghềnh thác quanh co hiểm trở,
Nhưng nay đây chỉ coi như ngọn nước đã thuận dòng xuôi chảy rồi.

Ngày trong sáng về thượng tuần tháng ba năm Nhâm tý, niên hiệu Thuận-thiên thứ 5 (1432)

Dịch thơ:

Gian nan nào ngại cách non sông,
Già cả mà ta vẫn vững lòng.

https://tieulun.hopto.org

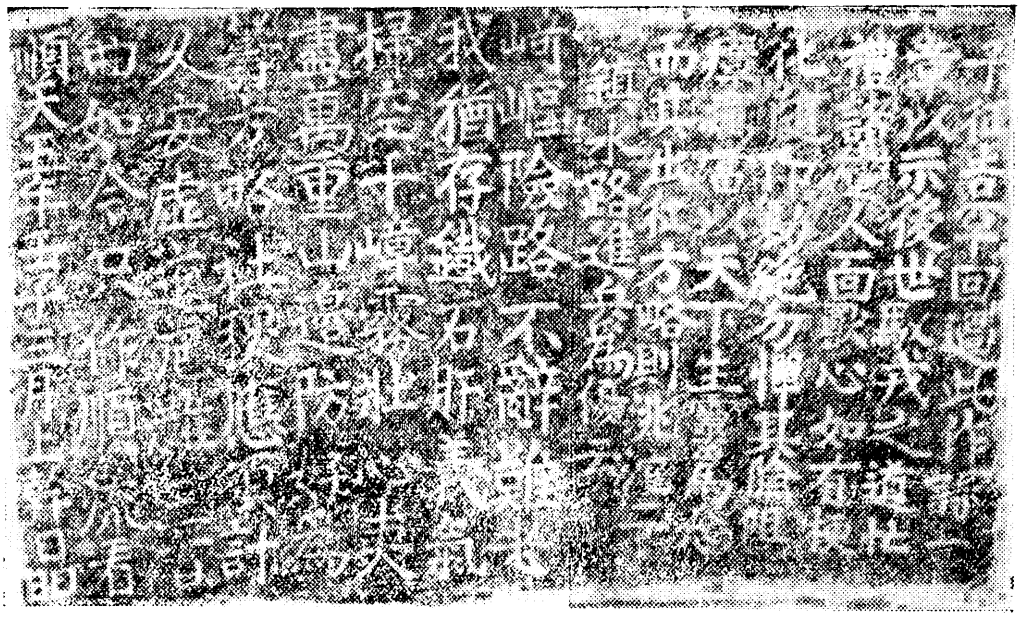

Bài thơ của Lê Lợi khắc trên mỏm đá cách đây 532 năm
Ảnh chụp: Vụ Bảo tồn bảo tàng

Nghĩa khí dẹp tan mù mấy lớp,
Tráng tâm san phẳng núi muôn trùng.
Phòng ngừa bờ cõi cần ra sức,
Giữ vững cơ đồ phải gắng công.
Thác suối ba trăm dù hiểm trở,
Nay xem nào khác nước xuôi dòng.

(Theo sách *Hoàng Việt thi văn tuyển*).

***

Bài thơ trên, tuy nhiên đã được ghi ở trong các sử sách, nhưng nghiên cứu, đối chiếu với bài văn bia—một hiện vật gốc mới được phát hiện, thì đều có những chỗ sai hoặc về chữ, về câu hoặc về niên đại như:

A — Sách Đại Nam nhất thống chí (đoạn về Hưng-hóa — mục cổ tích):

1) Ở bài tựa trong văn bia có câu: «... đương dĩ thiên hạ sinh linh vi niệm...», thì trong sách chua là: «... đương dĩ thiên hạ sinh *dân* vi niệm...»

2) Ở cuối bài tựa có câu: «... tắc Thao, Đà nhị trấn, thủy lộ tiến binh vi ưu vân», thì trong sách chua là: «... tắc Thao, Đà nhị, thủy lộ tiến binh vi ưu, thi vân».

3) Ở bài thơ trong văn bia, câu thứ 3 là chữ (嶂) chướng, thì sách chua là chữ (瘴) chướng.

4) Niên hiệu trong văn bia: «Thuận-thiên ngũ niên, nhâm tý tam nguyệt thượng cán tinh», sách chua là: «Thuận-thiên ngũ niên, nhâm tý tam nguyệt *«cốc nhật»*.

B — Sách Hưng-hóa địa chí:

1) Câu thứ nhất ở bài thơ trong văn bia:
«Kỷ khu hiểm lộ bất từ nan»,
Sách chua là:
«Kỷ khu hiểm *trở mục* từ nan»,

2) Câu thứ ba là: «Nghĩa khi tảo không thiên chướng vụ» sách chua lầm chữ (嶂) ra (障)

3) Câu thứ năm là: «Biên phòng hảo vị trù phương lược» sách chua là «*Trù biên* hảo vị *tồn* phương lược».

4) Câu thứ sáu là: «Xã tắc ưng tu kế cửu an», sách chua là: «*Vị quốc ninh vong* kế cửu an».

C — Sách Hoàng Việt thi văn tuyển của Tồn-am Bùi-huy-Bích:

1) Phần đầu của văn bia có bài tựa dài 68 chữ..., nhưng ở trong sách chỉ có 8 chữ là: «Chinh Đèo Cát Hãn quá Long thủy đê».

2) Câu thứ năm là: «Biên phòng hảo vị trù phương lược»,
sách chua là: «Biên phòng *vị* hảo trù phương lược»,

3) Niên hiệu trong văn bia: «Thuận-thiên ngũ niên, nhâm tý tam nguyệt thượng cán tinh», sách chua: «Thuận-thiên nhị niên mạnh hạ».

Trở lên trên, chúng tôi giới thiệu văn bài thơ khắc trên mỏm đá cách đây 532 năm để giúp cho các nhà sử học có thêm tài liệu để nghiên cứu, mà không phê bình về nội dung và ý nghĩa của bài thơ đã xuất hiện trong bối cảnh lịch sử bấy giờ.

VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG

https://tieulun.hopto.org

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG SỬ HỌC

Hội nghị khoa học hàng năm của Ngành sử trường Đại học Tổng hợp Hà-nội đã họp trong ngày 22 tháng 2-1965 vừa qua.

Trong Hội nghị, ngoài bản báo cáo Tổng kết công tác nghiên cứu và phổ biến khoa học năm 1964 của Ngành sử trường Đại học Tổng hợp Hà-nội (do đồng chí Đinh-xuân-Lâm thay mặt Hội đồng khoa học Ngành trình bầy), cán bộ trong Ngành đã trình bầy 12 bản báo cáo thuộc các bộ môn như sau :

Lịch sử Việt-nam : — Thông báo về công tác biên soạn giáo trình lịch sử Việt-nam giai đoạn 1930—1945 (Lê-mậu-Hãn).

— Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa-lư (Hà-văn-Tấn).

— Xác định lại quá trình suy vong của chế độ phong kiến Việt-nam (Phan-huy-Lê).

— Đánh giá cho đúng vai trò Trần-nguyên-Hãn trong cuộc kháng chiến chống Minh (Trần-bá-Chí).

— Một số tài liệu về mối quan hệ giữa Tôn Trung-Sơn và Cách mạng Việt-nam (Chương-Thâu).

— Mấy nguyên tắc đặt tên đất ở Việt-nam (Trần-thanh-Tâm).

Lịch sử Thế giới : — Một số kết quả bước đầu của việc xây dựng chương trình Lịch sử thế giới hiện đại (Phạm-việt-Trung).

— Vài ý kiến về Lịch sử cận đại Pháp trong một số sách giáo khoa (Vũ-dương-Minh).

Dân tộc học và Khảo cổ học : — Một vài nhận xét về mối quan hệ Mường—Việt và quá trình phân hóa giữa tộc Mường và tộc Việt (Trần-quốc-Vượng, Nguyễn-dương-Bình).

— Hôn nhân và gia đình dân tộc Xá Khmu (Đặng-nghiêm-Vạn).

— Phê phán những quan điểm phản động của người Pháp về dân tộc học Việt-nam (Vương-hoàng-Tuyên).

— Tình hình nghiên cứu các dân tộc ít người ở miền Nam qua một số sách báo xuất bản ở miền Nam gần đây (Phan-hữu-Dật).

Trong dịp này, Viện trưởng Trần-huy-Liệu đã phát biểu ý kiến về sự cần thiết phải có một tổ chức chặt chẽ của những người công tác sử học và đặc biệt nhấn mạnh đến mối quan hệ hữu cơ giữa Viện Sử học và Khoa Sử các trường Đại học Tổng hợp. Bộ trưởng Nguyễn-văn-Huyên, với tư cách là một nhà nghiên cứu khoa học, đã nói về tầm quan trọng của công tác Sử học phục vụ chủ nghĩa xã hội, về nhiệm vụ đẩy mạnh và tăng cường chất lượng công tác nghiên cứu khoa học để góp phần tích cực vào việc đào tạo đội ngũ cán bộ sử học nước nhà...

Sau một ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị khoa học lần thứ 5 của Ngành sử trường Đại học Tổng hợp đã thành công tốt đẹp.

PHAN-CHU-TRINH.....

(*Tiếp theo trang 43*)

mới có thể làm được như thế. Báo chí ngụy quyền ở miền Nam cũng bày trò kỷ niệm Phan-chu-Trinh nhưng thử hỏi một lũ chuyên nghề bán nước còn có thể nói được điều gì đáng tin cậy về lịch sử. Chẳng qua là sự lừa đối, lừa đối cả người sống lẫn người chết. Vì thế đằng sau những lời chúng tán tụng Phan-chu-Trinh như « nhà đại cách mạng », « một siêu nhân », « mở ra một tinh thần quốc tế mà ai cũng phải công nhận là gương mẫu cho cuộc sống quốc tế hiện thời », « bực tài năng lỗi lạc thấy xa nhìn rộng, rất dày đạo đức cách mạng »... (1) là âm mưu gian hiểm, quỷ quyệt nhằm hướng lòng thành thật yêu nước của đồng bào ta ở vùng chúng kiểm soát vào vết xe đổ của Phan-chu-Trinh, hòng kéo dài cơn hấp hối của chúng. Chúng ta tin tưởng rằng tiếng súng cứu nhà cứu nước của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam sẽ phá tan âm mưu lợi dụng lịch sử để ngăn chặn lịch sử tiến lên của bọn Việt gian bán nước và sẽ trả lại cho Phan-chu-Trinh những cái gì đúng là của Phan-chu-Trinh.

Tháng 11-1964

(1) Những từ ngữ này chúng tôi nhặt ở sách báo miền Nam vùng ngụy quyền kiểm soát trong những bài viết về Phan-chu-Trinh. Để cho đơn giản, xin miễn ghi xuất xứ cụ thể.

Tạp chí

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Số 74 tháng 5 - 1965

Gồm những bài :

— TRÊN GIAI ĐOẠN MỚI CỦA LỊCH SỬ TỔ QUỐC: GIẢI PHÓNG MIỀN NAM — BẢO VỆ MIỀN BẮC.

Trần-huy-Liệu

— QUÊ HƯƠNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH

Nguyễn-trọng-Thụ

— VẤN ĐỀ KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN TRONG SỬ VIỆT-NAM

Văn-Tân

và một số bài mục khác.

https://tieulun.hopto.org

目　錄

我們爲解放南方、實現祖國的和平統一的斗爭正在翻開新的歷史一頁。　陳輝燎　1

關於阮文忠先生所寫的“在越南的法國殖民主義——它的實質和玄話”一書。　阮公平　4

越南正气歌——一條文史資料。　黎　鑠　21

美國在非洲的新殖民主義政策。　阮有垂　30

潘周楨與他的時代。　胡　双　38

潘周楨的歷史哲學的觀点。　長　江　44

關於評價潘周楨的一些論文的摘要。　★★★　54

發現刻在一个石塊上的黎利的一首詩。　國家博物館　62

歷史科學動態　64

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН-ХЬЮ-ЛЬЕУ — Наша борьба за освобождение южной части и мирное объединение родины открывает новые страницы в истории. 1

НГУЕН-КОНГ-БИНЬ — О книге Нгуен-ван-Чунга « Французский колониализм во Вьетнаме — его сущность и легенда ». 4

ЛЕ-ТХЫОК — Волевые песни Вьетнама — историческая литература. 21

НГУЕН-ХЫУ-ТХУЙ — Политика неоколониализма США в Африке (продолжение). 30

ХО-ШОНГ — Фан-Чу-Чинь и его эпоха. 38

ЧЫОНГ-ЗАНГ — Философские взгляды Фан-Чу-Чиня на историю. 44

★★★ — Из некоторых рецензий о Фан-Чу-Чине. 54

ОТ УПРАВЛЕНИЯ ПО АРХИВЫМ И МУЗЕЙНЫМ ДЕЛАМ — Найденная стиха Ле-Лоя на скале. 62

НОВОСТЬ ИСТОРИЧЕСКОЙ НАУКИ 64

SOMMAIRE

TRẦN-HUY-LIỆU — De nouvelles pages dans la lutte pour la libération du Sud-Viêtnam, pour la réunification pacifique de notre patrie. 1

NGUYỄN-CÔNG-BÌNH — A propos d'un ouvrage de M. Nguyễn-văn-Trung : « Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam — thực chất và huyền thoại » (Le colonialisme français au Viêt-nam — sa nature et ses mythes). 4

LÊ-THƯỚC — Le « Chinh khi ca Viêt-nam » (« Le chant de l'air pur » dont est formée l'âme des héros du Vietnam): document littéraire et historique. 21

NGUYỄN-HỮU-THỤY — Le néo-colonialisme américain en Afrique (suite). 30

HỒ-SONG — Phan-chu-Trinh et son temps. 38

TRƯỜNG-GIANG — Phan-chu-Trinh : sa philosophie de l'histoire. 44

★★★ — Extraits d'articles sur Phan-chu-Trinh. 54

LE DÉPARTEMENT POUR LA CONSERVATION DES MONUMENTS HISTORIQUES — Découverte d'un poème de Lê Lợi gravé sur un rocher. 62

INFORMATIONS 46

https://tieulun.hoptoc.org

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 4 NĂM THÀNH LẬP

MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT-NAM

Tìm đọc

★ **NGỌN CỜ CHIẾN THẮNG CỦA MIỀN NAM ANH HÙNG**

của *NGUYỄN-CÔNG-BÌNH, CAO-VĂN-LƯỢNG*
BÙI-HỮU-KHÁNH

176 trang, giá 1 đ 10

★ **MIỀN NAM GIỮ VỮNG THÀNH ĐỒNG** *(Tập I)*

của *TRẦN-VĂN-GIÀU*

468 trang, giá 2 đ 65

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC

58 Phố Ngô Quyền, Hà-nội

Chỉ số : 12.743

Giá : 0 đ 60

https://tieulun.hopto.org